



TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
Mã Chứng khoán: TTF

Cho Trái Đất Luôn Xanh

2010

**Hai lần ra tòa
&
Một lần bị cảnh cáo
trên toàn thị trường
về hợp nhất
báo cáo tài chính**

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

NỘI DUNG



Phần 1	Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2
Phần 2	Giới thiệu chung	4
Phần 3	Lịch sử hoạt động	12
Phần 4	Tổ chức và Nhân sự	32
Phần 5	Báo cáo của Hội đồng Quản trị	44
Phần 6	Báo cáo của Ban điều hành	49
Phần 7	Báo cáo tài chính (đã kiểm toán) kèm thuyết minh	70

Phần 8	Ý kiến của Kiểm toán và Ban kiểm soát	110
Phần 9	Các công ty có liên quan	115
Phần 10	Thông tin Cổ đông và Quản trị công ty	118
Phụ lục 1	Những câu chuyện vu khống của Ông Nam Công ty Tân Phát	130
Phụ lục 2	Cảnh cáo toàn thị trường đối với TTF vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán	145
Phụ lục 3	Tóm tắt tình hình thị trường đồ gỗ và triển vọng năm 2011	149

Thông điệp của
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đan Uyên tháng 4 năm 2011

Kính thưa: Quý vị Cổ đông.

Năm 2010 vừa qua, Một lần nữa Tôi đã lời hẹn với quý vị Cổ đông, khi lời nhuận không đạt theo kế hoạch, mặc dù đã có tăng trưởng lợi nhuận hơn gấp đôi so với năm trước.

Trong năm qua, những tương Công Ty đã vượt qua được các thử thách to lớn của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, khi mà đầu năm đã thấy các đơn hàng tăng lên từ thị trường Hoa Kỳ nơi bắt đầu của khủng hoảng, Tôi đã nghĩ rằng: ba đến năm tháng sau thị trường EU sẽ tốt trở lại. Nhưng sau đó, thị trường Hoa Kỳ cũng đã rất hỗn loạn và EU tiếp tục trầm lắng. Và đó là lý do chính làm cho các công ty đồ gỗ trên thế giới đều không tăng được giá bán theo kịp với sự gia tăng của chi phí đầu vào. Các nhà máy phải tự mình lợi nhuận để giữ được công ăn việc làm cho nhân công nhân viên. Giá gỗ Cao Su tăng gần 50% dưới áp lực gom hàng từ Trung Quốc, và lãi suất ngân hàng luôn cao, đã làm giảm đi lâu hết lợi nhuận của chúng ta.

Bên cạnh đó, khi công ty chúng ta vào ký xang hợp đồng nhượng lại 49% cổ phần của công ty trồng rừng tại Đắk Yển, Cũng là lúc Chính phủ ra công vào

405/TTg - KTN tạm dừng đề tài xét, các dự án có yếu tố mức ngoài trong lĩnh vực lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản, nên công ty không thể thu hồi lại bất một phần vốn đầu tư để trả nợ và đảo biệt là chưa thu được hơn 50 tỷ tiền lãi từ HĐT này như dự định - mà phải từ quý II, năm này.


Năm 2011, chúng ta đều thấy rằng cơn bão khủng hoảng, thử thách phía trước, khi mà vào đầu năm chúng ta đã chứng kiến: lạm phát, chính sách thắt chặt tiền tệ của chính phủ, sự tăng giá của xăng dầu, điện... kéo theo các mặt hàng khác, tất bật là lãi suất ngân hàng chưa có dấu hiệu giảm lại, lương lỗ là phần xương trong vài ba tháng tới đây.

Tuy nhiên, tôi tin tưởng với năng lực quản trị của HĐQT, sự cố gắng tốt nhiều mặt, sự nỗ lực nhiều năm phần mình, Cũng như các hợp đồng lãi trong thị trường nội địa, chúng ta sẽ có kết quả tốt hơn sẽ bù đắp những thiệt hại của các cổ đông gần bờ, trung thành với công ty.

Kính thưa quý vị cổ đông!

Tân đây lòng, tôi xin cảm ơn chân thành đến quý vị đã đồng cảm, chia sẻ và vẫn đồng hành với công ty trong suốt thời gian qua. Tôi và HĐQT cảm kích Trung thành và kiên nhẫn hơn nữa trong thị trường năm này để chúng tôi được lòng tin đúng đến của quý vị vào Công ty.

Thay mặt HĐQT tôi kính chúc quý vị: Sức khỏe, Hạnh phúc và nhiều thắng lợi trong năm 2011.


Vu Trong Thanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
(Mã CK: TTF)

Tên tiếng Anh: **TRUONG THANH FURNITURE CORPORATION**
Tên viết tắt: **TTFC** hoặc **TTF**

Logo của Công ty



Vốn Điều lệ: 312.498.390.000 VND (Ba trăm mười hai tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng)

Trụ sở chính: Đường DT747, Khu phố 7, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0650) 3642 004 **Fax:** (0650) 3642 006

Email: contact@truongthanh.com

Website: www.truongthanh.com

Giấy CNĐKKD: Số 3700530696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 21 tháng 6 năm 2010

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo giấy CNĐKKD là:

- ▶ Sản xuất đồ mộc, gỗ dán, ván mỏng, lạng, ván ép, ván sàn nội thất
- ▶ Mua bán sản phẩm mộc, phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ
- ▶ Sản xuất bao bì
- ▶ Đại lý ký gửi hàng hóa
- ▶ Mua bán thủy hải sản, sản phẩm nông lâm sản, phân bón
- ▶ Vận tải hàng hóa đường bộ
- ▶ Kinh doanh bất động sản
- ▶ Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
- ▶ Hoạt động xây dựng chuyên dụng

Tầm nhìn

Luôn giữ vững vị thế hàng đầu trong ngành chế biến gỗ, trang trí nội thất và trồng rừng của Việt Nam và khu vực ASEAN.



Sứ mệnh *Trường Thành* Năng lực cốt lõi

Tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông của TTF nhưng luôn có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, giữ cho tài chính TTF luôn khỏe mạnh và đền đáp xứng đáng cho những nhà đầu tư dài hạn của TTF;

Mang “cơ hội lợi nhuận” đến cho nhiều nhà nhập khẩu, bán sỉ và phân phối đồ gỗ trên thế giới, cũng như các đại lý tại Việt Nam;

Luôn gia tăng sự thỏa mãn của khách hàng theo các tiêu chí đã đề ra: giá cả cạnh tranh, giao hàng đúng hẹn, chất lượng đúng thỏa thuận, luôn cải tiến và phục vụ tốt nhất;

Mang đến cho cuộc sống những sản phẩm gỗ đẹp mắt, tiện dụng, chắc chắn, làm cho người sử dụng cảm thấy thoải mái, hạnh phúc và an toàn hơn;

Tạo ra và nuôi dưỡng một văn hóa Trường Thành, một môi trường làm việc thật khỏe khoắn, sáng tạo, tôn trọng và vui vẻ, mà trong đó công lao của CBCNV luôn được đền đáp công bằng, và CBCNV cũng được khuyến khích luôn tôn trọng khách hàng cũng như chất lượng sản phẩm của TTF. Ngoài ra CBCNV có năng lực, nhiệt tình, thâm niên luôn có cơ hội trở thành người chủ thật sự của TTF thông qua các chương trình ESOP. Đặc biệt, các khóa huấn luyện thường xuyên về kỹ năng quản trị của nội bộ Công ty sẽ giúp CBCNV có đủ tự tin và năng lực đảm trách những vị trí quan trọng hơn;

Trồng rừng, góp phần bảo vệ môi trường, chống phá rừng trên toàn thế giới, kinh doanh có trách nhiệm, để TTF nói riêng và ngành chế biến gỗ nói chung có thể phát triển bền vững.



Đã xây dựng thành công một nền **văn hóa công ty**, đây là sợi dây vô hình liên kết hàng ngàn người trong doanh nghiệp chung sức cho thương hiệu Trường Thành;

Công ty đã được xây dựng dựa trên những thông lệ và chuẩn mực quản trị tốt nhất của thế giới, góp phần làm cho khách hàng an tâm và thỏa mãn hơn, từ đó **khách hàng luôn tìm đến với Công ty**;

Tự thiết kế và bán trên 80% sản lượng từ thiết kế của mình trong hơn 4 năm qua, đặc biệt trong năm 2010, Công ty đã tung ra thị trường trong nước và quốc tế nhiều dòng sản phẩm mới, mang tính chiến lược và tạo bước đột phá mới cho TTF, và chúng ta có thể xem đây là một cuộc cách mạng trong ngành vật liệu xây dựng và trang trí nội thất;

Có **nguồn nguyên liệu** ổn định, số lượng lớn, giá rẻ mà vẫn đạt được yêu cầu của FSC (Forestry Stewardship Council) - C.o.C (Chain of Custody), hoặc đạo luật Lacey của Mỹ, hay của Hiệp định FLEGT của Cộng đồng Châu Âu đang hình thành dự định ban hành trong vài năm tới;

Nắm giữ nhiều **bí quyết** làm ra sản phẩm chất lượng cao, đạt yêu cầu kỹ thuật và các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn (BS EN 581, BRC, CARB...), về đóng gói (ISTA)... từ nhiều năm trước;



Xây dựng thành công 1 thương hiệu B2B (Business to Business) nổi tiếng về chất lượng trong giới mua hàng quốc tế, cũng như đạt được nhiều giải thưởng trong và ngoài nước về chất lượng và uy tín kinh doanh, đảm bảo **“khách hàng luôn tìm thấy chúng ta”** chứ không phải đi tìm khách hàng như phần lớn các doanh nghiệp khác;

Thương hiệu “Truong Thanh” đã được đăng ký **bảo hộ tại Mỹ, Anh, Pháp và Việt Nam**;

Có khả năng **bán hàng trực tiếp** đến các hệ thống siêu thị, chuỗi bán lẻ, nhà bán sỉ lớn trên thế giới mà không phải lúc nào cũng phải thông qua các công ty trung gian như nhiều bạn đồng ngành khác;



Đội ngũ **tiếp thị quốc tế** có khả năng tìm kiếm – cập nhật nhanh chóng các thông tin về thị trường, về xu hướng thiết kế, về tình hình nguyên vật liệu, từ đó Ban Lãnh đạo sớm có định hướng kịp thời và hiệu quả cho các hoạt động sản xuất kinh doanh;

Đội ngũ **kinh doanh quốc tế** có khả năng giao tiếp lưu loát bằng tiếng Anh, Pháp, Nhật và Hoa, có kinh nghiệm trên 17 năm trong việc đàm phán các hợp đồng ngoại thương cũng như xử lý kịp thời – hiệu quả các tình huống trong thanh toán quốc tế và xuất nhập khẩu;



Sở hữu nhiều máy móc chế biến gỗ hiện đại, đa năng, công suất cao thuộc hàng bậc nhất Việt Nam, được nhập khẩu từ Ý, Đức, Nhật bản kết hợp công nghệ quang học và điện toán để có thể chọn lọc gỗ bằng mắt thần quang học, cũng như **tối ưu hóa việc sử dụng nguyên liệu thô theo giá trị thu hồi bằng phần mềm điện toán, chứ không phải khái niệm tối ưu theo tỷ lệ khối lượng thu hồi** như trước đây. Các máy móc thế hệ mới này được nối lại với nhau bằng cáp quang và thông qua server tại văn phòng chính của Công ty đến bưu điện. Từ đó chúng ta có thể cho phép chuyên gia từ Đức, Ý sửa chữa hoặc vận hành sản xuất theo những thiết kế mới một cách tức thì. Việc trang bị nhiều máy móc thiết bị hiện đại này sẽ giúp cho Công ty vượt qua được thử thách mới sau 4 năm nữa, lúc mà lương của công nhân sẽ tăng cao gần 3 lần hiện nay;

Có khả năng duy trì và phát triển tốt **hệ thống truy tìm nguồn gốc sản phẩm** đạt chuẩn C.o.C, được đánh giá và chứng nhận định kỳ bởi tổ chức SGS;

Có khả năng vận hành nhuần nhuyễn **hệ thống quản lý chất lượng** theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, được đánh giá và chứng nhận định kỳ bởi tổ chức SGS. Có hơn 50 đánh giá viên nội bộ được đào tạo chính quy và cấp chứng nhận bởi tổ chức BVQI và SGS;



Ban Điều hành, đặc biệt là Tổng Giám đốc (kiêm Chủ tịch HĐQT), người đứng đầu doanh nghiệp, không những **có kinh nghiệm và kiến thức sâu rộng** về quản trị kinh doanh mà còn rất am hiểu về kỹ thuật công nghệ chế biến gỗ. Đây là trường hợp khá hiếm trong ngành chế biến gỗ của Việt Nam. Và Ông còn là Chủ tịch Hiệp hội Chế biến Gỗ Bình Dương – 1 tỉnh của Việt Nam có kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ chiếm đến gần 50% kim ngạch XK của toàn quốc

Có khả năng **sản xuất những đơn hàng rất lớn** do dự trữ được nhiều nguyên liệu và đầu tư mạnh cho máy móc thiết bị hiện đại;



Sở hữu nhiều rừng đến chu kỳ khai thác lấy gỗ. Nắm giữ nhiều diện tích đất đai để trồng rừng trong những năm tiếp theo. Áp dụng phương pháp khai thác chế biến luân kỳ và kinh doanh bền vững. Được hỗ trợ kỹ thuật từ những đối tác danh tiếng và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực trồng rừng trên thế giới. Nhận được tài trợ của Chính phủ lên đến 50% trong việc xây dựng vườn ươm – nuôi cấy mô – chọn lọc giống bằng công nghệ Acid deoxyribonucleic (ADN). Vườn ươm sử dụng công nghệ tưới ngầm tiên tiến và kỹ thuật sinh học thay cho phân bón với chi phí hoạt động thấp, tiết kiệm được nhiều tài nguyên.

Là một nhóm công ty chế biến gỗ liên kết với nhau thành một chuỗi sản xuất gần như khép kín từ các nguyên liệu đầu vào như rừng, gỗ, ván dăm, ván ép, ván lạng đến thành phẩm và bao bì đóng gói, hạn chế sự lệ thuộc vào nhiều nhà cung cấp từ bên ngoài Tập đoàn, gia tăng sự kiểm soát về chất lượng, giá cả đầu vào và ngày giao hàng cho khách.



LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG



PHẦN 3
LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

1. Những sự kiện quan trọng

Câu chuyện khởi nghiệp của Ông Võ Trường Thành – người sáng lập Tập đoàn:

Sau giải phóng, ở Tây Sơn, Bình Định thiếu nhiều giáo viên. Ông Võ Trường Thành được đưa đi đào tạo sư phạm cấp tốc mấy tháng rồi về dạy. Tuy nhiên, ông Thành nghĩ mình không được đào tạo một cách bài bản thì làm nghề giáo sẽ không ổn lắm. Vì vậy, sau hai năm dạy học, ông đã xin nghỉ và vào Sài Gòn, cùng một số bạn bè đăng ký đi thanh niên xung phong. Đó là thời điểm năm 1983. Một thời gian ngắn sau, ông Thành được chuyển qua làm việc tại một xí nghiệp chế biến gỗ của đơn vị, đó là thời điểm ông bước chân vào cái nghiệp gỗ này. Với sự năng động, tận tụy trong công việc, ông được đề bạt làm giám đốc doanh nghiệp quốc doanh ở tuổi 28.

Trong suốt 10 năm là thanh niên xung phong thì đến 8 năm ông làm ngành khai thác và chế biến gỗ. Do đó, khi ông quyết định ra kinh doanh là ông nghĩ ngay đến nghề gỗ này. Đến năm 1992, ông được phục viên. Gom góp, vay mượn thêm của gia đình được một số tiền nhỏ trị giá khoảng 3000 USD, ông thành lập cơ sở nhỏ chế biến gỗ tại EaH'leo – Dak Lak, do ông rất thông thuộc địa bàn Dak Lak và vốn liếng không có đủ để làm ở Sài Gòn. Năm 1993, cơ sở được nâng lên là doanh nghiệp, lấy tên Xí nghiệp Tư doanh Chế biến Gỗ Trường Thành.

Năm 2000

Sau 8 năm khởi nghiệp và chuyển đi du học về quản trị kinh doanh tại Mỹ, Ông Võ Trường Thành đã tìm đến Bình Dương, mua lại nhà máy VINAPRIMART của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài đầu tiên của tỉnh, chuyên sản xuất dũa gỗ, để chuyển thành nhà máy chế biến ván sàn và đồ gia dụng nội – ngoại thất bằng gỗ cho thị trường xuất khẩu, chính thức thành lập **Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (TTF)**



Năm 2001

Sau khi thành lập phòng tiếp thị quốc tế, với biên chế vốn vẹn 2 người, với bức xúc khi bị quá nhiều thiệt thòi vì phải bán hàng xuất khẩu qua trung gian, TTF đã mạnh dạn “mang quân đi đánh xứ người” tại những hội chợ chuyên ngành quốc tế tại Singapore, Mỹ và Nhật Bản, tiếp cận hơn 300 khách hàng mới, **bắt đầu bán hàng trực tiếp vào các hệ thống siêu thị** hàng đầu Châu Âu như Carrefour, Homebase ... và những khách hàng nổi tiếng như Lapeyre, Alexander Rose...



Năm 2002

Với uy tín về chất lượng và giao hàng đúng hạn, TTF đã phải nhận nhiều đơn hàng hơn công suất sản xuất của chính mình. Từ đó, TTF bắt đầu chuyển một số đơn hàng ra cho một số bạn đồng ngành.

Năm 2003

Ý thức cao trong việc “giữ chân” nhân tài, Ông Võ Trường Thành đã cùng Hội đồng Thành viên quyết định **chuyển loại hình công ty TNHH sang cổ phần** với chương trình ưu đãi cho một số cán bộ chủ chốt mua cổ phần với giá bằng mệnh giá

Năm 2004

Trước tình hình đơn hàng cứ tăng liên tục trên 20%/năm, TTF tiếp tục chuyển một số đơn hàng ra cho các bạn đồng ngành khác tại TP.HCM, Bình Dương và Quy Nhơn với khối lượng đến 50% tổng đơn hàng

Năm 2005

Nhận được những giải thưởng quốc tế cao quý dành cho chất lượng:

- “**Cúp vàng chất lượng Châu Âu**” (European Trophy For Quality) do Trade Leader’s Club trao tặng tại Roma – Ý vào tháng 10
- “**Cúp vàng Chất lượng Quốc tế**” (International Trophy For Quality) do Trade Leader’s Club (Câu lạc Bộ Doanh nhân hàng đầu thế giới) trao tặng tại Tây Ban Nha vào tháng 11
- “**Huy chương quản lý chất lượng toàn cầu**” được Trade Leader’s Club trao tặng cho Chủ tịch Võ Trường Thành tại Tây Ban Nha vào tháng 11



Truong Thanh

Năm 2006

- Với thực trạng hàng hóa đặt ra ngoài phần lớn có chất lượng không đồng bộ với Công ty và thường xuyên bị trễ, Công ty quyết định mở rộng quy mô sản xuất của chính mình thông qua việc **đầu tư vào 03 nhà máy chế biến gỗ tại Dak Lak và Bình Dương**. Bên cạnh đó, TTF còn thực hiện chiến lược hội nhập lùi bằng cách đầu tư vào công ty Lidovit – một nhà cung cấp vật tư lớn của Công ty. Tổng vốn đầu tư dài hạn lên đến gần 15 tỷ đồng.

- Tiếp tục được quốc tế công nhận với giải thưởng **“Sao vàng Chất lượng Quốc tế”** (International Gold Star Award) do tổ chức BID trao tặng vào tháng 10 tại Thụy Sĩ.

- Sau gần 10 tháng tìm hiểu, thẩm định kết quả kinh doanh cũng như đánh giá tiềm năng phát triển của TTF, **Quỹ Aureos Đông Nam Á (ASEAF) đã trở thành cổ đông nước ngoài đầu tiên của Công ty vào ngày 31/12/2006, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng cho sự phát triển của TTF.**



Năm 2007

- Được tổ chức OtherWays (Pháp) trao tặng Giải vàng Châu Âu cho **Chất lượng và Uy tín thương mại** (Golden Europe For Quality & Commercial Prestige) vào tháng 10 tại Berlin – Đức.



- Tiếp tục được Tổ chức Business Initiative Directions (BID) trao tặng giải thưởng **“Sao Bạch Kim Chất lượng Quốc tế”** (International Platinum Star Award) vào tháng 11 tại Thụy Sĩ;

- Để đáp ứng vốn cho việc đầu tư mở rộng nêu trên, cũng như vốn lưu động cho nhu cầu sản xuất ngày mỗi lớn hơn, Công ty đã phát hành cho cổ đông riêng lẻ và tiến hành IPO thu hút vốn từ các nguồn cổ đông trong và ngoài nước, **tăng vốn điều lệ lên thành 150 tỷ đồng cùng với thặng dư vốn trên 470 tỷ đồng**

- Tiếp tục đầu tư mảng chế biến gỗ vào 1 công ty tại TP.HCM và 1 công ty tại Phú Yên. Bên cạnh đó, bắt đầu thành lập các

công ty trồng rừng tại Dak Lak và Phú Yên theo dự án trồng 100.000 ha rừng sản xuất tại Việt Nam. Bên cạnh đó, Công ty còn đầu tư tài chính vào một số công ty ngoài ngành như Sông Hậu (thủy sản), Quỹ Bản Việt (y tế) và Phú Hữu Gia (bất động sản). Tổng phát sinh vốn đầu tư dài hạn trong năm là khoảng **250 tỷ đồng**.

Năm 2008



- Ngày 1/2/2008, Công ty đã nhận được quyết định số 24/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng Khoán TP.HCM (HOSE) cho phép niêm yết chính thức 15.000.000 cổ phần TTF. Và ngày giao dịch chính thức đầu tiên của TTF trên HOSE là 18/2/2008. Đây là một cột mốc rất quan trọng của TTF.



- Là một trong 30 doanh nghiệp đầu tiên có thương hiệu được Chính phủ chọn vào Chương trình **Thương hiệu Quốc gia**

- Tiếp tục đầu tư thêm khoảng 57 tỷ vào các công ty đã nêu, đạt tổng giá trị đầu tư dài hạn đến 31/12 là khoảng 322 tỷ đồng

Năm 2009

- Đạt giải **Báo cáo thường niên tốt nhất** do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) tổ chức xét chọn

- Tiếp tục đầu tư thêm 74 tỷ đồng vào các công ty đã nêu, 1 công ty chế biến gỗ tại Bình Dương, 1 công ty quản lý cụm công nghiệp tại Dak Lak, đạt tổng giá trị đầu tư dài hạn đến 31/12 là khoảng **396 tỷ đồng**



Năm 2010

- Tiếp tục được lựa chọn là một trong 43 doanh nghiệp tham gia vào Chương trình **Thương hiệu Quốc gia lần 2**



- Hai lần ra tòa án với những vụ kiện của Ông Trần Hoài Nam – Công ty Tân Phát (đính kèm phần phụ lục là phần trình bày chi tiết)

- Bị UBCK phạt 70 triệu đồng và HOSE cảnh cáo toàn thị trường chứng khoán về việc **báo cáo tài chính các năm trước hợp nhất chưa đầy đủ.**

- Tiếp tục đầu tư thêm 54 tỷ đồng vào các công ty đã nêu, 1 công ty làm bao bì cho sản phẩm gỗ, đạt tổng giá trị đầu tư dài hạn đến 31/12 là khoảng **450 tỷ đồng** (chi tiết được trình bày rõ trong báo cáo tài chính đính kèm phía sau)

- Đạt giải **Báo cáo thường niên xuất sắc nhất** do Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE) tổ chức xét chọn



2. Quá trình phát triển

2.1. Ngành nghề kinh doanh: Chủ yếu là sản xuất, mua bán, xuất khẩu sản phẩm bằng gỗ, nguyên phụ liệu ngành chế biến gỗ, cụ thể như sau:

a) Đồ gỗ nội thất

Đồ gỗ nội thất như bàn, ghế, tủ, giường, kệ....chủ yếu làm bằng gỗ Cao su, Keo, Tràm, Teak, Oak, Ash, Beech, ván sợi (MDF), ván dăm (PB), ván ép (plywood) dán veneer...



Truong Thanh

b) Đồ gỗ ngoại thất

Đồ gỗ ngoại thất như bàn, ghế, băng, ghế nằm, xe đẩy rượu...chủ yếu là bằng gỗ Tràm, Keo, Bạch đàn, Xoan đào, Dầu, Chò chỉ, Teak...



c) Cửa, hàng rào, ván sàn, decking, chi phào, cầu thang, hoành phi, phù điêu...

Nguyên liệu làm bằng gỗ Hương, Gỗ đỏ, Cẩm xe, Teak, Cherry, Oak, Ash, Eucalyptus, Acacia, gỗ ghép kỹ thuật cao dán veneer, ván ép kỹ thuật cao...chủ yếu cho các công trình lớn tại Việt Nam, xuất khẩu đi Ý, Hà Lan và Nhật Bản



d) Khác Ván dăm, ván sợi, ván ép, gỗ xẻ...



2.2. Tình hình hoạt động

2.2.1 Nguyên liệu chính theo dòng sản phẩm

- **Đồ gỗ nội thất (bàn, ghế, tủ, giường, kệ...):** trong năm 2010, tình hình kinh tế Mỹ có hồi phục hơn nữa so với trước đó, tuy nhiên, nhu cầu dùng hàng cao cấp vẫn chưa tăng mạnh. Vì vậy, dòng hàng làm bằng các nguyên liệu có giá thấp như cao su, trầm, keo, ván nhân tạo dán veneer được sử dụng phổ biến hơn, lên đến hơn 65%, còn lại 35% mới được làm bằng những loại gỗ như Teak, Oak, Ash, Cherry, Mahogany, Beech... Đôi khi, có những sản phẩm chỉ làm bằng ván nhân tạo như MDF/PB/ Plywood và sơn thẳng lên bề mặt mà không cần dán veneer. Nhưng ngược lại, những yêu cầu về chất lượng và yếu tố an toàn sử dụng được đặt ra cho các sản phẩm xuất khẩu ngày càng cao.



- **Đồ gỗ ngoại thất (bàn, ghế, băng, ghế nằm, xe đẩy rọu...):** thị trường Châu Âu là thị trường chính cho đồ gỗ ngoại thất xuất khẩu từ Việt Nam. Do đó, trong bối cảnh thị trường Châu Âu còn ảm đạm, mặc dù có tăng trưởng so với năm 2009, dòng sản phẩm giá rẻ vẫn chiếm tỷ trọng lớn, vì vậy nguyên liệu được sử dụng chủ yếu là trầm, keo, bạch đàn, sau đó mới đến teak và các nguyên liệu khác. Trong năm 2010, Công ty đã bắt đầu làm một số hàng cao cấp bằng gỗ Mahogany có chứng nhận FSC cho một khách hàng nổi tiếng về chất lượng tại Anh quốc. Theo nguồn tin từ khách hàng thì TTF là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam có thể cung cấp dòng hàng này.



- **Sàn gỗ:** ngoài mặt hàng truyền thống từ các năm trước là ván sàn trong nhà và ván sàn ngoài trời làm bằng gỗ thật 100%, trong năm 2010, TTF đã tung ra thị trường một sản phẩm lót sàn được làm bằng ván gỗ kỹ thuật cao, kèm theo các phụ kiện như chỉ phào, len tường. Đây là 1 dòng sản phẩm mang tính cách mạng trong ngành vật liệu xây dựng, bởi tính chịu nước và chống trầy siêu cao của nó. Hiện sản phẩm này đã được lắp đặt và đưa vào sử dụng tại tòa nhà Vincom Center – TP.HCM và nhiều dự án – công trình nổi tiếng khác.



- **Hàng rào, cổng gỗ:** trong năm chỉ còn xuất đi Hàn quốc một số hàng rào và cổng gỗ làm bằng chò xốt, và cung cấp cho các công trình nội địa bằng gỗ chò chỉ. Thị trường hàng rào ở Châu Âu thu hẹp vì khủng hoảng kinh tế.

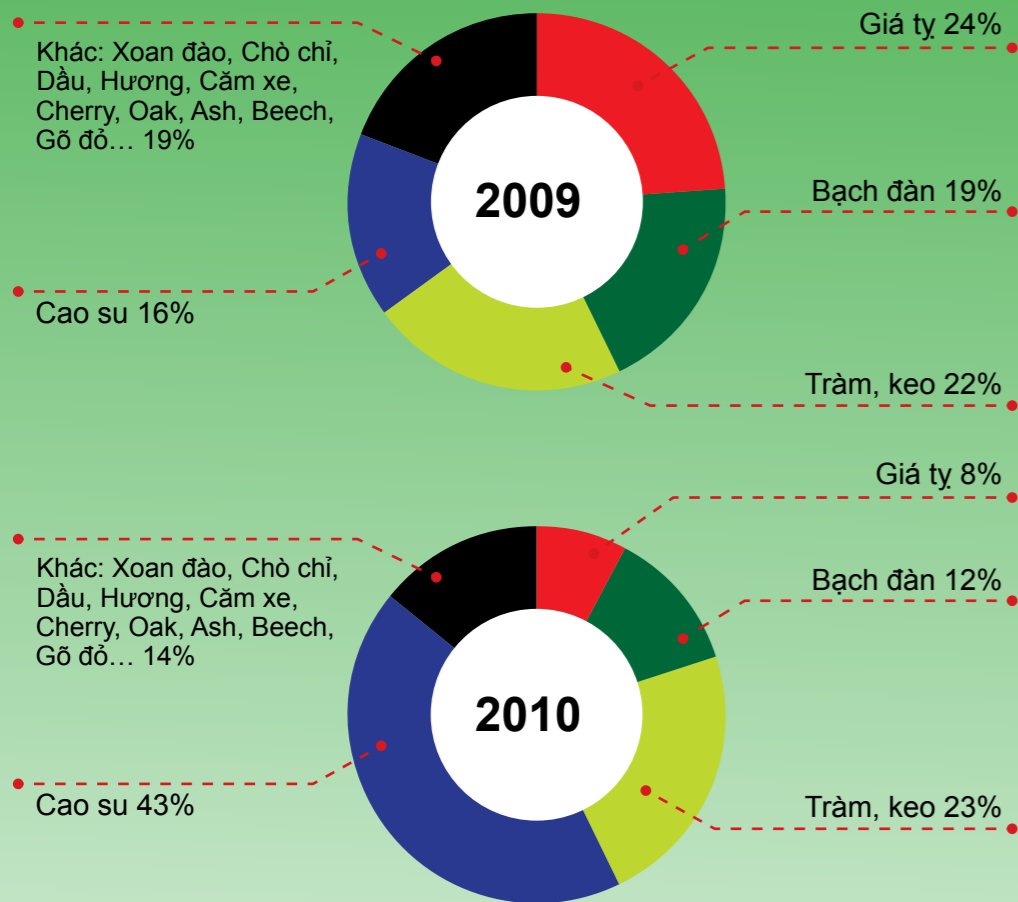
- **Cửa gỗ:** chủ yếu làm cho các công trình xây dựng – trang trí nội thất trong nước, nguyên liệu chủ yếu bằng Hương, Gỗ đỏ, Chò chỉ, Cherry, ván ghép kỹ thuật cao dán veneer...



- **Hoành phi, phù điêu:** dành cho một số hộ gia đình có trang trí nội thất cao cấp, hoặc các dự án khách sạn, khu nghỉ dưỡng..., được làm bằng nguyên liệu Hương, Gỗ, Cherry... bằng công nghệ CNC nhập từ Ý về.

- **Ván dăm, ván sợi, ván ép, gỗ xẻ, gỗ tròn:** bán chủ yếu cho các bạn đồng ngành, các công trình xây dựng – trang trí nội thất trong nước, từ nguồn dự trữ và tự sản xuất.

2.2.2 Tỷ lệ sử dụng nguyên liệu gỗ trong sản xuất



Nguồn: Khối Kinh doanh của TTF, tính theo doanh số bán hàng

Tỷ lệ gỗ Teak tiếp tục giảm do Teak là hàng đắt (mắc) tiền nên khi khủng hoảng kinh tế chưa hồi mạnh thì dòng hàng giá cao bị thu hẹp thị trường. Tỷ lệ gỗ Eucalyptus cũng tiếp tục giảm vì gỗ này phần lớn làm cho hàng ngoài trời, mà trong năm 2010 thì dòng hàng này chưa tăng trưởng trở lại tại Châu Âu. Tỷ lệ gỗ cao su tăng cực mạnh, thay thế cho các dòng nguyên liệu đắt tiền. Tuy nhiên, trong năm 2010, gỗ cao su đã tăng giá đến 44% trong vòng 6 tháng, do nhu cầu mua nguyên liệu này từ Trung Quốc tăng cao mà nước chúng ta chưa có biện pháp ngăn chặn kịp thời cho việc xuất khẩu gỗ nguyên liệu này sang Trung Quốc

2.2.3 Nguồn nguyên liệu chính

Tất cả các nguyên liệu của Công ty được thu mua theo Chính sách Gỗ của Công ty (được ban hành từ năm 2004, và cập nhật qua mỗi năm)



Đối với nguồn nguyên liệu là các loại ván nhân tạo thì Công ty đều chọn mua hoặc tự sản xuất các loại ván đạt tiêu chuẩn phù hợp theo yêu cầu của khách hàng, mà phần lớn là đạt tiêu chuẩn CARB P1 và CARB P2 theo tiêu chuẩn về formaldehyde của Mỹ

Nguồn nguyên liệu gỗ thật thì luôn đảm bảo có chứng nhận FSC hoặc chứng nhận rừng trồng hoặc chứng nhận khai thác hợp pháp. Đây là chiến lược kinh doanh có trách nhiệm và phát triển bền vững của Công ty. Điều này giúp cho Công ty có nhiều lợi thế hơn các bạn đồng ngành khác khi Thị trường Mỹ áp dụng Đạo luật Lacey và Cộng đồng chung Châu Âu áp dụng Hiệp định FLEGT về nguồn gốc gỗ sử dụng trong sản phẩm

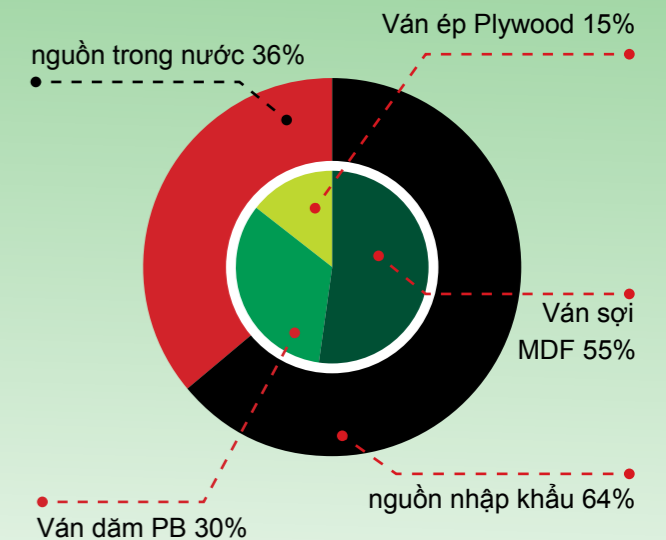
Các nguồn nguyên liệu chính hiện tại của Công ty:

a. Nguồn ván nhân tạo: 64% là nhập khẩu, 36% từ nguồn trong nước

Ván sợi MDF: chiếm 55% tổng nhu cầu ván, trong đó khoảng 80% là nhập khẩu

Ván dăm PB: chiếm 30% tổng nhu cầu ván, 100% từ nguồn trong nước mà chủ yếu là từ công ty con của TTF (công ty TTI)

Ván ép Plywood: chiếm 15% tổng nhu cầu ván, trong đó khoảng 76% là nhập khẩu. Từ năm 2011, công ty con của TTF là công ty TTBD3 sẽ sản xuất và cung cấp cho TTF

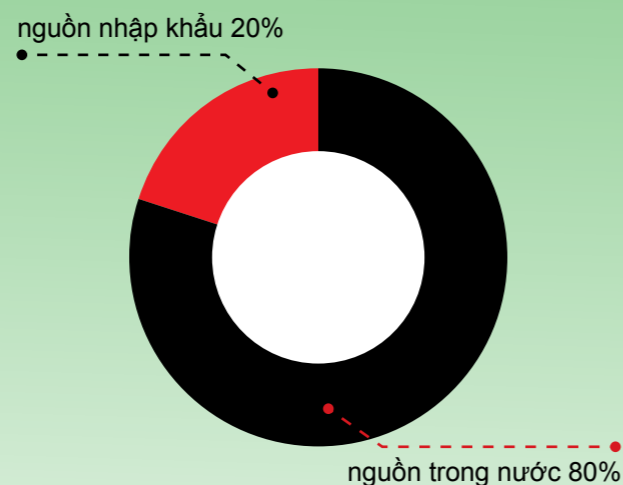


b. Nguồn gỗ thật



20% (năm 2009 thì là 50%) là gỗ được nhập từ nước ngoài như Châu Phi, Brazil, Uruguay, Ghana, Togo, Miến Điện, Mỹ, Canada, Đức.... Teak, Eucalyptus, Oak, Ash, Beech.... Đây là các nguồn gỗ từ các đối tác rất lớn, có uy tín trên thương trường quốc tế và có chứng nhận FSC. Đáng chú ý hơn nữa là việc phát triển rừng trồng rất mạnh tại nhiều quốc gia như Thụy Điển, Mỹ, Canada, Brazil, Ấn độ, Trung Quốc, Phần Lan, New Zealand...đảm bảo cho nguồn cung nhập khẩu rất phong phú cho nhu cầu hiện nay và trong tương lai của ngành công nghiệp chế biến gỗ toàn cầu.

Khoảng 80% (năm 2009 thì là 50%) là từ nguồn nguyên liệu trong nước: Cao su, Tràm, Keo, Xoan đào, Chò chỉ, Dầu, Cồng... Trong đó, Công ty được đối tác là công ty QPFL (thuộc Tập đoàn giấy Oji của Nhật bản) cung cấp độc quyền số lượng lớn gỗ tràm và keo có chứng nhận FSC với đường kính lớn, phù hợp với đồ gỗ ngoại thất. Do đó, hiện tại, TTF là nhà sản xuất có khả năng xuất khẩu hàng thành phẩm bằng gỗ tràm, keo có chứng nhận FSC nhiều nhất Việt Nam. Và đó cũng là lý do mà IKEA đã chọn TTF là đơn vị tiên phong cung cấp mặt hàng bằng gỗ này cho họ tại Việt Nam từ năm 2011, với trị giá đơn hàng trên 130 tỷ mỗi năm. Với các chương trình phát triển trồng rừng của Chính phủ, đặc biệt là nhiều doanh nghiệp tư nhân – trong đó có TTF – đã mua và trồng rừng rất mạnh mẽ sau khi được Chính phủ phê duyệt chủ trương khuyến khích tư nhân hóa trồng rừng tại Việt Nam, thì sắp tới Việt Nam sẽ giảm đáng kể sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu.



2.2.4 Thị trường

• Đến 70% sản lượng sản phẩm gỗ của TTF là dành cho xuất khẩu đến các thị trường như Châu Âu (Anh, Pháp, Ý, Hà Lan, TBN...), Nhật bản, Hoa Kỳ, Úc... Đối với thị trường quốc tế, khách hàng chính đa số là các hệ thống siêu thị hàng đầu trên thế giới cũng như hàng đầu của từng quốc gia, cũng như các chuỗi cửa hàng nhỏ hơn nhưng có thương hiệu mạnh và đòi hỏi sản phẩm chất lượng cao, cụ thể là những công ty sau:



• Đối với thị trường trong nước, kế hoạch của Công ty là phát triển lên 20 Đại lý cấp 1 trên toàn quốc, với mục tiêu **duy trì doanh số tiêu thụ nội địa chiếm 30% tổng doanh thu sản phẩm của Công ty. Đây cũng là một giải pháp chia sẻ rủi ro của TTF và Công ty cũng bắt đầu phát triển thương hiệu mạnh mẽ hơn tại Việt Nam từ năm 2010. Trong năm 2010, Công ty đã phát triển được mạng lưới gồm:**

6 cửa hàng tự doanh tại TP.HCM, và TP. Buôn Ma Thuột

16 cửa hàng thuộc 13 Đại lý cấp 1 tại Đà Nẵng, Bình Định, Nha Trang, Đà Lạt, Bến Tre, An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Bình Dương và TP.HCM...

- 8 cửa hàng, siêu thị thuộc 5 công ty hợp tác phân phối trên toàn quốc như:
- Đồng Tâm Window, thuộc Đồng Tâm Group
- Trung tâm điện máy Thiên Hòa
- Trung tâm mua sắm Đệ nhất Phan Khang
- V-Home
- Mê Linh Plaza, thuộc Euro Window

Ngoài ra còn có một số khách hàng khác trong lĩnh vực trang trí nội thất và cung cấp sản phẩm gỗ cho các công trình tại Việt Nam như: Vincom, Hyundai, Vạn Phát Hưng...





2.2.5 Tình hình hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2010

a. Doanh thu và lợi nhuận

Diễn giải	Thực hiện năm 2009	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	So với năm 2009	So với kế hoạch năm 2010
Tổng doanh thu	1.971.401.924.076	1.910.000.000.000	2.187.582.981.929	+ 11%	+ 14%
Lợi nhuận ròng	25.703.278.306	101.000.000.000	55.208.765.996	+114%	- 45%
EPS	708	3.418	1682	+138%	- 51%

Nguồn: Số liệu lấy từ báo cáo tài chính HỢP NHẤT đã kiểm toán bởi công ty DTL năm 2010, số liệu kế hoạch thì lấy từ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đã thông qua năm 2010 của TTF

Mức doanh số tăng hơn so với kế hoạch một phần do tỷ giá tiền USD tăng, một phần do tăng giá sản phẩm, và một phần do khách đặt hàng nhiều hơn dự kiến.

Mức lợi nhuận ròng giảm MẠNH vì một số nguyên nhân sau:

+ Năm nay hợp nhất đến 10 công ty con nên bị ảnh hưởng bởi kết quả lỗ của một số công ty con mà chủ yếu là các công ty trồng rừng chưa khai thác.

+ Chi phí đầu vào tăng, đặc biệt là việc gỗ cao su tăng đến **44%**, làm cho tổng giá vốn hàng bán của năm lên đến khoảng **83.50%** thay vì chỉ khoảng 80.50% so với kế hoạch

+ Công ty không thực hiện được việc phát hành tăng vốn nên vẫn phải gánh chi phí lãi vay là cực lớn, ngay trong bối cảnh lãi suất tăng cao và không được hỗ trợ lãi suất từ

Chính phủ, lên đến gần **171 tỷ**, trong khi kế hoạch chỉ khoảng 132 tỷ đồng.

+ Việc bán 49% cổ phần một công ty trồng rừng tại Phú Yên cho đối tác nước ngoài đã hoàn tất trong năm 2010 về thủ tục và hợp đồng, nhưng do Phó Thủ tướng Chính phủ có ra công văn số 405/TTg-KTN (về việc tạm dừng và rà soát kiểm tra thực hiện các dự án nước ngoài đầu tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản) đã làm chậm lại tiến độ cấp chứng nhận đầu tư để đối tác nước ngoài chuyển tiền vào trong năm nên phần lợi nhuận này chưa được chính thức kết chuyển.

b. Các chi phí ngoài sản xuất

Diễn giải	Thực hiện năm 2009	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	So với năm 2009	So với kế hoạch năm 2010
Chi phí tài chính, Trong đó có chi phí lãi vay là	107.123.309.261 104.846.776.763	144.000.000.000 132.000.000.000	192.858.991.653 171.001.681.340	+80% +63%	+34% +30%
Chi phí bán hàng	22.996.743.638	50.000.000.000	28.602.730.188	+24%	-43%
Chi phí quản lý	83.261.978.721	117.000.000.000	95.864.955.751	+15%	-18%
Tổng cộng	213.382.031.619	311.000.000.000	317.326.677.592	+49%	+ 2%

Nguồn: Số liệu lấy từ báo cáo tài chính HỢP NHẤT đã kiểm toán bởi công ty DTL năm 2010, số liệu kế hoạch thì lấy từ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đã thông qua năm 2010 của TTF

Theo số liệu phân tích trên, chúng ta thấy rõ các chi phí ngoài sản xuất tăng tổng cộng 5% so với kế hoạch chủ yếu do chi phí tài chính tăng quá cao, giá gỗ cao su tăng đột biến, mặc dù Công ty đã nỗ lực giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý rất nhiều so với kế hoạch.



3. Định hướng phát triển

3.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Doanh số: tăng trên 15%/năm
- Lợi nhuận ròng sau thuế: tăng trên 20%/năm
- Cổ tức: 20% trở lên
- EPS trung bình cả năm: trên 3000 đồng
- Kinh doanh có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường
- Duy trì vị trí TOP 3 nhà sản xuất, thương mại và xuất khẩu sản phẩm gỗ có doanh số cao nhất Việt Nam;
- TOP 3 thương hiệu bán lẻ sản phẩm bằng gỗ tại thị trường nội địa và dẫn đầu thị trường trang trí nội thất tại Việt Nam vào năm 2012
- TOP 5 nhà sản xuất, thương mại và xuất khẩu sản phẩm gỗ có doanh số cao nhất ASEAN từ năm 2012;
- TOP 3 nhà trồng rừng tự nhân có diện tích rừng trồng lớn nhất ASEAN từ năm 2015;

3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

• TTF sẽ luôn tập trung trên 70% các nguồn lực cho ngành nghề cốt lõi của Công ty là trồng rừng và chế biến gỗ (kể cả sản xuất nguyên liệu gỗ xẻ và các loại ván nhân tạo, veneer, ván ép kỹ thuật cao để cung cấp cho Tập đoàn và các bạn đồng nghiệp):

+ Tiếp tục giữ vững và phát triển vị trí dẫn đầu trong ngành chế biến sản phẩm gỗ xuất khẩu tại Việt Nam đạt doanh số trên 2400 tỷ đồng từ năm 2011; và đạt 5000 tỷ vào năm 2015

+ Xúc tiến việc cung cấp dịch vụ trang trí nội thất cho các công ty bất động sản lớn và sản phẩm cao cấp cho các công ty bất động sản hàng đầu của Việt Nam và quốc tế tại thị trường Việt Nam, song song với việc bán lẻ các dịch vụ này cho các hộ gia đình thượng lưu, và cung cấp hàng mộc cho các đại lý và các cửa hàng tự doanh của TTF. Bán hàng mạnh mẽ hơn tại thị trường trong nước với doanh thu trên 30% tổng doanh số, đặc biệt là nhà cung cấp đáng tin cậy cho các bạn đồng nghiệp đối với những nguyên vật liệu mà trước đây Việt Nam thường phải nhập khẩu như gỗ, ván lạng, ván ép và ván dăm đạt tiêu chuẩn truy ngược lại nguồn gốc và không có độc tố. Đạt doanh số nội địa hơn 2000 tỷ vào năm 2015

+ Đưa thương hiệu ra thị trường thế giới thông qua mạng lưới bán lẻ đến tận tay người tiêu dùng tại các nước như Mỹ, Pháp và Anh quốc

+ Thực hiện dự án trồng rừng sản xuất 100.000 ha tại Việt Nam. Kế hoạch là không trồng cùng lúc mà trồng liên tục trong nhiều năm. Dự kiến khoảng 4 năm sau khi trồng vạt rừng đầu tiên Tập đoàn đã có thể tận dụng gỗ non và cành nhánh từ công tác tỉa thưa và vệ sinh rừng trồng theo định kỳ cho các nhà máy ván dăm, ván lạng và ván ép của mình.

Và sau đó, cho mỗi chu kỳ sinh trưởng, Tập đoàn sẽ tiến hành khai thác chính trong 2 lần, đó là vào năm thứ 5 và năm thứ 10. Trước đây, kế hoạch ban đầu là trồng trung bình khoảng 5000ha. Tuy nhiên, từ năm 2008 cho đến nay, với ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, TTF đã quyết định giảm 50% so với kế hoạch để giảm áp lực về ngân lưu cho TTF. Từ 2010, khi đã có liên doanh với đối tác nước ngoài, TTF sẽ quay lại thực hiện đúng kế hoạch từ năm 2012. Đây là dự án trồng rừng được thực hiện việc quản lý bền vững theo các tiêu chí FSC và sẽ được chứng nhận FSC (Forestry Stewardship Council).

+ Xúc tiến trồng 100.000 ha cây Jatropha tại miền trung và tây nguyên của Việt Nam kể từ năm 2012 sau khi thấy được kết quả trồng thí nghiệm vào tháng 8 năm 2011. Dự kiến dầu nham thạch sẽ thiếu trầm trọng và đắt đỏ (đến 200USD) từ năm 2015



- Riêng lĩnh vực kinh doanh bất động sản, theo dự đoán của Công ty, thì tình hình sẽ tiếp tục nhiều thử thách và nhiều rủi ro trong năm nay, thậm chí còn kéo dài sang đầu năm 2012. TTF thấy rằng đó là cơ hội gia nhập ngành tốt nhất, dự đoán bán được nhà tốt vào cuối năm 2012. Hiện tại dự án của khu dân cư mới tại Nhơn Trạch đang thực hiện quy hoạch 1/500, sẵn sàng cho việc khởi công xây dựng vào cuối năm 2011 để có sản phẩm ra thị trường trong cuối năm 2012. Dự án Trung tâm Thương mại và Chung cư tại Bình Dương có diện tích hơn 10.000m² đất tọa lạc (diện tích sử dụng là 60.000m²) cũng được dự định khởi công trong cuối năm nhằm đón đầu cơ hội hồi phục của nền kinh tế;

- Ngoài ra, TTF còn đầu tư vào công ty cổ phần quản lý cụm công nghiệp Trường Thành – Ea H’leo. Hiện nay, công ty này đã được cấp 50 hecta đất tiếp giáp xa lộ Xuyên Á (lộ giới 100m). Dự kiến sẽ được cấp thêm 100 hecta để mở rộng thêm khi cần thiết. Và cụm công nghiệp này cũng sẽ được tài trợ xây dựng cơ sở hạ tầng bởi UBND Tỉnh Dak Lak, công ty chỉ đầu tư trong giai đoạn sau đồng thời với việc cho các nhà đầu tư khác thuê.

- Niêm yết trên thị trường chứng khoán quốc tế, để đảm bảo nguồn huy động vốn lớn, đáp ứng các mục tiêu của Công ty;



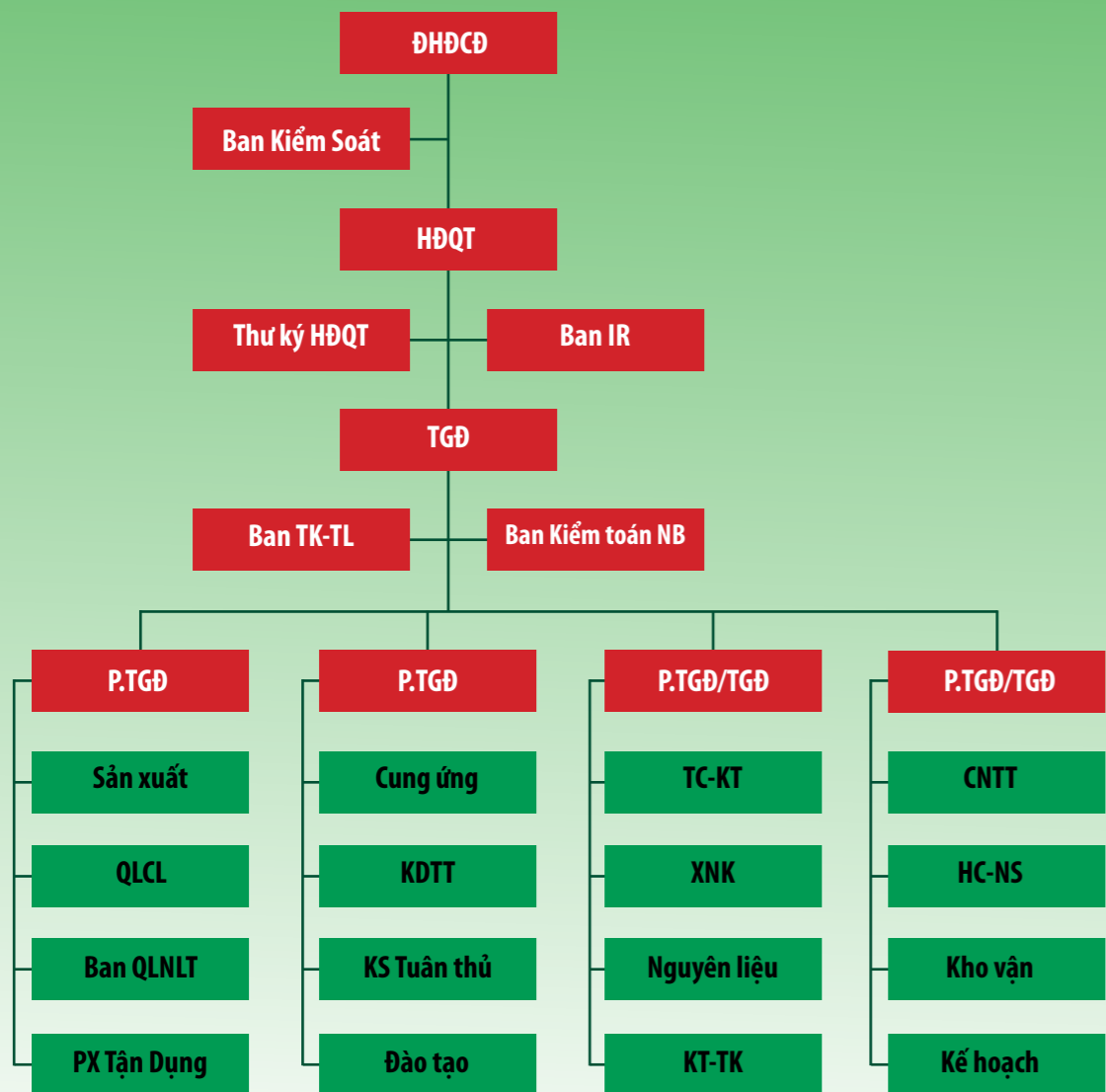
Dự án khu đô thị sinh thái Nhơn Trạch- Đồng Nai giai đoạn 1 (56ha)

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

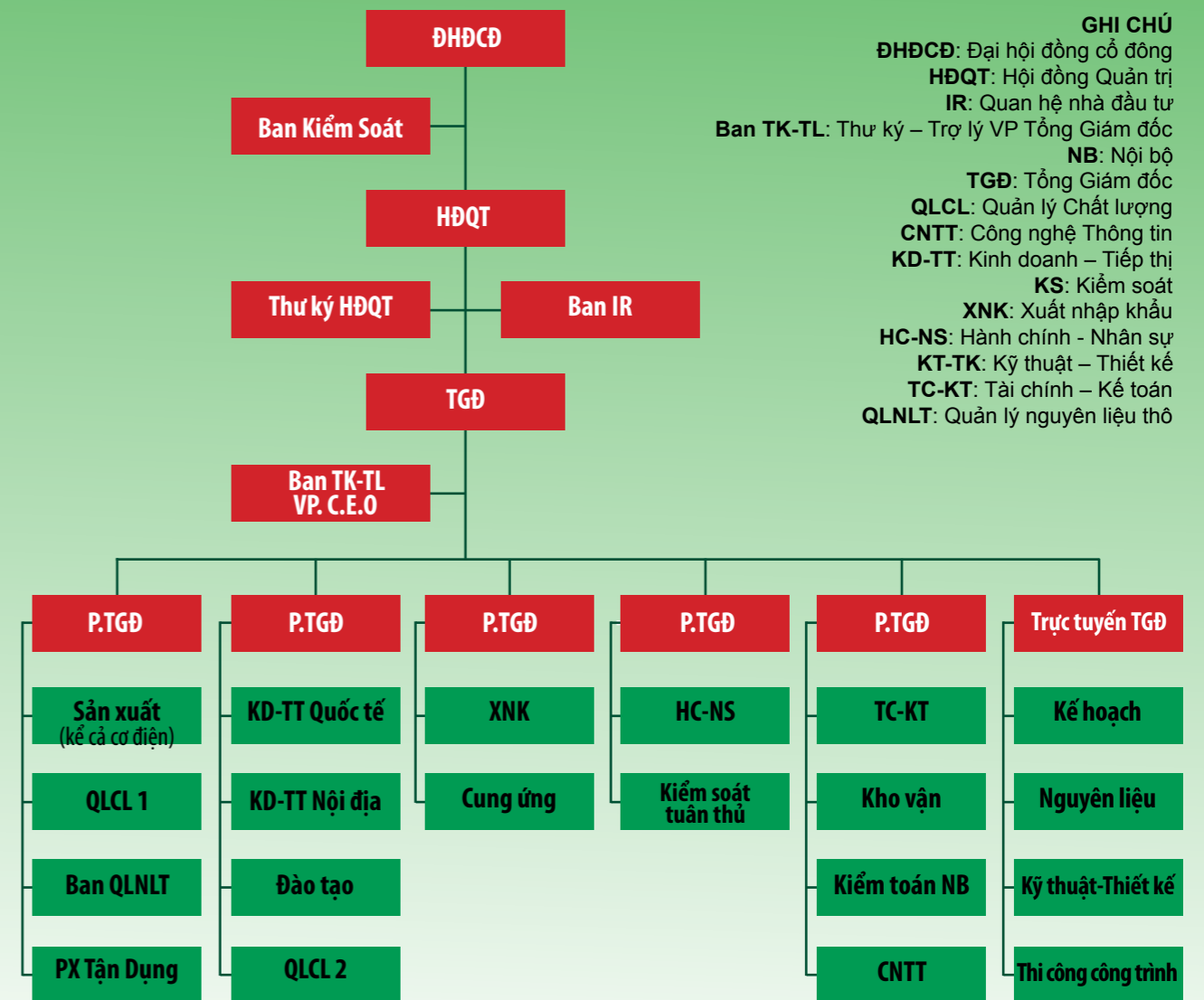
PHẦN 4
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



1. Cơ cấu tổ chức của TTF năm 2010



2. Cơ cấu tổ chức của TTF năm 2011



GHI CHÚ
 DHDCĐ: Đại hội đồng cổ đông
 HĐQT: Hội đồng Quản trị
 IR: Quan hệ nhà đầu tư
 Ban TK-TL: Thư ký – Trợ lý VP Tổng Giám đốc
 NB: Nội bộ
 TGD: Tổng Giám đốc
 QLCL: Quản lý Chất lượng
 CNTT: Công nghệ Thông tin
 KD-TT: Kinh doanh – Tiếp thị
 KS: Kiểm soát
 XNK: Xuất nhập khẩu
 HC-NS: Hành chính - Nhân sự
 KT-TK: Kỹ thuật – Thiết kế
 TC-KT: Tài chính – Kế toán
 QLNL: Quản lý nguyên liệu thô

2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành/ Ban Lãnh đạo (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc), Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng theo sơ đồ tổ chức năm 2010



Tổng Giám đốc, kiêm Chủ tịch HĐQT Ông Võ Trường Thành

Sinh năm 1958, Thạc sỹ QTKD tại Hoa Kỳ

Có hơn 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chế biến gỗ

Đã đi hơn 22 nước trên thế giới để tìm hiểu về công nghệ chế biến gỗ hiện đại và trồng rừng

Từng nắm giữ các vị trí quan trọng trong các hiệp hội như: Cố vấn Hội Doanh nghiệp trẻ Dak Lak, Chủ tịch Hội Doanh nghiệp Dak Lak, Thành viên Ban Thường trực Hội Mỹ nghệ và Chế biến Gỗ TP.HCM

Hiện nay là: **Chủ tịch Hiệp hội Chế Biến Gỗ Bình Dương (BIFA)**, Thành viên Ban Chấp hành Hội Lâm sản Việt Nam, Thành viên Ban Thường trực Mạng lưới Kinh doanh Lâm sản Toàn cầu tại Việt Nam (GFTN) trực thuộc WWF, Thành viên Câu lạc bộ Doanh nhân hàng đầu Thế giới



Phó Tổng giám đốc, kiêm Ủy viên HĐQT: Ông Tạ Văn Nam

Sinh năm 1951, tốt nghiệp Đại học Sư phạm

Có gần 13 năm kinh nghiệm quản lý và điều hành trong ngành chế biến gỗ

Hiện phụ trách Khối Quản lý Chất lượng, Khối Sản xuất, Ban Quản lý Nguyên liệu thô và Phân xưởng Tận dụng – Mẩu



Phó Tổng giám đốc, kiêm Ủy viên HĐQT: Bà Ngô Thị Hồng Thu

Sinh năm 1977, Thạc sỹ QTKD Đại học Tự do Bruxelles – Bỉ, Tiến sỹ QTKD của trường Đại học IAU – Mỹ

Có gần 11 năm kinh nghiệm trong ngành chế biến gỗ

Được đào tạo tại Hoa Kỳ năm 2002 về gỗ và chế biến gỗ trong chương trình tài trợ bởi Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ

Đã đi hơn 20 quốc gia để tìm hiểu về nguyên liệu gỗ, xu hướng thiết kế sản phẩm gỗ và xúc tiến thương mại cho Công ty

Hiện phụ trách chính đối với Khối Kinh doanh – Tiếp thị Quốc tế, Khối Kinh doanh – Tiếp thị Nội địa, Khối Quản lý Chất lượng (đầu vào, testing và phúc kiểm) và Viện Đào tạo. Cùng với Tổng Giám đốc phụ trách một phần Khối HCNS và Khối Kiểm soát tuân thủ khi chưa có nhân sự Phó Tổng Giám đốc phụ trách 2 khối này.

Kiểm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2) tại Tân Uyên, Bình Dương.



Phó Tổng Giám đốc: Ông Võ Diệp Văn Tuấn

Sinh năm 1979, Thạc sỹ QTKD của trường Đại học Kaplan của Mỹ, Cử nhân QTKD của trường Đại học Los Angeles, có chứng chỉ Award về Kế toán Tài chính tại UCLA, Mỹ

Có hơn 6 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và đầu tư tại Mỹ và Việt Nam

Hiện phụ trách Khối Tài chính – Kế toán, Khối Kho vận, Ban Kiểm toán Nội bộ và Phòng Công nghệ Thông tin

Kiểm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (TTBD3) tại Tân Uyên, Bình Dương.



**Phó Tổng Giám đốc:
Ông Huỳnh Phú Quốc**

Sinh năm 1969, Cử nhân Ngoại Ngữ

Có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế hoạch – kinh doanh – xuất nhập khẩu (trong đó 14 năm là làm cho TTF)

Hiện phụ trách Khối Xuất nhập khẩu và hai Khối Cung ứng

Hiện còn khuyết 01 vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối HCNS và Khối Kiểm soát Tuân thủ. Tạm thời Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc Hồng Thu đang kiêm nhiệm phụ trách



**Kế toán trưởng:
Ông Nguyễn Văn Hậu**

Sinh năm 1975, tốt nghiệp Đại học Lâm nghiệp Hà Tây và Đại học Kinh tế TPHCM chuyên ngành kế toán kiểm toán

Có hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán tài chính

Hiện đảm nhiệm vị trí Kế toán trưởng của TTF từ tháng 4/2008

3. Quyền lợi của Ban điều hành, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng

3.1. Tiền lương và thưởng

Tổng Lương năm 2010 của Ban Điều hành (1 Tổng Giám đốc và 2 Phó Tổng Giám đốc), Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng là 2.423.746.577 đồng (đã bao gồm thuế thu nhập cá nhân), chiếm 4.4% lợi nhuận sau thuế của Công ty. Trong đó, lương của Tổng Giám đốc trong năm 2010 là 939.004.546 đồng

Tổng thưởng năm 2010 của Ban Điều hành (1 Tổng Giám đốc và 2 Phó Tổng Giám đốc), Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng là 217.000.000 đồng (đã bao gồm thuế thu nhập cá nhân), chiếm 0.39% lợi nhuận sau thuế của Công ty. Trong đó, thưởng của Tổng Giám đốc trong năm 2010 là 85.000.000 đồng

3.2. Các quyền lợi khác

Ban Điều hành, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng hưởng các quyền lợi tương tự tất cả CBCNV khác như 6 tháng xét thưởng 1 lần, 6 tháng xét tăng lương 1 lần, được thưởng khi có sáng kiến được công nhận, được tham gia chương trình ESOP của Công ty... Ngoài ra, trong năm 2010, Ban Điều hành, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng tình nguyện không có yêu cầu quyền lợi gì thêm do ý thức được tình hình phát triển của doanh nghiệp còn đang gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn mà khủng hoảng kinh tế còn chưa qua hẳn.

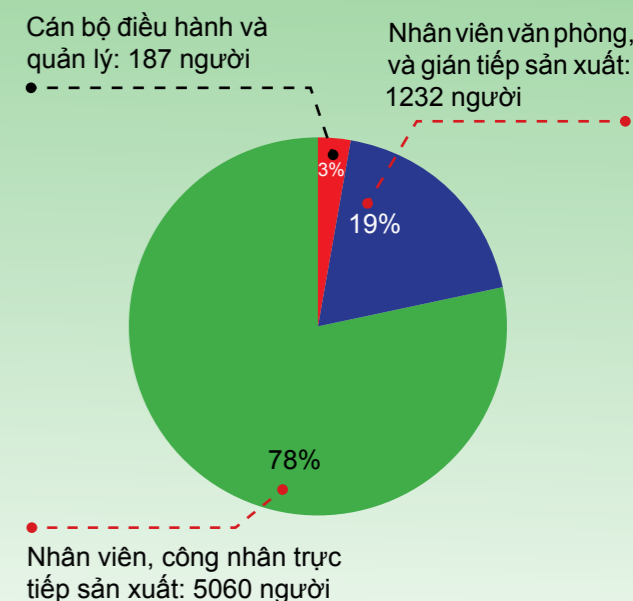
4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

4.1 Số lượng người lao động trong Công ty (kể cả 10 công ty con trong Tập đoàn): tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 là 6.479 người, trong đó:

Cán bộ điều hành và quản lý: 187 người, chiếm gần 3%

Nhân viên văn phòng, và gián tiếp sản xuất: 1232 người, chiếm khoảng 19%

Nhân viên, công nhân **trực tiếp** sản xuất: 5060 người, chiếm khoảng 78% (Vẽ biểu đồ tỷ lệ)



4.2 Chính sách đối với người lao động

4.2.1 Chế độ làm việc:

Công ty thực hiện chế độ 40 giờ/tuần (làm việc 5 ngày 1 tuần) đối với lực lượng gián tiếp.

Căn cứ trên nhu cầu công việc thực tế và để hạn chế vấn đề tăng ca, tạo điều kiện cho công nhân được học tập nghỉ ngơi, công nhân sản xuất chia thành 2 ca (sáng và tối).

Nếu tiến độ công việc gấp cần phải tăng ca, Công ty thực hiện theo thỏa ước lao động tập thể phù hợp với Luật lao động Việt Nam. Thỏa ước này đã được đăng ký và được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền.

Nhân viên theo chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ: Công ty sẽ giảm 1 giờ làm việc/ngày cho các nhân viên đang nuôi con nhỏ (dưới 12 tháng). Nhân viên nữ làm việc chân tay sẽ được giảm bớt 1 giờ làm việc/ngày bắt đầu khi mang thai tháng thứ 7 đến khi đưa trẻ được 12 tháng.



Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12 ngày/năm. Công ty sẽ tăng số ngày nghỉ phép dựa trên thời gian làm việc của nhân viên trong công ty, cứ mỗi 5 năm làm việc được nghỉ thêm 1 ngày.

4.2.2 Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

4.2.2.1 Tuyển dụng

Đảm bảo rằng chính sách tuyển dụng của Công ty không phân biệt giới tính và địa vị, phù hợp với các quy định của Nhà nước, của SA 8000 (Social Accountability – Trách nhiệm Xã hội) và ILO (International Labor Organization – Tổ chức Lao động Quốc tế)

Ưu tiên tuyển dụng những người trẻ và thông minh, có trình độ học vấn cao để Công ty đào tạo trong chương trình cán bộ nguồn nhằm đáp ứng cho nhu cầu liên tục phát triển và mở rộng quy mô Công ty, cũng như tăng cường cho các công ty con

Thu hút những người có kinh nghiệm trong ngành, nhiệt tình, có trách nhiệm, ham học hỏi, biết sáng tạo. Ưu tiên những người có khả năng phân tích tổng hợp, xử lý tình huống và quản trị công việc tốt.

Đối với một số vị trí cấp cao như Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính và các Giám đốc khác, Công ty ưu tiên tuyển dụng những người có học vị Thạc sĩ trở lên và được đào tạo từ các nước tiên tiến cũng có kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng huấn luyện và trình độ chuyên môn thích hợp.



Đối với công nhân, ưu tiên người đến từ địa phương có nền công nghiệp ít phát triển để đào tạo thành công nhân kỹ thuật lành nghề và đầu tư vào nhà ở đầy đủ tiện nghi cho công nhân. Điều này góp phần ổn định lực lượng công nhân đồng đảo của Công ty.

4.2.2.2 Đào tạo và huấn luyện

Thường xuyên tổ chức huấn luyện và đào tạo tại Công ty với tần suất tối thiểu 20 ngày mỗi năm. Đây là 1 tần suất khá cao, kể cả so với các công ty đa quốc gia. Điều này góp phần làm cho hệ thống quản trị của Công ty luôn theo kịp thế giới kinh doanh quốc tế ngày càng phát triển.

Các khóa đào tạo – huấn luyện xoay quanh các chủ đề sau:

- + Kỹ năng lãnh đạo
- + Kỹ năng quản lý
- + Kỹ năng quản trị văn phòng
- + Các kiến thức chuyên môn của từng phòng, ban chức năng
- + Quy trình sản xuất của từng nhà máy
- + Kỹ thuật chế biến sản phẩm gỗ
- + Tiêu chuẩn thiết kế thông minh
- + Kỹ năng sử dụng máy móc, thiết bị
- + Quản lý chất lượng đối với hệ thống và đối với sản phẩm
- + Kiến thức về CoC (Truy ngược nguồn gốc sản phẩm), đạo luật Lacey của Mỹ, hiệp định FLEGT của Châu Âu
- + PCCC, An toàn lao động, An toàn khi sử dụng hoá chất
- + ISO 9001:2008, SA 8000
- + Quản trị chi phí

Tài trợ cho một số cán bộ, nhân viên đi học trong nước và ở nước ngoài về các lĩnh vực như thiết kế, hoàn thiện sản phẩm gỗ, quản lý nguyên liệu thô, quản lý kho bãi, tổ chức hậu cần, kế toán doanh nghiệp...

Để khắc phục tình trạng thiếu nhân lực cho ngành chế biến gỗ, Tập đoàn Trường Thành đã được GTZ tài trợ 54% chi phí thành lập trung tâm đào tạo tại nhà máy TTDL 1 (Công ty cổ phần Trường Thành – Dak Lak) với tổng vốn đầu tư là 7 tỷ đồng. Trung tâm này đã bắt đầu hoạt động từ cuối tháng 4/2007, với sự tham gia giảng dạy của 3 giảng viên đến từ Đức (do Bộ Ngoại giao Đức chi trả) và 7 giảng viên đến từ Tập đoàn Trường Thành. Theo ký kết với chính phủ Nam Phi, Trung tâm và TTF sẽ bắt đầu đào tạo nghề chế biến gỗ cho hơn 20 học viên đến từ Nam Phi từ tháng 3 năm 2011. Đây là một cột mốc quan trọng của TTF nói riêng và Việt Nam nói chung trong việc hợp tác đào tạo quốc tế.

Ngoài ra, nhằm chuẩn bị một đội ngũ kế thừa mạnh mẽ cho các thể hệ quản lý điều hành trong TTF, Công ty đã tổ chức đào tạo lớp CÁN BỘ NGUỒN theo chương trình MBA kéo dài 2 năm/ khóa, đảm bảo cung cấp trung bình mỗi năm khoảng 45 cán bộ có thể lên đảm nhận vị trí/ trọng trách cao hơn

4.2.2.3 Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Ý thức rằng nhân lực là một nguồn tài sản lớn của doanh nghiệp, Công ty đã rất chú trọng vào các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, cơ hội thăng tiến và văn hóa công ty để nhằm giữ và trọng dụng nhân tài.

Chính sách lương:

- + Luôn duy trì mức lương cao so với các công ty đồng ngành, và thường cao hơn nhiều so với quy định của Nhà nước.
- + 6 tháng xét tăng lương 1 lần, dựa trên năng lực, sự tiến bộ và thành quả đóng góp của từng cá nhân.

Chính sách thưởng:

- + Ít nhất 6 tháng xét thưởng 1 lần theo Quy chế khen thưởng của Công ty, được bình bầu công khai hoặc thi tay nghề
- + Áp dụng ESOP (Employee Stock Ownership Plan – Kế hoạch cho người lao động sở hữu Cổ phần) từ năm 2007, tạo cơ hội làm chủ cho toàn thể CBCNV của Công ty.
- + Áp dụng khen thưởng đột xuất cho các cá nhân/tập thể hoàn thành nhiệm vụ ở mức sáng tạo cao hoặc có sáng kiến cải tiến kỹ thuật – quản lý... để làm tăng cao hiệu suất trong công việc.



- + Áp dụng khen thưởng khi cá nhân/tập thể đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu quan trọng do BGD đề ra.

Phúc lợi:

- + Bảo hiểm xã hội và y tế cho CBCNV theo Quy định của Nhà nước
- + Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho CBCNV
- + Bố trí xe đưa rước cho CBCNV ở xa công ty.
- + Thành lập Công đoàn để bảo vệ quyền lợi cho người lao động



- + Tổ chức vui chơi giải trí cho toàn thể CBCNV như hội thao, văn nghệ, thi nấu ăn, thi cắm hoa, thi đố vui... có thưởng trong các dịp lễ quốc gia và lễ của Công ty.
- + Tổ chức đi du lịch xa cho toàn thể CBCNV ít nhất 1 lần/năm
- + Đã đầu tư gần 10 tỷ đồng để xây dựng nhà ở cho CBCNV tại Bình Dương và Dak Lak
- + Và một số trợ cấp, phúc lợi khác theo Luật Lao động Việt Nam và Quy chế Nhân viên của Công ty.



4.2.2.4 Văn hóa Công ty:

Nhằm gắn bó hàng ngàn CBCNV lại với nhau, Công ty đã xây dựng và phát triển một văn hóa doanh nghiệp đặc trưng của mình, làm cho mọi người đoàn kết, thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau, tránh phân biệt đối xử và cùng chung hưởng niềm tự hào là thành viên của Tập đoàn Trường Thành. Một số điển hình của văn hóa Trường Thành là:

- Phát triển văn hóa phản biện trong các cuộc họp, hội thảo và huấn luyện;
- Áp dụng chính sách Open Door đối với mọi cấp trong Công ty, nhưng vẫn trên tinh thần tôn trọng các cấp quản lý trung gian;
- Khuyến khích xây dựng nhóm và tạo điều kiện để nhóm làm việc hiệu quả;
- Thường xuyên thừa nhận, tôn trọng và khen thưởng thành quả, sáng kiến của cấp dưới;
- Cấp trên luôn nhiệt tình đào tạo và hướng dẫn cấp dưới;
- Luôn nói KHÔNG với mọi tiêu cực, luôn phát huy ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP trong công việc



- Slogan của Công ty:

Sứ mệnh trồng rừng:

Cho Trái Đất Luôn Xanh

Sứ mệnh cung cấp sản phẩm đồ gỗ:

Toả Sáng Mọi Không Gian

- Cờ truyền thống của Công ty:



- Công ty có Lễ phục và Đồng phục của Công ty, đồng phục của từng phòng ban



5. Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:

5.1. Hội đồng quản trị:

Không thay đổi, trong năm 2010, duy trì 1 Chủ tịch và 5 thành viên HĐQT

5.2. Ban Điều hành (BDH):

Không thay đổi, trong năm 2010, duy trì 1 Tổng Giám đốc và 2 Phó Tổng Giám đốc. Chưa tuyển được các Phó Tổng Giám đốc để bổ sung theo kế hoạch

5.3. Ban Kiểm soát (BKS):

Không thay đổi, trong năm 2010, duy trì 1 Trưởng ban và 2 thành viên BKS

5.4. Giám đốc Tài chính:

Không thay đổi. Ông Võ Diệp Văn Tuấn vẫn giữ vị trí Giám đốc Tài chính

5.5. Kế toán trưởng:

Không thay đổi. Ông Nguyễn Văn Hậu vẫn giữ vị trí Kế toán trưởng



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2010

- Doanh số hợp nhất tăng khoảng 11% so với năm 2009
- Lợi nhuận hợp nhất sau thuế tăng khoảng 114% so với năm 2009
- Chi phí tài chính tăng mạnh, từ 107 tỷ lên tới gần 193 tỷ đồng, tức tăng khoảng 80%. Nguyên nhân là do Công ty vẫn còn dùng vốn vay nhiều, chưa phát hành tăng vốn chủ sở hữu được trong năm 2010, bên cạnh đó Chính phủ không còn hỗ trợ lãi suất 4% như trong năm 2009.

• Tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu giảm mạnh, từ 89.16% trong năm 2009 xuống còn 83.5% trong năm 2010, mặc dù vẫn còn cao hơn kế hoạch khoảng 3%. Để đạt được thành tích đó, TTF đã phải:

+ Thực hiện chiến lược “lựa gạo trên sàng”, chọn ra các khách hàng có giá tốt và đàm phán tăng giá khi TTF gặp khó khăn trong chi phí đầu vào. Do đó, trong năm 2010, trung bình thì TTF cũng đã tăng giá được khoảng 7%

+ Chú trọng nâng cao hiệu suất lao động để giảm chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung

+ Tăng cường quản lý nguyên liệu thô, làm giảm đi tỷ lệ hao hụt so với năm 2009

+ Gia tăng nhập khẩu một số phụ liệu từ Trung Quốc và Đài Loan, giảm giá vốn vật tư so với mua trong nước

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Căn cứ vào nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/4/2010, các kế hoạch sau đây đã được thực hiện:

+ Doanh số trên 1910 tỷ đồng (chính xác là 2.187.582.981.929 đồng)

+ Chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1

+ Chọn công ty kiểm toán cho năm 2010 là DTL, nằm trong danh sách đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

+ Đã tiến hành đầu tư vào Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành để có lợi thế hơn về các nguyên liệu mà trước đó thường phải nhập khẩu như ván ép, ván lạng... với tổng trị giá đến 31/12/2010 là 31.201.000.000 VND, chiếm 99.8% vốn điều lệ đã góp của công ty đó, vượt khoảng 2.4 tỷ đồng so với đăng ký ban đầu, do đầu tư choàng qua phần của một công ty con khác (Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành) theo nghị quyết của HĐQT ngày 26/10/2010

+ Chủ tịch tiếp tục kiêm nhiệm làm Tổng Giám đốc

+ Thù lao của HĐQT và BKS nằm trong phạm vi được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông

+ Hoàn tất niêm yết trên HOSE số lượng cổ phiếu thưởng đã thực hiện trong năm

+ Hoàn tất việc chia cổ tức (năm 2009) 10% bằng tiền mặt

+ Thực hiện đúng các việc trích lập các quỹ

Tuy nhiên, các mục tiêu dưới đây chưa được thực hiện theo đúng kế hoạch trong Nghị quyết:

+ Mục tiêu về lợi nhuận ròng, chỉ đạt khoảng 55%

+ Mục tiêu về EPS, chỉ đạt 49%

+ Chưa khởi công dự án bất động sản nào, do tình hình thị trường còn quá ảm đạm

+ Không thực hiện được chương trình phát hành 1 triệu CP cho CBCNV và 8 triệu CP cho các cổ đông hiện hữu



3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

- Nguyên liệu trong nước chiếm đến 80%, khẳng định tính độc lập và chủ động hơn trong vấn đề nguồn nguyên liệu.
- TTF đã tiếp tục xâm nhập sâu vào thị trường Mỹ và phát triển mạnh hơn nữa dòng hàng nội thất. Hiện nay thị trường Mỹ tăng lên đến 55% tổng doanh thu xuất khẩu và dòng nội thất đã chiếm khoảng 65% sản lượng
- Trong bối cảnh lãi suất cho vay tăng cao, TTF vẫn phải tiếp tục đầu tư dài hạn thêm khoảng 54 tỷ đồng, chủ yếu vào các dự án trồng rừng
- Chi phí lãi vay tăng quá cao, lên đến gần 171 tỷ đồng chiếm gần 7,8% doanh thu, trong khi kế hoạch chỉ chiếm 6,91%.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

4.1. Nhận định về tình hình khó khăn trong năm 2011:

Lãi suất cho vay cao (khoảng 20%) và khó mà giảm sớm trong năm

Giá đầu vào gia tăng (trung bình khoảng 10%), đàm phán tăng giá với khách hàng rất khó khăn, dự kiến chỉ tăng giá được dưới 7%

4.2. Nhận định về tình hình thuận lợi trong năm 2011:

Thị trường đồ gỗ của Hoa Kỳ tăng trưởng ổn định

Thị trường Nhật Bản suy sụp từ cuối tháng 3 nhưng dự kiến hồi phục mạnh mẽ từ tháng 6 (từ việc tái thiết đất nước sau thảm họa động đất và sóng thần vừa qua)

Thị trường Châu Âu đang tăng trưởng trở lại

Mỹ mở rộng danh mục mặt hàng đồ nội thất bị áp thuế chống phá giá đối với xuất xứ Trung Quốc

Sự suy yếu của một số đối thủ cạnh tranh góp phần làm giảm nguồn cung

Các khoản đầu tư vào trồng rừng có thể thu hồi vốn một phần ngay trong năm 2011 này trên cơ sở các đàm phán liên doanh với các đối tác nước ngoài từ năm 2009 đến nay;

Khả năng cung cấp cho các bạn đồng ngành những loại gỗ có chứng nhận FSC, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, minh chứng được và truy ngược được nguồn gốc, phù hợp với yêu cầu của Đạo luật Lacey của Mỹ cũng như của Hiệp định FLEGT của cộng đồng chung Châu Âu;



Khả năng cung cấp ván lạng (veneer) với nhiều loại vân gỗ tự nhiên khác nhau, ván ép (plywood) đạt tiêu chuẩn (kể cả CARB P2) và các loại ván ép đặc dụng để dùng ngoài trời, hoặc làm cốt – pha chất lượng cao, cho các công ty xây dựng, các công ty sản xuất trang trí nội thất trong ngành. Trong nhiều năm qua, các nhà sản xuất hàng mộc tại Việt Nam đã phải nhập khẩu đa phần ván lạng từ Trung Quốc, Malaysia, Đài Loan, Mỹ... Do đó, việc TTF chúng ta sản xuất các loại sản phẩm này và cung cấp cho các công ty trong ngành sẽ góp phần giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu của các nhà sản xuất và xuất khẩu hàng mộc của Việt Nam;

Khả năng cung cấp ván dăm (particle board) đạt tiêu chuẩn CARB P2 hoặc E0 (không độc tố) cho các công ty đồng ngành để sản xuất theo các yêu cầu mới khắc khe của thị trường Nhật Bản, Mỹ và Châu Âu về độc tố;

Những thay đổi về tiêu chuẩn và các yêu cầu khác đối với sản phẩm trang trí nội thất trên thị trường quốc tế như FSC – CoC, Lacey, FLEGT, CARB, E1, E0...đều không làm cho TTF bị động hay khó khăn vì chúng ta đã có những bước chuẩn bị sớm, và còn làm cho chúng ta có thể biến đe dọa thành cơ hội kinh doanh mới. Thật vậy, từ cuối năm 2009 đến nay, chúng ta đã cung cấp cho các công ty bạn đồng ngành nhiều nguyên vật liệu phù hợp với các tiêu chuẩn và quy định trên, góp phần vào việc giải quyết khó khăn trong ngành chế biến gỗ Việt Nam

4.3. Một số chiến lược - kế hoạch trong thời gian tới

Tận dụng lợi thế có sẵn thị trường tiêu thụ, chủ động trong việc tự sản xuất bao bì đóng gói, ván lạng, ván dăm và ván ép dành cho sản phẩm gỗ. Từ đó Công ty có thể quản lý chi phí và tiến độ sản xuất tốt hơn, có giá cạnh tranh hơn, chất lượng hàng hóa cao hơn, xuất hàng đúng hẹn hơn

Phát triển mạng lưới khách hàng theo chiều sâu theo nguyên lý 20:80

Phát triển các dòng sản phẩm mà công nghệ máy móc của TTF có lợi thế, giảm sự cạnh tranh với bạn đồng ngành, đồng thời có thể tăng công suất nhanh chóng, chẳng hạn như:

- Công nghệ Continuous Membrane Hot Pressure có khả năng dán veneer biên dạng với chất lượng hoàn hảo
- Công nghệ sản xuất veneer đặc dụng có chiều dày 0.3mm và 3mm
- Công nghệ sản xuất ván ép kỹ thuật cao
- Công nghệ chạm trổ trang trí các bức hoành phi, phù điêu bằng gỗ... bằng máy CNC 6 chiều

Phát triển nhân lực cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các chương trình thưởng sáng kiến được phát động – phát huy – duy trì liên tục, nhằm tối ưu hóa sản xuất, giảm giá vốn hàng bán, tiết kiệm chi phí, nâng cao công suất, cạnh tranh mạnh mẽ trong thương trường dựa vào ưu thế là quản trị giỏi và thương hiệu Quốc gia



PHẦN 6

Báo Cáo Của Ban Điều hành

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Báo cáo tình hình tài chính

1.1 Khả năng sinh lời

Diễn giải	Năm 2009	Năm 2010
Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (%)	1,31	2,55
Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (%)	1,00	2,08
Hệ số lợi nhuận trước thuế trước lãi vay/tổng tài sản (%)	5,25	8,68
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu (%)	3,88	7,99
Hệ số lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ/vốn chủ sở hữu (%)	3,29	7,56
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần (%)	0,92	2,61

Nguồn: Số liệu lấy từ báo cáo tài chính HỢP NHẤT đã kiểm toán bởi công ty DTL năm 2010

Các hệ số trên đều có kết quả thực hiện khá thấp trong năm 2010, mặc dù đã tăng đáng kể so với năm 2009, do các công ty con mới thành lập cũng như các công ty trồng rừng trong giai đoạn đầu còn phải chịu lỗ hoặc có lợi nhuận thấp. Về dài hạn, dự kiến chỉ sau 2 năm nữa, mức lợi nhuận ròng sẽ chiếm ít nhất là 5%



1.2. Khả năng thanh toán

Diễn giải	Năm 2009	Năm 2010
*Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,16	1,14
*Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ-Tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,43	0,35

Nguồn: Số liệu lấy từ báo cáo tài chính HỢP NHẤT đã kiểm toán bởi công ty DTL năm 2010

Cuối năm 2010, để hạn chế việc giao hàng trễ hoặc giao hàng ít cho khách trong dịp Tết nguyên đán, TTF đã tổ chức sản xuất trước khoảng 10% lượng hàng trong năm. Do đó, chốt tại thời điểm 31/12, TTF chưa xuất số hàng làm sớm đó, dẫn đến số liệu tồn kho tăng và các hệ số nêu trên giảm so với năm trước.

1.3. Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

Hiện nay trên sàn giao dịch chứng khoán tại TP.HCM có 3 doanh nghiệp trong ngành chế biến gỗ với mã giao dịch chứng khoán là GDT, GTA và SAV. Tuy nhiên chỉ có sản phẩm của GTA và SAV là khá tương đồng với TTF (vì GDT làm sản phẩm đồ chơi bằng gỗ cho trẻ em và đồ gỗ dùng trong nhà bếp). Do đó, TTF dùng chỉ số trung bình của 2 doanh nghiệp này để so sánh với chúng ta:

	TTF	GTA	SAV	Trung bình của 2 công ty
Doanh thu thuần	2.188	394	392	393
Giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần	83,50%	94,16%	83,78%	88,98%
Lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần	16,50%	5,84%	16,22%	11,02%
Chi phí tài chính trên doanh thu thuần	8,91%	0,13%	5,44%	2,78%
Chi phí bán hàng trên doanh thu thuần	1,32%	1,19%	1,80%	1,50%
Chi phí quản lý trên doanh thu thuần	4,42%	3,17%	12,33%	7,74%
Tỷ lệ lợi nhuận ròng trên doanh thu thuần	2,55%	3,10%	2,42%	2,76%
Vốn chủ sở hữu	691	157	291	224
Thặng dư vốn cổ phần	338	42	144	93
Tổng tài sản	2.651	199	537	368

Nguồn: Số liệu lấy từ báo cáo tài chính HỢP NHẤT của TTF đã kiểm toán bởi công ty DTL năm 2010, và báo cáo tài chính đã kiểm toán của GTA và SAV năm 2010 được đăng tải trên website của HOSE ngày 14/4/2011

Theo bảng trên, chúng ta nhận diện được rằng, so với trung bình của ngành thì:

- Tỷ lệ lợi nhuận gộp của TTF có cao hơn nhiều (16,50% so với 11,02%), nhưng ngược lại thì tỷ lệ lợi nhuận ròng của TTF lại thấp hơn (2,55% so với 2,76%)

- Nguyên nhân chính theo bảng phân tích trên cho ta thấy đó là chi phí tài chính quá cao (8,91% so với 2,78%), xuất phát từ việc dự trữ nguyên liệu cao, nhằm thực hiện các đơn hàng lớn mà gấp, đồng thời do việc đầu tư tài chính dài hạn nhiều mà chủ yếu là cho trồng rừng và bất động sản chưa mang lại hiệu quả trong ngắn hạn cho doanh nghiệp. Ngoài ra khi không thực hiện được việc phát hành 9 triệu CP theo kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua năm 2010 thì chi phí lãi vay cũng không thể giảm được. Yếu tố này đã làm tỷ suất lợi nhuận ròng của TTF trên doanh thu không cao, trong ngắn hạn.



1.4. Những biến động, những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động

Stt	Biến động/ thay đổi lớn	Nguyên nhân
1	Chi phí lãi vay tăng khoảng 30% so với kế hoạch	<ul style="list-style-type: none"> Công ty chưa thực hiện được việc phát hành tăng vốn chủ sở hữu nên vẫn phải vay nhiều Lãi vay tăng Gia tăng khách hàng chuyển sang thanh toán trả sau, hoặc trả chậm hơn trước đây
2	Nguyên liệu trong nước tăng vọt đến 80% tổng nhu cầu sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> Nguồn cung trong nước phong phú hơn Giá cả vừa phải, chất lượng phù hợp Chủ trương dùng gỗ nội địa của Công ty
3	Thị trường Mỹ tăng đến 55% tổng kim ngạch xuất khẩu	<ul style="list-style-type: none"> Thị trường Mỹ hồi phục nhanh hơn Châu Âu, và đang phát triển ổn định Hệ thống quản lý và chất lượng sản phẩm của Công ty được nhiều khách hàng lớn của Mỹ đánh giá cao nên tiếp tục gia tăng đơn hàng hơn 20% so với cùng kỳ năm trước
4	Lợi nhuận chỉ đạt 55% so với kế hoạch	<ul style="list-style-type: none"> Chi phí lãi vay cao Chưa kết chuyển khoản lợi nhuận từ việc liên doanh trồng rừng với đối tác nước ngoài do tiến trình Chính phủ phê duyệt chứng nhận đầu tư cho dự án bị chậm lại theo tinh thần của Công văn số 405/TTg-KTN của Phó Thủ tướng Chính phủ Chi phí đầu vào tăng hơn dự kiến, đặc biệt là gỗ cao su, trong khi giá bán chưa tăng được theo tương ứng Hợp nhất với một số công ty con mới thành lập và một số công ty trồng rừng có kết quả kinh doanh lỗ do chưa đến thời gian khai thác hoặc chạy hết công suất
5	Gỗ cao su tăng giá đến 44% trong vòng 6 tháng	<ul style="list-style-type: none"> Nhà sản xuất đồ gỗ của Trung Quốc đổ xô sang Việt Nam mua gỗ cao su do gỗ bạch dương tại nước họ có density thấp và mềm hơn gỗ cao su, không phù hợp để chế biến những chi tiết cần độ cứng chắc cao. Lúc đó, mức thuế suất áp dụng cho việc xuất khẩu gỗ này là bằng 0 hoặc rất thấp (tùy chiều dày của gỗ) nên tính ra giá vẫn rẻ đối với Trung Quốc. Vì vậy, nhiều nhà cung cấp chọn con đường xuất khẩu gỗ cao su hơn là bán trong nước, làm cho nguồn cung nhỏ lại, giá tăng cao. Sau đó, Chủ tịch TTF cũng là Chủ tịch của hiệp hội chế biến gỗ Bình Dương đã cùng các hiệp hội đồng ngành khác đệ trình Chính phủ phương án nâng mức thuế suất xuất khẩu cho mặt hàng này. Hiện nay, mức giá của gỗ này đã chậm tăng hơn vì ngang bằng với giá của thị trường quốc tế

1.5. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010

- ▶ Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2010: 691.003.562.436 đồng
- ▶ Tài sản vô hình thời điểm 31/12/2010: 52.961.052.936 đồng
- ▶ Số lượng cổ phần đang lưu hành thời điểm 31/12/2010: 31.237.191 cổ phần
- ▶ Vậy, giá trị sổ sách mỗi cổ phần: 20.426 đồng

Tuy nhiên, giá đóng cửa ngày 31/12/2010 của cổ phiếu TTF trên sàn HOSE là 17.500 đồng nên hệ số P/B = 0.86

1.5. Những thay đổi về vốn cổ đông

Sau khi chia cổ phiếu thưởng từ thặng dư cho các cổ đông theo tỷ lệ 2:1 thì cổ phần của TTF tăng từ 20.500.000 cp lên thành 31.249.839 cp. Ngoài ra, trong năm, TTF không phát hành thêm 9 triệu CP theo nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2010. Do đó, trong năm chỉ tăng thêm tổng cộng 10.749.839 cp của TTF.

1.6. Tổng số cổ phiếu theo từng loại

Công ty chưa có cổ phiếu ưu đãi.

- ▶ Tổng số cổ phần phổ thông/cổ phần thưởng: 31.249.839 cp
- ▶ Tổng số cổ phần phổ thông/cổ phần thưởng đang lưu hành: 31.237.191 cp

1.7. Tổng số trái phiếu theo từng loại

Công ty chưa phát hành trái phiếu

1.8. Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại

- ▶ Tổng số cổ phiếu quỹ: 12.684 cp

1.10. Cổ tức chia cho các cổ đông đối với năm 2010

Công ty chưa tiến hành chi trả cổ tức cho năm 2010. Do lợi nhuận giữ lại của năm 2010 chỉ còn là 27.519.230.994 đồng nên dự kiến sẽ chia cổ tức là 5% bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định trong Đại hội Cổ đông thường niên ngày 28/4/2011 tới đây.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1. Nhân sự:

2.1.1. Thông tin chung:

- Tổng nhân sự của Công ty và các công ty con (được hợp nhất) trong giai đoạn cuối năm 2010 là khoảng 6500 CBCNV, với hơn 40 CBNV đạt trình độ thạc sỹ và Tiến sỹ
- Thu nhập của nhân sự gián tiếp trung bình khoảng 8.700.000 đồng/tháng (tăng khoảng 15% so với năm 2009)
- Thu nhập của nhân sự trực tiếp trung bình khoảng 3.100.000 đồng/tháng (tăng gần 18 % so với năm 2009)



2.1.2. Thuận lợi – Ưu điểm:

- Khoảng gần 80% nhân sự của TTF ở lứa tuổi từ 22 đến 35, mặc dù trẻ nhưng rất năng động, nhiệt tình và sáng tạo. Còn lại 20% nhân sự trên 35 tuổi thì phần lớn đều có trên 5 năm kinh nghiệm. Riêng Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc TTF là người tốt nghiệp MBA tại Mỹ và có trên 27 năm kinh nghiệm trong ngành chế biến gỗ;
- Với uy tín và văn hóa doanh nghiệp của thương hiệu Trường Thành trong việc kinh doanh có trách nhiệm và phát triển bền vững, TTF đã thu hút được nhiều nhân tài từ bên ngoài cũng như “giữ chân” được phần lớn các cán bộ chủ chốt trong Công ty;
- Lực lượng CBCNV có tay nghề và/ hoặc trình độ chuyên môn tăng khoảng 16% so với năm 2009 thông qua nhiều chương trình huấn luyện – đào tạo nội bộ (trên 25 ngày/ năm đối với một người), mang đến hiệu suất làm việc cũng tăng lên tương ứng;
- Ban Điều hành bao gồm những nhân sự có trình độ quản trị kinh doanh cao và/ hoặc rất nhiều năm kinh nghiệm trong ngành chế biến gỗ.



2.1.3. Khó khăn – hạn chế:

- Trong năm 2010, tình hình biến động nhân sự của TTF ở mức 23%/ năm (tăng khoảng 5% so với 2009). Những nguyên nhân chủ yếu là:

Đối với lao động trực tiếp: Bình Dương là tỉnh có nhu cầu rất cao về lực lượng công nhân kỹ thuật, đặc biệt trong ngành chế biến gỗ, nên nhiều công ty đồng ngành khác đã cố tình “săn người” của TTF bằng mọi cách. Ngoài ra, nhiều chi phí khác trong cuộc sống tăng cao nhưng mức lương tăng của hầu hết các công ty đều không bù đắp hết, làm cho nhiều công nhân bỏ về quê sinh sống

Đối với lao động gián tiếp: việc đi làm ở một nơi xa thành phố HCM đến 40km đã hạn chế khả năng gắn bó dài lâu của người lao động, mặc dù có xe đưa rước nhưng thời gian sử dụng để đi lại đã làm khó khăn một số anh chị em có đăng ký học thêm buổi tối tại thành phố. Bên cạnh đó, chất lượng được yêu cầu trong công việc tại TTF ở mức cao, không phù hợp cho người lao động không có ý chí phấn đấu vươn lên. Tuy nhiên, đây là tỷ lệ biến động ít hơn so với các bạn đồng ngành khác, do Công ty cũng đã kịp thời có các chế độ phúc lợi và chính sách đãi ngộ phù hợp với phần lớn CBCNV như cung cấp nhà tập thể ở miễn phí, thường xuyên cần, thường sáng kiến, đào tạo thường xuyên, xét lương 2 lần 1 năm...

- Công nhân có trình độ tay nghề cao chiếm khoảng 71%. Mặc dù đây là tỷ lệ cao hơn các bạn đồng ngành trong nước nhưng vẫn còn thấp hơn một số nước như Trung Quốc và Malaysia nên hiệu suất trong sản xuất chưa cao bằng những công ty lớn của những nước này
- Trong năm 2010, TTF chỉ thực hiện được khoảng 80% kế hoạch tổ chức vui chơi – giải trí cho CBCNV do giới hạn ngân sách trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế, và bận rộn với quá nhiều đơn hàng đã đạt được.
- Vẫn chỉ có 1 Tổng Giám đốc và 2 Phó Tổng Giám đốc vừa điều hành công việc của TTF vừa phải chỉ đạo đến một số công ty con và công ty liên kết. Theo sơ đồ tổ chức là thiếu đến 3 Phó Tổng Giám đốc. TTF vẫn thường xuyên tìm kiếm và tổ chức tuyển dụng cho vị trí này nhưng vẫn chưa thấy nhân sự phù hợp. Do đó, đến đầu năm 2011, Tổng Giám đốc đã quyết định bổ nhiệm thêm 2 Phó Tổng Giám đốc từ nội bộ công ty phát triển lên.





2.2. Về dòng sản phẩm

2.2.1. Thông tin chung:

Dòng sản phẩm	Kế hoạch (trên sản lượng theo container)	Thực tế (trên sản lượng theo container)
Hàng ngoại thất	Dưới 20%	19%
Hàng nội thất	Trên 60%	63%
Ván sàn, cửa, khác...	Dưới 20%	18%

Nguồn: Khối Kinh doanh của TTF

Trong năm 2010, TTF đã nhận được số đơn hàng khá phù hợp với kế hoạch của Công ty.

2.2.2. Thuận lợi – Ưu điểm:

- Tỷ lệ dòng hàng thực tế khá gần theo kế hoạch đã thiết lập, ngay cả khi toàn bộ doanh số tăng so với kế hoạch

2.2.3. Hạn chế - Khó khăn:

- Dòng hàng ngoài trời chuyển sang làm bằng gỗ trầm/ keo nhiều. Các loại gỗ này thường chỉ có quy cách nhỏ, mà hàng ngoài trời thì không được ghép gỗ. Điều này làm cho hiệu suất sử dụng gỗ giảm. May mắn là TTF còn làm hàng trong nhà, do đó có tận dụng gỗ được cho dòng hàng này.

- Dòng hàng trong nhà thường cần sơn phủ nhiều. Do đó, trong năm 2010, khi giá sơn tăng trong bối cảnh đơn hàng TTF đã xác nhận giữ giá cho khách ít nhất là 6 tháng, làm cho giá vốn hàng bán của TTF có tăng so với kế hoạch

- Vật tư của dòng hàng trong nhà thường phải nhập khẩu từ Trung Quốc hay Đài Loan, mà mỗi lần nhập phải nhập số lượng lớn thì nhà cung cấp mới bán được với giá ưu đãi. Do đó, thường xuyên phải tồn kho một số vật tư đặc biệt này



2.3. Về nguyên liệu:

2.3.1. Thông tin chung:

Nguyên liệu	Kế hoạch	Thực tế	Chênh lệch
Teak	25%	8%	- 17%
Eucalyptus	20%	12%	- 8%
Acacia và Cao su	45%	66%	+ 21%
Gỗ khác	10%	14%	+ 4%

Nguồn: Khối Kinh doanh của TTF, tính trên doanh số bán hàng

+ Teak và Bạch đàn tiếp tục giảm so với kế hoạch do giá các sản phẩm này kém cạnh tranh hơn so với gỗ trầm/ keo, đặc biệt khi khủng hoảng kinh tế vẫn chưa hồi phục hoàn toàn thì nhu cầu mua hàng rẻ vẫn chiếm ưu thế. Ngoài ra, khi dòng hàng nội thất tăng mạnh thì 2 loại gỗ này ít dùng trong sản xuất hơn.

2.3.2. Thuận lợi – Ưu điểm:

- Kịp thời chuyển sang sản xuất và cung cấp sản phẩm bằng trầm bông vàng và cao su, đáp ứng được nhu cầu mua hàng rẻ của thị trường
- Luôn có sẵn nguyên liệu dồi dào trong kho, đáp ứng ngay các đơn hàng lớn, giao hàng nhanh, không còn lệ thuộc vào nhà cung cấp ở nước ngoài
- Mặc dù chi phí nguyên liệu có tăng, nhưng vẫn thấp hơn thị trường, do các nguồn cung cấp của TTF tương đối lớn và ổn định, một số thì cung cấp độc quyền cho TTF

2.3.3. Hạn chế - Khó khăn:

- Khi quyết định chuyển sang sản xuất nhiều hơn bằng gỗ trầm, cao su và các nguyên liệu khác thì TTF phải vay thêm vốn Ngân hàng để mua bổ sung vì trước đó chưa dự trữ nhiều các loại nguyên liệu này.

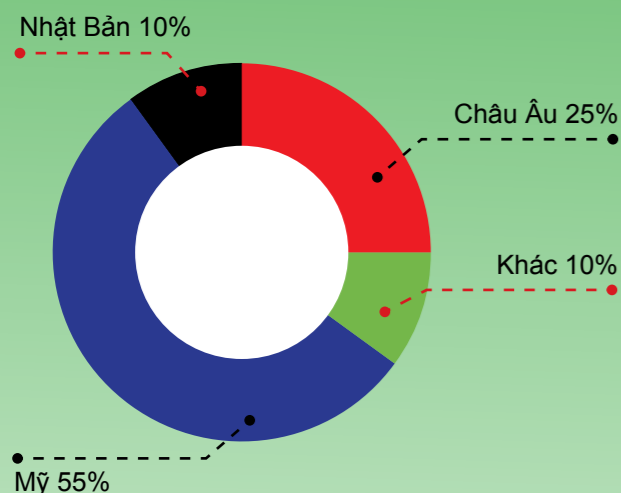
- Nguyên liệu trầm/ keo có nhiều khuyết tật gỗ. Do đó, khi làm nguyên liệu này nhiều thì vấn đề quản lý chất lượng phải gia tăng ngay từ công đoạn ra phôi, và công đoạn xử lý hoàn thiện.

- Nguyên liệu cao su nếu không xử lý đúng cách thì dễ bị mối mọt. Trong khi đó, thị trường Mỹ yêu cầu là sản phẩm phải không chứa độc tố. Vì vậy, TTF phải dùng và kiểm soát chặt chẽ việc dùng các hóa chất ngâm tẩm đạt tiêu chuẩn của Mỹ, hoặc dùng quy trình NAC (Non Added Chemical)

2.4. Về khách hàng và thị trường xuất khẩu:

2.4.1. Thông tin chung:

- Doanh số xuất khẩu (tính luôn xuất khẩu gián tiếp) tăng khoảng 10% so với năm 2009
- Tỷ lệ doanh số theo thị trường: thực hiện đúng theo kế hoạch



2.4.2. Thuận lợi – Ưu điểm:

- Trong năm 2010, các khách hàng đã đặt tăng thêm trên 20% so với năm 2009 là Ashley, Pier1 Import, IKEA, Lowe's, Costco, Walmart, Home Retail Group, Alexander Rose, Lapeyre...
- Khách hàng thị trường Mỹ mua khá nhiều dòng hàng giường ngủ. Việc này trước đây đã làm quá tải các công suất sơn hàng kích thước lớn của Công ty. Trong năm 2010, Công ty đã kịp thời đầu tư mở rộng dây chuyền sơn pallet, đáp ứng nâng cao công suất dòng hàng giường ngủ



2.4.3. Hạn chế - khó khăn:

- Khách hàng thị trường Mỹ đa phần thanh toán trả sau. Việc này làm ngân lưu của công ty khá khó khăn.
- Ngoài ra, khách hàng Mỹ có một số yêu cầu và tiêu chuẩn bắt buộc nhà cung cấp phải thực hiện cao hơn Luật Lao động của Việt Nam, hay SA 8000, làm phát sinh thêm chi phí và khó thực hiện đối với một số hạng mục. Tuy nhiên, khi TTF đã thực hiện được điều này, lợi thế cạnh tranh của TTF sẽ cao hơn.

2.5. Về khách hàng và thị trường nội địa

2.5.1. Thông tin chung:

- Doanh số nội địa (sau khi đã trừ xuất khẩu gián tiếp) tăng khoảng 16% so với năm 2009
- Có 6 cửa hàng tự doanh của Công ty tại:
 - ▶ 287 Bạch Đằng, P.15, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM. Tel: (08) 35 126 346
 - ▶ 37/260 Quang Trung, P.12, Gò Vấp, Tp.HCM (Mặt tiền, cách Mercedes khoảng 1km). Tel: (08) 62 578 606
 - ▶ Coop Mart Nguyễn Kiệm, 571-573 Nguyễn Kiệm, P.9, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM. Tel: (08) 39 972 472
 - ▶ 98 Chu Văn An, P.26, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM. Tel: (08) 35 118 225
 - ▶ 20/25 (mặt tiền) Đường 30/4, P.Phú Thọ, Thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương Tel: (0650) 3813636
 - ▶ 218 Phan Chu Trinh, TP.Buôn Ma Thuột, Daklak. Tel: (0500) 3 954 213



- Ngoài 6 cửa hàng tự doanh, TTF còn có hình thành được mạng lưới gồm các Đại lý cấp 1 và các cửa hàng liên kết như sau:

TP HỒ CHÍ MINH

- ▶ Công ty TNHH MTV Đồng Tâm Window 79B Lý Thường Kiệt, P.8, Q.Tân Bình – Tp.HCM. Tel: (08) 62 964 250



- ▶ Công ty CP Điện máy-TT Điện máy Tp.HCM 229-231 Ngô Gia Tự, P.3, Q.10 – Tp.HCM Tel: (08) 38 303 802 / 38 354 098

- ▶ Công ty TNHH TTNT Toàn Phú 367 Ngô Gia Tự, P3, Q 3, Tp. HCM Tel: (08) 38 336 557

- ▶ TT Mua sắm Đệ Nhất Phan Khang 431 Hoàng Văn Thụ, P.4, Q.Tân Bình, Tp. HCM. Tel: (08) 38 336 557

- ▶ Gia Thịnh
 - Cửa hàng 1: 141 Ngô Gia Tự, P 2, Quận 10, TP.HCM
 - Cửa hàng 2: 223 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP.HCM. Tel: (08) 38 350 001

▶ TT Điện máy Thiên Hòa
 Thiên Hoà 2: 2-6B Trường Chinh, Phường
 Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp.HCM
 Tel: (08) 54 361 361

Thiên Hoà 7: 571 Huỳnh Tấn Phát, Phường
 Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM
 Tel: (08) 54 336 337

Thiên Hoà Gò Vấp: 168 Quang Trung,
 Phường 10, Quận Gò Vấp, Tp.HCM
 Tel: (08) 39 897 897

▶ Gia Hưng Thịnh
 512 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân
 Bình, Tp.HCM. Tel: (08) 38 132 830

▶ Nhuận Đức (OPAL)
 184-186 Cộng Hòa, P.12, Q.Tân Bình,
 Tp.HCM

BÌNH DƯƠNG

▶ V-Home
 Quốc lộ 1K, Đông Hòa, Dĩ An, Bình Dương.
 Tel: (0650) 3 779 959

ĐÀ LẠT

▶ Nội thất An Khang
 Số 26B Phù Đổng Thiên Vương - Tp Đà
 Lạt, Lâm Đồng. Tel: (063) 3 554 532

BẾN TRE

▶ Quốc Hùng
 325 Nguyễn Huệ, Phường Phú Khương,
 Thị xã Bến Tre. Tel: (075) 3 500 818

ĐỒNG THÁP

▶ Kiếng Á
 427 Nguyễn Huệ, K1, P1, TX Sa Đéc,
 Đồng Tháp. Tel: (067) 3 861 078

AN GIANG

▶ Lê Sang
 504-Lê Lợi – TX Châu Đốc - An Giang
 Tel/Fax: (076) 3 866 934

KIÊN GIANG

▶ Út Bình
 280, Quốc lộ 80, TT Tân Hiệp, Kiên Giang
 Tel/Fax: (077) 3 730 200

NHA TRANG

▶ Nam Khánh
 103 Thống Nhất, TP.Nha Trang, Khánh
 Hòa. Tel: (058) 3 826 766 – 3 825 463

BÌNH ĐỊNH

▶ Diệp Phương
 Tổ 10, KP7, P.Bùi Thị Xuân, Phú Tài,
 Tp.Quy Nhơn, Bình Định
 Tel: (056) 3 510 030

ĐÀ NẴNG

▶ Thánh Thắng
 114 Hải Phòng, Q. Thanh Khê - Tp Đà
 Nẵng. Tel/ Fax: (0511) 3 888 389

V-Home

Tầng 2, siêu thị Co.op Mart, 478 Điện Biên
 Phủ, Q.Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
 Tel: (0511) 3 713 665

Nhuận Đức (OPAL)

174 đường 2/9, Q.Hải Châu, Tp.Đà Nẵng
 Tel: (0511) 3 688 888

HÀ NỘI

▶ Mê Linh Plaza
 Km8, đường cao tốc Thăng Long-Nội Bài,
 Mê Linh, Hà Nội. Tel: (04) 38 868 868



2.5.2. Thuận lợi – Ưu điểm:

- Thương hiệu đã được nhiều người tiêu dùng biết đến hơn, một phần do xuất hiện nhiều hơn kênh phân phối tại nội địa (đã có 28 điểm bán hàng trên toàn quốc), một phần do nhiều chương trình khuyến mãi thu hút được người tiêu dùng, và sự có mặt thường xuyên tại các Hội chợ Hàng VNCLC và Lễ hội Mua sắm cuối năm, cùng với các TVC giới thiệu sản phẩm (30' và 5 phút) thường xuyên được phát sóng trên nhiều kênh truyền hình (FBNC, InfoTV, BTV3, Thuần Việt, HTVC+,...)
- Trong năm có ra nhiều sản phẩm mới, đặc biệt là ván sàn kỹ thuật cao có tính chịu nước và chống trầy siêu cao, đã nhận được ủng hộ của khá nhiều khách hàng, kể cả các công trình lớn của Vincom tại TP.HCM, Nha Trang, Đà Nẵng và Hà Nội
- Chất lượng hàng TTF tại nội địa được bình chọn là Hàng VN Chất lượng cao nhiều năm liền từ 2006
- Giá bán của TTF rất cạnh tranh theo chiến lược “bán hàng lẻ theo giá sỉ”

- Dòng sản phẩm của TTF tại thị trường nội địa rất đa dạng: đồ gỗ nội thất, đồ gỗ ngoại thất, đồ gỗ dành cho trẻ em, ván sàn gỗ thịt và gỗ kỹ thuật cao, cửa, cầu thang, hàng rào, chỉ phào, len tường, ốp tường... , đáp ứng cho việc nhận thầu trọn gói các công trình lớn với nhiều hạng mục sản phẩm khác nhau.

2.5.3. Hạn chế - khó khăn:

- Hàng bán nội địa thường có số lượng mã hàng cao, và số lượng sản phẩm của mỗi mã hàng thấp hơn nhiều so với xuất khẩu. Do đó, giá vốn hàng bán cũng cao hơn hàng xuất khẩu nếu tính trên trị giá. Ngoài ra, chi phí bán hàng – quảng cáo cũng nhiều hơn bên mảng xuất khẩu
- Sở thích hàng nội thất bằng gỗ giữa các vùng của Việt Nam chưa giống nhau về kiểu dáng và chất liệu. Do đó, nếu sản xuất hàng loạt số lượng nhiều khi đôi khi đáp ứng thị hiếu chỗ này nhưng lại không phù hợp chỗ kia, mà nếu thiết kế riêng cho từng vùng thì sản lượng không quá nhiều để có được giá rất cạnh tranh
- Phần lớn người mua hiện nay quan tâm đến bề ngoài nên đôi khi đưa ra những so sánh giá khắp khển. Điều này làm cho chúng ta thấy rõ cần phải có những thông tin và phân tích sản phẩm kỹ lưỡng hơn, cũng như phải sử dụng các kênh truyền thông nhiều hơn kể từ tháng 6 năm trước nhằm giúp người tiêu dùng có thể đưa ra quyết định đúng đắn, đặc biệt là ván sàn kỹ thuật cao – một sản phẩm mà mất thường khó có thể đánh giá được chất lượng nếu không dùng một số phương pháp test mà TTF đã hướng dẫn trong một số TVC truyền hình. Nếu TTF chạy theo chất liệu rẻ nhưng kém chất lượng thì không phù hợp với chính sách chất lượng của Công ty.



2.6. Về sản xuất

2.6.1. Thông tin chung

- Công suất toàn bộ mảng chế biến gỗ của Tập đoàn tăng khoảng 18% so với năm trước
- Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành tại Bình Dương (TTBD2) đã hoàn tất đưa vào sử dụng trong giai đoạn cuối năm thêm 1 dàn sơn UV dành cho ván sàn cao cấp và 1 chuyền sơn pallet car dành cho hàng nội thất có kích thước to (case goods)
- Các nhà máy trong tập đoàn trước đây chuyên làm hàng ngoài trời cũng đã được đào tạo để chuyển qua làm một số hàng nội thất khi cần thiết



- Công ty phân bổ thời gian làm việc cho công nhân hợp lý, không tăng ca nhiều nên công nhân có sức khỏe làm việc đạt năng suất cao hơn

2.6.2. Thuận lợi – Ưu điểm

- Công nhân làm quen dòng sản phẩm được đặt lặp lại và được huấn luyện tay nghề thường xuyên nên có hiệu suất lao động cao hơn
- Công nhân được huấn luyện khá đầy đủ về an toàn lao động nên không có trường hợp tai nạn lao động nghiêm trọng nào xảy ra, góp phần không làm đình trệ công việc sản xuất và ổn định tâm lý cho người lao động



2.6.3. Hạn chế - khó khăn

- Trong năm 2010, tỷ lệ ra vào của công nhân có tăng thêm khoảng 12% so với năm 2009. Có 2 nguyên nhân chính là:

a, Nền kinh tế thế giới hồi phục hơn so với năm 2009, dẫn đến việc đơn hàng tăng lên tại nhiều nhà máy cùng ngành. Điều này làm cho cạnh tranh thu hút nhân công tại diễn ra gay gắt hơn, nhất là công nhân lành nghề. Đa phần các công ty FDI có chi phí tài chính thấp hơn rất nhiều so với các công ty tại Việt Nam chúng ta. Ngoài ra một số doanh nghiệp FDI còn có thể chuyển giá thông qua các công ty được thành lập ở những quốc gia có mức thuế suất thấp (offshore trading company/ offshore holding company) nhằm giảm đi thuế thu nhập doanh nghiệp và có tích lũy nhiều hơn. Do đó họ có thể thu hút công nhân với một mức lương cao hơn trong ngắn hạn mà giá chào bán vẫn còn có thể cạnh tranh được ngay tại Việt Nam. Điều này chỉ có Chính phủ mới có thể giải quyết được.

b, Chi phí sống tại Việt Nam, đặc biệt tại khu kinh tế trọng điểm phía Nam, tăng cao trong giai đoạn 6 tháng cuối năm 2010, trong khi mức tăng lương của hầu hết các doanh nghiệp vẫn chưa đáp ứng được. Điều này làm cho một số lực lượng công nhân quay trở về làm ăn sinh sống tại quê nhà

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

3.1. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

3.1.1. Chính sách tuyển dụng

- Cải tiến một số biểu mẫu trong tuyển dụng, giúp công ty có nhiều nguồn thông tin hơn để chọn lựa hồ sơ phỏng vấn
- Luôn kêu gọi tuyển dụng từ nguồn nội bộ trước, với một số chính sách thưởng bằng hiện kim cho việc giới thiệu nhân sự này.
- Chuyển hình thức đăng tuyển dụng trên báo theo dạng thông thường sang dưới dạng một thư mời gia nhập gia đình TTF

TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

Chi Trại Đệt Lành Xanh

Thư Mời

GIA NHẬP GIA ĐÌNH TRƯỜNG THÀNH

Trường Thành là Tập đoàn hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ với doanh số năm 2010 hơn 2100 tỷ đồng và đã **đăng ký** tại sân golf dịch vụ khách sạn TP.HCM từ đầu năm 2008. Với dự án trồng rừng 100.000ha, Tập đoàn có cơ làm nền tảng thành một trong TOP3 doanh nghiệp tư nhân trồng rừng lớn nhất khu vực ASEAN trong vòng 5 năm tới.

Hiện nay, để đáp ứng kịp thời sự phát triển nhanh chóng và quy mô của hơn 14 công ty thuộc Tập đoàn, chúng tôi thân mời các bạn gia nhập vào gia đình Trường Thành với những vị trí cần bộ cấp cao và cần bộ sản xuất sau đây:

1. Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc (mảng chế biến gỗ trồng rừng)
2. Giám đốc, Trưởng phòng, Phó phòng phụ trách Kinh doanh – Tiếp thị, Khu vực, Cung ứng, Sản Xuất, Nguyên liệu, Kế hoạch, HCNS, QL CL, Cơ điện
3. Quản đốc và chuyên trưởng sản xuất các công đoạn như Cưa xẻ, Bóc, Lạng, Sấy, Ép ván, Ép veneer, Ra phôi, Dính hình, Lắp ráp, Hoàn thiện (đối với các sản phẩm như ván lạng (veneer), ván dăm (PB), ván ép (plywood), đồ gỗ trong nhà, đồ gỗ ngoài trời, ván sàn, cửa)
4. Giám đốc, PGS, Kỹ thuật nhà máy sản xuất bao bì giấy

Với nhiều cơ hội được biết được đặt trên sân của Tập đoàn Trường Thành, chúng tôi mong đợi sự hòa nhập cũng như sự phát huy năng lực và nhiệt tình của các thành viên mới. Do đó, nếu bạn là người đã có kinh nghiệm trên 3 năm ở vị trí tương đương và cùng ngành, chắc chắn bạn sẽ sớm thành công tại Tập đoàn chúng tôi.

Đền với Trường Thành, bên cạnh sự xứng đáng về thu nhập (vết tăng lương 2 lần/năm), khả năng được đề cử vào Hội đồng Quản trị, cơ hội được đào tạo nâng cao hơn 25 ngày/năm, các bạn còn có được nhiều giá trị vô hình có thể làm thay đổi sự nghiệp và cuộc đời của các bạn theo hướng tích cực.

Vì vậy, nếu bạn là người có năng lực và hoài bão lớn, đam mê thử thách với tinh thần trách nhiệm cao, hãy liên hệ với chúng tôi qua email:
 Ms Thúy Nga – GD HCNS: personnel@truongthanh.com, ĐTDD 0944 937 676
 Ms Hồng Thu – Thành viên HĐQT: contact@truongthanh.com, ĐTDD 0918 683 246

* Vui lòng xem thêm chi tiết và tải biểu mẫu "Phiếu Đăng Ký Đề Tuyển" tại www.truongthanh.com/vn/ chọn "Tiếp Tuyển"

TỰ HÀO THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



- Đối với công nhân, ưu tiên tuyển dụng những người đến từ địa phương có nền công nghiệp ít phát triển để đào tạo thành công nhân kỹ thuật lành nghề. Điều này cũng làm giảm bớt trường hợp công nhân quay về địa phương khi đã được đào tạo lành nghề.

- Chọn thời gian ngoài giờ hành chính để tổ chức phỏng vấn tuyển dụng, giúp ứng viên có thể tiếp cận Công ty mà không ảnh hưởng đến công việc hiện tại

- Tham gia giao lưu với một số trường đại học trong các ngày hội việc làm. Thu hút sinh viên năm cuối đến thực tập tại Công ty, nhằm tìm hiểu sớm các tài năng tiềm ẩn, giúp các em có thể làm việc tốt ngay sau khi chính thức tốt nghiệp

- Đảm bảo chính sách tuyển dụng của Công ty không những phù hợp với các quy định của Nhà nước, mà còn đi theo các tiêu chuẩn của SA 8000 (Social Accountability – Trách nhiệm Xã hội), ILO (International Labor Organization – Tổ chức Lao động Quốc tế) và tiêu chuẩn BSCI của Châu Âu

3.1.2. Cơ cấu tổ chức

- Duy trì **Ban Quan hệ Nhà đầu tư (IR)** để phụ trách tất cả các công tác cổ phần, cổ phiếu, sổ cổ đông, tổ chức đại hội cổ đông, giải thích và cung cấp thông tin cho cổ đông...

From: Nguyen Thu [mailto:letter_nmt@yahoo.com]
Sent: Thursday, June 17, 2010 12:01 AM
To: contact@truongthanh.com
Subject: RE: Mot vai y kien ve thi truong noi that Ha Noi

Cam on quy cong ty da danh thoi gian tra loi mot cach nhanh chong. Toi chua phai la co dong vi danh gia tinh hình xk của ngành go con nhiều kho khan, loi nhuan giam so voi nhung nam truoc. Mong se có lúc sử dụng sản phẩm của công ty. Chúc Truong Thanh làm ăn ngày một phát đạt và bền vững.

Nguyen Minh Thu
m: 0084983331511

From: tran thi mai quynh [mailto:quynh_mai85@yahoo.com]
Sent: Thursday, June 17, 2010 8:54 AM
To: contact@truongthanh.com
Subject: Re: TTF

Cam on ban rat nhiều.
Minh ko thay đc thông tin này , minh cung da hoi cong ty chung khoan tuy nhiên bên công ty chung khoan tra loi chua thoa dang nên mình mọi liên hệ trực tiếp với quy công ty để biết cụ thể.
Chúc bạn một ngày làm việc nhiều niềm vui
Than chào

From: saigon saigon [mailto:sgnvina@yahoo.com]
Sent: Tuesday, March 01, 2011 3:28 PM
To: Joey Ngo [TTF]
Subject: RE: Vui lòng kiểm tra lại độ chính xác của các thông tin sau :

Cám ơn Ban IR

Lần nào mình hỏi các bạn trả lời cũng rất nhanh.

From: Tran Ngoc Thuy Tien [mailto:thuytientn@vietstock.vn]
Sent: Friday, October 15, 2010 3:47 PM
To: contact@truongthanh.com
Cc: ducthiendn@vietstock.vn
Subject: Vietstock - Thư hẹn gặp trao đổi thông tin

Kính gửi Chị Thu,

Thay mặt Vietstock, chân thành cảm ơn Chị đã dành thời gian trao đổi qua điện thoại vừa rồi.

Như em có thảo luận với Chị, hiện khách hàng của Vietstock có mong muốn tìm hiểu thêm thông tin về TTF để phục vụ cho việc đầu tư. Vì vậy, Vietstock rất mong Chị sắp xếp được thời gian để tiếp xúc và trao đổi, giúp Vietstock hiểu rõ hơn về hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Và mong Chị sẽ thu xếp một cuộc gặp để giúp Vietstock thu thập các thông tin hữu ích.

Chân thành cảm ơn Chị, và mong nhận được sự hợp tác từ phía Chị và TTF.

Trân trọng.

Tran Ngoc Thuy Tien
Senior Associate

- Duy trì và phát huy **Khối Kiểm soát tuân thủ** mạnh mẽ hơn để đảm bảo tất cả **hệ thống quản trị và hệ thống QLCL** trong Công ty đều đi đúng theo các quy định của Pháp Luật, của Công ty, của một số khách hàng đã có thỏa thuận, kịp thời báo cáo cho Ban Lãnh đạo các hành vi vi phạm, có tiềm năng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Duy trì và phát huy **Ban Kiểm toán Nội bộ** mạnh mẽ hơn để đảm bảo tất cả hệ thống tài chính – kế toán trong Công ty và các công ty con đều đi đúng theo các quy định của Pháp Luật, của Công ty, kịp thời báo cáo cho Ban Lãnh đạo các hành vi vi phạm, có tiềm năng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Duy trì và phát huy **Ban Quản lý Nguyên liệu thô** mạnh mẽ hơn để đảm bảo tất cả nguyên liệu được cấp đúng, sử dụng có hiệu suất cao, góp phần làm giảm giá vốn hàng bán, tăng lợi nhuận cho Công ty



3.1.3. Quản lý

- Từ năm 2008, đã thiết lập hệ thống họp từ xa qua E-Conference/ E-Video, giúp cho lãnh đạo của các công ty trong toàn Tập đoàn tiết kiệm được thời gian và chi phí cho các cuộc họp giao ban giữa các công ty. Ngoài ra, hệ thống này còn giúp cho khách hàng của TTF có điều kiện bàn luận trực tiếp với Công ty nhiều điều thay vì phải đi rất xa đến Việt Nam. Đó là cũng là một trong những lý do tại sao TTF có thể thu hút thêm được khá nhiều khách hàng trong một thời gian ngắn, đặc biệt là những năm qua, thời gian còn nặng nề với khủng hoảng kinh tế toàn cầu
- Phát huy tốt hệ thống mạng trong Công ty và toàn Tập đoàn, giúp cho việc giao dịch quốc tế và truy cập thông tin nội bộ thuận lợi và nhanh nhất mà vẫn đảm bảo tính bảo mật khi cần thiết
- Vận hành tốt hệ thống camera – loa – máy tính tại các khu vực làm việc và sản xuất, giúp cho Ban Lãnh đạo có thể điều hành Công ty và các công ty con thuận tiện dù đang đi công tác ở nước ngoài



- Cải tiến các chính sách – quy định về quản trị rủi ro cũng như hệ thống an ninh ở mọi hoạt động trong Công ty

- Liên tục phát huy mạnh mẽ chính sách Open Door trong quản lý, văn hóa phân biện trong các cuộc họp, cũng như thiết lập Quy chế Khen thưởng Sáng kiến, đảm bảo tất cả CBCNV đều có cơ hội thể hiện và phát huy năng lực thực sự của mình

3.2. Các biện pháp kiểm soát

- Gây ý thức cho toàn CBCNV rằng “Mỗi công nhân là một KCS” và phổ biến chương trình khâu sau kiểm tra khâu trước với các chính sách thưởng phạt rõ ràng
- Đội ngũ KCS làm việc tại tất cả các khâu trong quy trình chế biến
- Kiểm tra online thông qua hệ thống Camera, mạng LAN và WAN
- Chế độ báo cáo định kỳ ngày, tuần, tháng, quý và năm
- Các điểm đến hạn trong quy trình sản xuất – kinh doanh chính của Công ty đều được kiểm soát chéo giữa các bộ phận, đánh giá nội bộ hằng tháng bởi Ban ISO và đánh giá định kỳ hằng năm bởi tổ chức độc lập bên ngoài như SGS, STR...



- Tất cả các quy trình đều quy định rõ trách nhiệm thực hiện và trách nhiệm kiểm soát
- Khối Kiểm soát Tuân thủ và Ban Kiểm toán nội bộ hằng ngày đều có nhiều hoạt động kiểm tra đối với toàn hệ thống nhằm phát hiện sớm nhất sự không phù hợp, để từ đó có các hoạt động sửa chữa, khắc phục, phòng ngừa triệt để nhất



3.3. Các giải thưởng đạt được trong năm 2010:

Bên cạnh các giải thưởng cao quý trong và ngoài nước mà TTF đã được trao tặng từ năm 2000 đến 2009, TTF lại tiếp tục giữ vững đẳng cấp chất lượng và uy tín kinh doanh của mình với nhiều giải thưởng trong năm 2010 như sau:

- Thương hiệu Trường Thành được bình chọn Thương hiệu Quốc gia (Vietnam Value) lần 2 năm 2010, là một trong 43 doanh nghiệp tiếp theo và tiếp tục duy trì được sự bình chọn tham gia chương trình. Trước đó, Trường Thành cũng được bình chọn là một trong 30 **Thương hiệu Quốc gia** đầu tiên năm 2008.

- Giải thưởng **“Báo cáo thường niên Xuất sắc”** do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM và Báo Đầu tư Chứng khoán tổ chức xét chọn

- Giải thưởng và Cúp **“Thương hiệu xanh”** 2010 do Liên hiệp các hội KH và KT Việt nam và mạng thương hiệu Việt bình chọn

- **Chứng nhận ISO 9001:2008** do SGS cấp, chứng nhận việc thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn mới

- Danh hiệu **“Hàng Việt Nam chất lượng cao”** do Báo Tiếp thị Sài Gòn tổ chức cho người tiêu dùng bình chọn;

- Và nhiều bằng khen khác về hoạt động kinh tế - xã hội tại Việt Nam do các Bộ, ban ngành liên quan trao tặng



Nhận cúp Kim cương “Chất lượng Quốc tế” do tổ chức BID trao tặng ngày 11/4/2011 tại Pháp



I. Báo cáo của Tổng Giám đốc

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4603000078, ngày 18 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 số 3700530696 vào ngày 21 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại DT747, Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 312.498.390.000 đồng.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có đầu tư vào 11 công ty con.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

- Sản xuất đồ mộc;
- Sản xuất gỗ dán, ván mỏng, lạng, ván ép, ván sàn nội thất;
- Mua bán sản phẩm mộc, phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Sản xuất bao bì;
- Mua bán sản phẩm nông lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản;
- Mua bán phân bón;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Võ Trường Thành	Chủ tịch
Ông Tạ Văn Nam	Thành viên
Bà Ngô Thị Hồng Thu	Thành viên
Bà Diệp Thị Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Nghĩa	Thành viên
Ông Huỳnh Phú Quốc	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Văn Hân	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên
Bà Trương Nữ Bích Vân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Võ Trường Thành	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Hồng Thu	Phó Tổng Giám đốc



3. Tình hình kinh doanh hợp nhất năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh hợp nhất năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tập đoàn.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Bình Dương, ngày 15 tháng 04 năm 2011
TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯỜNG THÀNH

II. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT 31/12/2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,957,691,709,903	1,926,495,951,583
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17,156,911,559	13,399,914,404
1. Tiền	111	(5.1)	13,956,911,559	11,910,326,904
2. Các khoản tương đương tiền	112		3,200,000,000	1,489,587,500
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	15,085,100,000	14,727,443,950
1. Đầu tư ngắn hạn	121		16,248,800,000	14,727,443,950
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(1,163,700,000)	-
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	506,969,413,602	630,595,076,357
1. Phải thu khách hàng	131		446,955,148,229	529,326,766,109
2. Trả trước cho người bán	132		47,420,142,844	28,986,149,839
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		16,458,366,156	74,977,308,083
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3,864,243,627)	(2,695,147,674)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.4)	1,351,591,162,186	1,207,080,874,257
1. Hàng tồn kho	141		1,358,352,828,165	1,211,342,832,353
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6,761,665,979)	(4,261,958,096)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		66,889,122,556	60,692,642,615
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,001,358,704	1,442,307,941
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,613,965,495	2,610,315,786
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		323,579,564	455,022,180
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.5)	62,950,218,793	56,184,996,708

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		692,914,795,052	649,186,734,441
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		540,268,268,811	504,035,473,223
1. Tài sản cố định hữu hình	221		399,133,452,153	411,010,442,839
+ Nguyên giá	222	(5.6)	473,849,045,823	457,090,283,285
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74,715,593,670)	46,079,840,446)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		52,961,052,936	51,966,239,230
+ Nguyên giá	228		58,286,067,715	55,535,962,563
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229	(5.7)	(5,325,014,779)	(3,569,723,333)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		88,173,763,722	41,058,791,154
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241	(5.8)	-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		142,697,006,478	136,383,720,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,542,060,210	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		142,683,720,000	136,383,720,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(5.9)	(1,528,773,732)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		9,949,519,763	8,767,541,218
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		8,642,066,252	8,150,541,218
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		1,307,453,511	617,000,000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,650,606,504,955	2,575,682,686,024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,841,098,552,449	1,795,576,390,931
I. Nợ ngắn hạn	310	(5.10)	1,721,309,577,249	1,667,089,976,674
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.11)	1,494,849,252,043	1,167,421,500,546
2. Phải trả người bán	312	(5.11)	129,645,941,698	440,027,123,118
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.12)	51,174,612,557	15,469,011,774
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		5,262,084,879	9,095,132,891
5. Phải trả người lao động	315		25,260,263,637	23,008,623,998
6. Chi phí phải trả	316		7,445,538,278	3,207,277,913
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.13)	7,465,531,884	8,640,593,572
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		206,352,272	220,712,862
II. Nợ dài hạn	330		119,788,975,200	128,486,414,257
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		48,000,000	33,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.14)	119,141,719,537	127,919,405,110
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		518,801,118	453,554,600
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		80,454,545	80,454,547
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		691,003,562,436	661,819,753,129
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.15)	691,003,562,436	661,819,753,129
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		312,498,390,000	205,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		338,265,055,014	439,844,317,229
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3,212,548,834	3,212,548,834
4. Cổ phiếu quỹ	414		(420,631,294)	(324,041,400)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	(1,143,166,489)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6,152,120,739	6,152,120,739
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,767,885,040	3,767,885,040
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		8,963,110	8,963,110
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		27,519,230,994	5,301,126,066
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	(5.16)	118,504,390,070	118,286,541,964
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,650,606,504,955	2,575,682,686,024

Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	34,375,321,092	15,618,741,457
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	19,558,581,604
4. Nợ khó đòi đã xử lý	2,619,584,016	2,619,584,016
5. Ngoại tệ	-	-
+ USD	250,872	270,598
+ EUR	2,452	6,195
+ JPY	277,000	210,000
+ CNY	17,175	-
+ GBP	45	-
+ THB	3,960	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

III. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2,187,582,981,929	1,971,401,924,076
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		19,839,122,177	1,865,790,264
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	2,167,743,859,752	1,969,536,133,812
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	1,810,979,298,018	1,756,202,882,194
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		356,764,561,734	213,333,251,617
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	17,038,783,922	18,115,471,643
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	192,858,991,653	107,123,309,261
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		171,001,681,340	104,846,776,763
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	28,602,730,188	22,996,743,638
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	95,864,955,751	83,261,978,721
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56,476,668,064	18,066,691,641
11. Thu nhập khác	31		5,588,333,336	15,829,940,804
12. Chi phí khác	32		2,742,734,414	3,613,716,746
13. Lợi nhuận khác	40		2,845,598,922	12,216,224,058
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		(127,939,790)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		59,194,327,196	30,282,915,699
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		3,985,561,200	4,579,637,393
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		55,208,765,996	25,703,278,306
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		2,992,266,144	3,926,154,231
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	72		52,216,499,852	21,777,124,075
18. Lãi cơ bản trên cổ phần của Công ty mẹ	80	(5.15.3)	1,682	708

IV. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT NĂM 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		59,194,327,196	30,282,915,699
2. Điều chỉnh cho các khoản				
+ Khấu hao tài sản cố định	02		30,936,125,696	21,453,956,364
+ Các khoản dự phòng	03		6,361,277,568	1,926,868,644
+ Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		4,407,161,098	94,824,603
+ Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8,214,035,124)	(16,952,724,816)
+ Chi phí lãi vay	06		171,001,681,340	104,846,776,763
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		263,686,537,774	144,220,209,280
+ Tăng, giảm các khoản phải thu	09		129,931,722,869	(357,414,914,455)
+ Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(147,009,995,812)	(107,967,978,012)
+ Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(302,446,021,704)	(79,515,995,698)
+ Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1,050,575,797)	1,812,060,660
+ Tiền lãi vay đã trả	13		(168,371,600,805)	(108,755,771,355)
+ Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2,642,432,622)	(1,292,664,166)
+ Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		266,255,950	15,936,600,000
+ Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(4,940,887,500)	(7,549,876,033)
+ Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(232,576,997,646)	(500,528,329,780)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(66,258,777,161)	(57,315,178,944)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		471,095,874	5,153,742,806
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(29,212,108,000)	(27,753,078,500)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13,974,751,950	45,040,919,255
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1,823,461,818)	(19,836,458,900)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		11,547,254,425	11,705,589,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8,826,735,631	14,112,078,398
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(62,474,509,099)	(28,892,386,885)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		5,050,000,000	12,630,524,742
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(101,430,000)	(3,210,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2,345,436,165,479	2,941,614,866,091
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2,028,164,920,342)	(2,430,550,804,527)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(23,424,031,900)	(21,403,402,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		298,795,783,237	502,287,974,306
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		3,744,276,493	(29,700,334,382)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13,399,914,404	43,244,306,667
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		12,720,662	(144,057,881)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		17,156,911,559	13,399,914,404

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT 2010



Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất 2010

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4603000078, ngày 18 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 08 số 370053069 vào ngày 21 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại DT747, Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 312.498.390.000 đồng.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có đầu tư vào 11 công ty con, được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất đồ mộc;
- Sản xuất gỗ dán, ván mỏng, lạng, ván ép, ván sàn nội thất;
- Mua bán sản phẩm mộc, phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Sản xuất bao bì;
- Mua bán sản phẩm nông lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản;
- Mua bán phân bón;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

1.3.1. Công ty con trực tiếp

TT	Tên Công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ
1.	Công ty Cổ Phần Trường Thành (Daklak 1)	Km 86 - Quốc lộ 14, Xã Ea Ral, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Daklak	70,00%	70,00%
2.	Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2)	Thôn 05, Xã Ea Ral, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Daklak	70,00%	70,00%
3.	Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	Khu phố 04, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	60,00%	64,16%
4.	Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên)	C8 Khu Công Nghiệp Hòa Hiệp, Huyện Đông Hòa, Tỉnh Phú Yên	60,00%	65,58%
5.	Công ty Cổ Phần Lâm Nghiệp Trường Thành (Daklak)	35 Đường Quang Trung, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Daklak	99,34%	100,00%
6.	Công ty Cổ Phần Trường Thành Xanh (Phú Yên)	81 Nguyễn Tất Thành, Phường 02, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	85,72%	100,00%
7.	Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (Thủ Đức)	Đào Trinh Nhất, Khu phố 01, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	45,60%	89,06%
8.	Công ty Cổ Phần Trồng Rừng Trường Thành (Daklak)	35 Đường Quang Trung, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Daklak	51,00%	46,07%
9.	Công ty Cổ Phần Ván Công Nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)	Khu phố 04, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	51,00%	99,84%



1.3.2. Công ty con gián tiếp

TT	Tên Công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ
1.	Công ty Cổ Phần Vật Liệu Xây Dựng Trường Thành -Phước An	Số 107 Đường Lê Duẩn, Khối 04, Thị trấn Phước An, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk	50,00%	50,00%
2.	Công ty Cổ phần Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Xã Hoà Tiến, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk	82,00%	82,31%

1.4. Danh sách Công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

TT	Tên công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ
1.	Công ty Cổ Phần Bao Bì Trường Thành	19 Đường số 11 (Đào Trinh Nhất), Khu phố 01, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	23,08%	53,70%

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành, báo cáo tài chính các công ty con đã được đề cập tại mục 1.3 của Thuyết minh này và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Các số dư và các giao dịch nội bộ đã được loại trừ. Tập đoàn có chính sách bán hàng không tạo ra lợi nhuận đối với các công ty trong Tập đoàn.

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất tối đa không quá 10 năm.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

+ Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

+ Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá thành thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Giá thành được quyết toán theo từng đơn hàng. Đối với những đơn hàng còn dở dang, giá vốn được ước tính theo giá thành kế hoạch.

+ Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

+ Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

+ Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

+ Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

a, Riêng đối với một số máy móc sản xuất sản phẩm mộc như máy cưa, máy phay, máy bào ... và lò sấy tại Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2), và dây chuyền sản xuất ván xốp tại Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên) được áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản xuất.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

■ Nhà cửa, vật kiến trúc:	05 – 30 năm
■ Máy móc, thiết bị:	05 – 20 năm
■ Phương tiện vận tải:	06 – 10 năm
■ Thiết bị truyền dẫn:	12 năm
■ Thiết bị, dụng cụ quản lý:	05 – 10 năm
■ Phần mềm tin học:	05 – 30 năm

b, Quyền sử dụng đất

Đối với Quyền sử dụng đất không thời hạn: Tập đoàn không tính khấu hao.

Đối với Quyền sử dụng đất có thời hạn: Tập đoàn tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

■ Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
 ■ Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

■ Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

■ Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

■ Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ
- Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế
- Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Ưu đãi, miễn giảm thuế:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN bằng 20% lợi nhuận chịu thuế trong 50 năm (từ năm 2000), Công ty được giảm 50% thuế TNDN từ năm 2007 đến năm 2010. Ngoài ra, Công ty còn được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu khi có doanh thu xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước và được giảm 20% thuế TNDN phải nộp cho phần thu nhập có được do doanh thu xuất khẩu đạt tỷ trọng trên 50% trên tổng doanh thu. Việc ưu đãi này sẽ được áp dụng đến hết năm 2011 theo quy định tại Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN.

Công ty Cổ Phần Trường Thành (Daklak 1) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 20% trong 10 năm, trong đó Công ty được miễn thuế TNDN trong 02 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh và được miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo.

- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.13. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm gồm số liệu điều chỉnh hồi tố năm trước cho việc hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ và 11 Công ty con.



5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.012.157.944	1.157.283.291
Tiền gửi ngân hàng – VND	8.452.366.055	4.700.773.039
Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ	4.381.779.318	6.330.397.004
Tiền gửi tại Công ty chứng khoán – VND	110.608.242	90.606.762
Tiền đang chuyển		15.265.308
Các khoản tương đương tiền	3.200.000.000	1.105.589.000
Tổng cộng	17.156.911.559	13.399.914.404

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Cho vay ngắn hạn	4.570.000.000	6.411.098.950
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	1.998.800.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	9.680.000.000	8.316.345.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	16.248.800.000	14.727.443.950
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.163.700.000)	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	15.085.100.000	14.727.443.950

Các khoản cho vay ngắn hạn có chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Các bên liên quan (xem mục 8)	4.250.000.000	3.039.000.000
Các đối tượng khác	320.000.000	3.372.098.950
Cộng	4.570.000.000	6.411.098.950

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, giá trị khoản tiền gửi có kỳ hạn là 8.180.000.000 đồng cùng với khoản lãi phát sinh trong thời gian gửi tiền hiện đang cầm cố, thế chấp tại ngân hàng cho các khoản vay ngắn hạn (Xem thêm mục 5.10).

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	446.955.148.229	529.326.766.109
Trả trước cho người bán	47.420.142.844	28.986.149.839
Các khoản phải thu khác	16.458.366.156	74.977.308.083
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	510.833.657.229	633.290.224.031
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.864.243.627)	(2.695.147.674)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	506.969.413.602	630.595.076.357

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Các bên liên quan (Xem mục 8)	254.220.713.054	448.872.578.422
Các đối tượng khác	192.734.435.175	80.454.187.687
Cộng	446.955.148.229	529.326.766.109

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, các khoản phải thu hình thành từ các hợp đồng, đơn hàng trong tương lai hiện đang cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng có giá trị tương đương 21.722.084 USD. (Xem thêm mục 5.10)

Các khoản trả trước cho người bán được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Các bên liên quan (Xem mục 8)	8.781.534.221	2.603.285.776
Các đối tượng khác	38.638.608.623	26.382.864.063
Cộng	47.420.142.844	28.986.149.839

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Các bên liên quan (Xem mục 8)	255.958.114	52.184.100.803
Các đối tượng khác	16.202.408.042	22.793.207.280
Cộng	16.458.366.156	74.977.308.083

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	1.627.731.693	3.328.914.732
Nguyên liệu, vật liệu	897.501.404.701	790.584.470.949
Vật liệu phụ	26.729.306.742	13.322.184.016
Đồ dùng thay thế	1.181.014.436	413.632.376
Chi phí thu mua nguyên liệu	6.651.843.477	7.225.561.905
Công cụ, dụng cụ	3.123.359.137	2.205.235.456
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	303.018.814.666	293.287.563.768
Thành phẩm	49.466.915.291	64.525.507.824
Hàng hóa	44.354.914.392	17.411.815.655
Hàng gửi đi bán	24.697.523.630	19.037.945.672
Cộng giá gốc hàng tồn kho	1.358.352.828.165	1.211.342.832.353
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.761.665.979)	(4.261.958.096)
Giá trị thuần có thể thực hiện	1.351.591.162.186	1.207.080.874.257

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, phần lớn giá trị hàng tồn kho hiện đang cầm cố thế chấp tại các Ngân hàng (Xem thêm mục 5.10).

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	57.122.447	156.054.812
Tạm ứng cho nhân viên	24.073.231.036	18.454.254.533
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	38.819.865.310	37.574.687.363
Tổng cộng	62.950.218.793	56.184.996.708

Khoản tạm ứng bao gồm khoản tiền ứng trước về việc thường cổ phiếu cho người lao động với số tiền là 14.009.605.522 đồng. Trong trường hợp vì bất kỳ lý do gì không thể thu hồi được các khoản tạm ứng này thì Hội đồng quản trị sẽ trực tiếp chịu trách nhiệm bồi thường các khoản tổn thất này theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 29 tháng 04 năm 2008.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	221.108.895.472	210.349.928.221	21.614.016.617	3.917.003.975	100.439.000	457.090.283.285
Mua trong năm	224.061.454	13.171.279.634	3.831.814.065	100.404.000	263.340.504	17.590.899.657
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.084.479.062	236.257.000	-	-	1.275.967.125	3.596.703.187
Tăng khác	339.524.553	1.703.739.101	-	-	-	2.043.263.654
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.573.916.464)	(935.910.398)	-	131.235.504	(3.641.062.366)
Giảm khác	(1.384.497.878)	(65.833.332)	(1.261.405.384)	-	(119.305.000)	(2.831.041.594)
Số dư cuối năm	222.372.462.663	222.821.454.160	23.248.514.900	4.017.407.975	1.389.206.125	473.849.045.823
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	25.633.768.057	15.558.254.308	3.279.396.411	1.600.051.754	8.369.916	46.079.840.446
Khấu hao trong năm	11.572.392.174	14.307.147.596	2.597.747.403	558.933.163	158.148.966	29.194.369.302
Thanh lý, nhượng bán	-	(357.901.055)	(161.668.183)	-	(4.458.625)	(524.027.863)
Giảm khác	(34.588.215)	-	-	-	-	(34.588.215)
Số dư cuối năm	37.171.572.016	29.507.500.849	5.715.475.631	2.158.984.917	162.060.257	74.715.593.670
Giá trị còn lại	185.200.890.647	193.313.953.311	17.533.039.269	1.858.423.058	1.227.145.868	399.133.452.153
Tại ngày đầu năm	195.475.127.415	194.791.673.913	18.334.620.206	2.316.952.221	92.069.084	411.010.442.839
Tại ngày cuối năm	185.200.890.647	193.313.953.311	17.533.039.269	1.858.423.058	1.227.145.868	399.133.452.153

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.379.035.921 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (Xem thêm mục 5.10)



5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	49.381.771.209	6.154.191.354	55.535.962.563
Mua trong năm	2.663.451.000	86.654.152	2.750.105.152
Số dư cuối năm	52.045.222.209	6.240.845.506	58.286.067.715
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.017.773.232	551.950.101	3.569.723.333
Khấu hao trong năm	1.455.776.438	299.515.008	1.755.291.446
Số dư cuối năm	4.473.549.670	851.465.109	5.325.014.779
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	46.363.997.977	5.602.241.253	51.966.239.230
Tại ngày cuối năm	47.571.672.539	5.389.380.397	52.961.052.936

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 118.692.498 đồng.

Hầu hết tài sản cố định vô hình hiện đang cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay. (Xem thêm mục 5.10)

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 10.320 m2 đất tại Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	32.500.000.000	31.500.000.000
Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Xã Đức Bình Đông, Huyện Sông Hình, Tỉnh Phú Yên	1.203.500.000	1.203.500.000
Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Xã Phước Tân, Huyện Sơn Hòa, Tỉnh Phú Yên	828.300.000	828.300.000
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 4.417 m2 đất tại Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương	-	2.650.200.000
Nhà máy veneer và nhà chứa bụi	9.043.473.891	-
Mua sắm máy móc thiết bị	34.596.584.882	1.493.959.858
Xây dựng cơ bản dở dang khác	10.001.904.949	3.382.831.296
Tổng cộng	88.173.763.722	41.058.791.154

5.9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	1.542.060.210	-
Đầu tư dài hạn khác	142.683.720.000	136.383.720.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư tài chính dài hạn	144.225.780.210	136.383.720.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.528.773.732)	-
Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính dài hạn	142.697.006.478	136.383.720.000

Danh sách các công ty liên kết, liên doanh mà Công ty đã đầu tư như sau:

	Phân loại đầu tư	Số lượng cổ phần	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến 31/12/2010	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 31/12/2010
Công ty Cổ Phần Bao Bì Trường Thành	Liên kết	167.000	1.670.000.000	1.542.060.210
Cộng		167.000	1.670.000.000	1.542.060.210

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp và Thương Mại Lidovit	228.960	2.212.000.000	228.960	2.212.000.000
Công ty Cổ Phần Phú Hữu Gia	5.228.000	52.280.000.000	5.158.000	51.580.000.000
Công ty Cổ Phần Chế Biến Thực Phẩm Sông Hậu	444.608	12.226.720.000	444.608	12.226.720.000
Quỹ đầu tư chứng khoán y tế Bản Việt	300	30.000.000.000	300	30.000.000.000



	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ Phần Ván Công Nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)	-	-	-	5.600.000.000
Công ty Cổ Phần Quản Lý Cụm Công Nghiệp Trường Thành	550.000	5.550.000.000	550.000	5.550.000.000
Cho Công ty Cổ Phần Quản Lý Cụm Công Nghiệp Trường Thành vay	-	19.000.000.000	-	10.000.000.000
Cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương Mại Tân Phát vay	-	19.180.000.000	-	19.180.000.000
Cho Công ty Lâm Nghiệp Phước An vay	-	2.200.000.000	-	-
Trái phiếu chính phủ		35.000.000		35.000.000
Cộng		142.683.720.000		136.383.720.000

5.10. Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng – VND	1.055.233.661.682	1.136.970.925.077
Vay ngân hàng – USD	409.873.590.361	1.985.753.340
Vay chiết khấu – USD		1.644.822.129
Vay các bên liên quan	200.000.000	
Vay đối tượng khác	1.700.000.000	
Nợ dài hạn đến hạn trả	27.842.000.000	26.820.000.000
Tổng cộng	1.494.849.252.043	1.167.421.500.546

Các khoản vay ngân hàng bằng VND và USD có lãi suất tùy thuộc vào từng hợp đồng và kế ước nhận nợ. Các khoản vay bằng VND có lãi suất từ 6,9%/năm đến 19,2%/năm. Các khoản vay bằng USD có lãi suất từ 1,58%/năm đến 8%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay này là nhà xưởng, máy móc, thiết bị và hàng tồn kho (Xem chi tiết tại các Mục 5.2, 5.3, 5.4, 5.6, 5.7).

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	129.645.941.698	440.027.123.118
Người mua trả tiền trước	51.174.612.557	15.469.011.774
Tổng cộng	180.820.554.255	455.496.134.892

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, trong đó chủ yếu là khoản phải trả cho các bên liên quan, chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Các bên liên quan (Xem Mục 8)	63.297.225.183	368.564.855.270
Các đối tượng khác	66.348.716.515	71.462.267.848
Cộng	129.645.941.698	440.027.123.118

Người mua trả tiền trước được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Các bên liên quan (Xem Mục 8)	20.922.569.835	-
Các đối tượng khác	30.252.042.722	15.469.011.774
Cộng	51.174.612.557	15.469.011.774

5.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	2.125.582.407	4.196.635.069
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.963.848.503	4.569.593.222
Thuế thu nhập cá nhân	158.674.939	320.400.624
Các loại thuế khác	13.979.030	8.503.976
Tổng cộng	5.262.084.879	9.095.132.891

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	558.042.875	2.622.745.967
Kinh phí công đoàn	156.421.323	109.933.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	829.262.885	458.444.211
Phải trả lương nhân viên nghỉ việc	264.357.900	184.639.100
Nguồn quỹ giữ hộ Trung tâm đào tạo Trường Thành	56.372.641	210.854.595
Cổ tức phải trả	850.414.000	658.288.780
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.407.943.724	1.076.896.409
Phải trả các bên liên quan	1.342.716.536	3.318.791.510
Tổng cộng	7.465.531.884	8.640.593.572

5.14. Vay và nợ dài hạn

Các khoản vay dài hạn là các khoản vay ngân hàng với thời gian vay từ 5 năm đến 7 năm, lãi suất từ 14% đến 21%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay, nhà xưởng, máy móc, thiết bị và nguyên liệu gỗ của các Công ty con.

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	205.000	439.844	3.213	(324)	(1.143)	6.152	3.768	9	5.301	661.820
Lợi nhuận trong năm		-							55.209	55.209
Tăng vốn trong năm	5.000									5.000
Tăng vốn từ thặng dư	102.498									102.498
Tăng khác		919		(101)	1.143					1.960
Chia cổ tức									(23.616)	(23.616)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi									(5.666)	(5.666)
Giảm khác		(102.498)		4					(3.709)	(106.203)
Số dư cuối năm nay	312.498	338.265	3.213	(421)		6.152	3.768	9	27.519	691.004



5.15.2. Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	31.249.839	20.500.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	31.249.839	20.500.000
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	12.684	8.444
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	31.237.155	20.491.556

5.15.3. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước (điều chỉnh hồi tố)
Lợi nhuận hợp nhất phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	52.216.499.852	21.777.124.075
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong kỳ	31.237.352	30.737.496
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	1.682	708

5.15.4 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	5.301.126.066
Lợi nhuận sau thuế trong năm	55.208.765.996
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.665.866.590)
Chia cổ tức	(23.616.157.120)
Khác	(3.708.637.358)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	27.519.230.994

5.16. Lợi ích cổ đông thiểu số

Số dư đầu năm	118.286.541.964
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	2.992.266.144
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm	227.194.320
Thặng dư vốn cổ phần của cổ đông thiểu số giảm trong năm	(919.127.785)
Cổ tức chi trả cho cổ đông thiểu số	(705.808.120)
Các khoản giảm khác	(1.376.676.453)
Số dư cuối năm	118.504.390.070

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	2.134.025.134.933	1.949.527.237.966
Doanh thu bán rừng trồng Keo lá tràm	29.786.000.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.592.240.668	10.312.865.087
Doanh thu gia công	6.534.279.710	9.537.448.828
Doanh thu vật liệu xây dựng	4.551.303.244	1.973.340.751
Doanh thu khác	94.023.374	51.031.444
Các khoản giảm trừ doanh thu	(19.827.197.401)	(1.838.085.407)
Doanh thu thuần	2.167.743.859.752	1.969.536.133.812

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	1.792.000.340.884	1.748.609.705.333
Giá vốn bán rừng trồng Keo lá tràm	5.498.000.000	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.719.803.315	2.709.742.693
Giá vốn gia công	5.346.486.544	1.512.863.989
Giá vốn vật liệu xây dựng	3.292.867.808	1.356.435.209
Dự phòng giảm giá	2.195.585.078	2.014.134.970
Khác	926.214.389	-
Tổng cộng	1.810.979.298.018	1.756.202.882.194

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.081.993.713	2.163.240.000
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	8.082.334.685	3.180.856.779
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần		8.400.000.000
Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán		859.222.125
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.874.455.524	3.512.152.739
Tổng cộng	17.038.783.922	18.115.471.643

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	171.001.681.340	104.846.622.963
Lỗ chênh lệch tỷ giá	14.601.431.260	3.481.892.834
Phí ngân hàng	3.400.052.721	1.008.906.281
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.741.327.862	(2.782.414.000)
Khác	1.114.498.470	568.301.183
Tổng cộng	192.858.991.653	107.123.309.261

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.003.139.651	1.285.372.736
Chi phí vật liệu bao bì	294.559.383	1.710.577.316
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	845.671.981	697.187.068
Chi phí khấu hao	544.682.162	150.913.001
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	1.451.442.936	2.071.808.617
Chi phí xuất hàng	9.603.851.346	6.604.604.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.859.197.698	3.778.067.100
Chi phí bằng tiền khác	6.000.185.031	6.698.212.828
Tổng cộng	28.602.730.188	22.996.743.638

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	64.720.131.312	55.258.226.069
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.391.625.110	3.414.050.109
Chi phí khấu hao	6.347.580.993	5.205.514.638
Thuế, phí và lệ phí	2.453.602.286	1.737.573.156
Chi phí dự phòng	637.499.753,00	2.357.087.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.220.040.516	8.805.585.530
Chi phí bằng tiền khác	9.094.475.781	6.483.941.678
Tổng cộng	95.864.955.751	83.261.978.721

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau

- + Chế biến gỗ
- + Trồng rừng
- + Hoạt động khác

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: triệu đồng

	Chế biến gỗ		Trồng rừng		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	2.163.046	1.969.067	3.561	107	1.137	362	(729.417)	(623.013)	2.167.744	1.969.536
Giữa các bộ phận	726.527	618.001	238	1.091	2.651	3.921	(729.417)	(623.013)		
Tổng cộng	2.889.573	2.587.068	3.799	1.197	3.788	4.283			2.167.744	1.969.536
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận	358.064	212.814	(858)	384	(151)	545	(291)	(409)	356.765	213.334
Chi phí không phân bổ	117.952	98.958	5.659	6.579	875	858	(18)	(136)	124.468	106.258
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	240.112	113.856	(6.517)	(6.195)	(1.026)	(313)	(273)	(273)	232.296	107.073
Thu nhập tài chính	18.569	27.854	1.390	2.580	3	1	(2.924)	(12.320)	17.039	18.114
Chi phí tài chính	204.008	117.751	1.660	246	308	59	(13.117)	(10.933)	192.858	107.124
Lợi nhuận khác	3.414	11.915	(870)	35	29	(7)	273	273	2.845	12.216
Lãi, lỗ công ty liên kết	(128)	-	-	-	-	-	-	-	(128)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.986	4.580	-	-	-	-	-	-	3.986	4.580
Lợi nhuận sau thuế	53.974	31.294	(7.657)	(3.826)	(1.302)	(379)	10.193	(1.386)	55.209	25.703
Lợi ích cổ đông thiểu số	4.060	4.402	(838)	(424)	(230)	(52)			2.992	3.926
Lợi nhuận thuần	49.914	26.892	(6.819)	(3.402)	(1.072)	(327)			52.217	21.777

	Chế biến gỗ		Trồng rừng		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	2.960.131	2.876.479	145.723	121.053	8.913	11.639	(464.161)	(433.489)	2.650.606	2.575.683
Tổng tài sản	2.960.131	2.876.479	145.723	121.053	8.913	11.639	(464.161)	(433.489)	2.650.606	2.575.683
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	1.984.941	1.976.143	26.817	16.623	6.731	8.320	(177.390)	(205.510)	1.841.099	1.795.576
Tổng nợ phải trả	1.984.941	1.976.143	26.817	16.623	6.731	8.320	(177.390)	(205.510)	1.841.099	1.795.576
Chi phí mua sắm tài sản	64.702	58.396	319	241	1.729	1.222			66.750	59.859
Chi phí khấu hao	29.594	20.790	1.124	616	218	48			30.937	21.453

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: triệu đồng

	Bình Dương		Daklak		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	1.565.591	1.352.918	588.170	609.495	13.983	7.123			2.167.744	1.969.536
Giữa các bộ phận	506.734	345.707	172.602	234.325	50.080	42.981	(729.417)	(623.013)		
Tổng cộng	2.072.325	1.698.625	760.773	843.819	64.063	50.104	(729.417)	(623.013)	2.167.744	1.969.536
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận	282.388	155.292	62.956	52.776	11.712	5.675	(291)	(409)	356.765	213.334
Chi phí không phân bổ	90.199	71.808	28.514	28.872	5.773	5.714	(18)	(136)	124.468	106.258
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	192.189	83.483	34.442	23.903	5.938	(40)	(273)	(273)	232.296	107.073
Thu nhập tài chính	8.198	17.430	11.661	12.960	104	44	(2.924)	(12.320)	17.039	18.114
Chi phí tài chính	151.393	76.693	50.649	39.869	3.933	1.495	(13.117)	(10.933)	192.858	107.124
Lợi nhuận khác	2.368	9.632	524	4.645	(320)	(2.334)	273	273	2.845	12.216
Lãi, lỗ công ty liên kết	(128)				11				(128)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.975	4.580							3.986	4.580
Lợi nhuận sau thuế	47.259	29.273	(4.021)	1.640	1.778	(3.824)	10.193	(1.386)	55.209	25.703
Lợi ích cổ đông thiểu số	2.657	3.267	(1.157)	635	1.492	24			2.992	3.926
Lợi nhuận thuần	44.602	26.006	(2.864)	1.005	286	(3.848)			52.217	21.777

Các thông tin khác

	Bình Dương		Daklak		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	2.249.312	2.053.501	738.295	837.707	127.160	117.964	(464.161)	(433.489)	2.650.606	2.575.683
Tổng tài sản	2.249.312	2.053.501	738.295	837.707	127.610	117.964	(464.161)	(433.489)	2.650.606	2.575.683
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	1.392.077	1.271.291	578.811	682.804	47.601	46.991	(177.390)	(205.510)	1.841.099	1.795.576
Tổng nợ phải trả	1.392.077	1.271.291	578.811	682.804	47.601	46.991	(177.390)	(205.510)	1.841.099	1.795.576
Chi phí mua sắm tài sản	61.091	40.413	4.624	12.861	1.035	6.585			66.750	59.859
Chi phí khấu hao	18.863	11.144	10.174	8.782	1.900	1.527			30.937	21.453



8. Thông tin về các bên có liên quan

Theo Chuẩn mực kế toán, các bên được xem là có liên quan với Công ty bao gồm các công ty sau:

+ Công ty con

Chế biến gỗ:

Công ty Cổ Phần Trường Thành (Daklak 1)

Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2)

Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên)

Công ty Cổ Phần Ván Công Nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)

Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (Thủ Đức)

Trồng rừng:

Công ty Cổ Phần Trồng Rừng Trường Thành (Daklak)

Công ty Cổ Phần Trường Thành Xanh (Phú Yên)

Công ty Cổ Phần Lâm Nghiệp Trường Thành (Daklak)

Khác:

Công ty Cổ Phần Vật liệu Xây Dựng Trường Thành - Phước An

Công ty Cổ Phần Nông Lâm Công Nghiệp Trường An

+ Công ty liên kết

Công ty Cổ Phần Bao Bì Trường Thành

+ Khác

Công ty Cổ Phần Quản Lý Cụm Công Nghiệp Trường Thành

Công ty Cổ Phần Phú Hữu Gia

Công ty TNHH Dịch Vụ Trường Thành

Công ty Cổ Phần Vũ Tuấn

Công ty TNHH Lâm Nghiệp Hoàng Nam

Công ty TNHH Ngọc Nguyễn

Công ty TNHH Gia Phú Nguyễn

Công ty TNHH Lâm Nghiệp Phương Mai

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên có liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Các khoản phải thu		
Các khoản phải thu – xem mục 5.3	263.258.205.389	503.659.965.001
Cho vay ngắn hạn – xem mục 5.2	4.250.000.000	13.039.000.000
Cho vay dài hạn – xem mục 5.9	19.000.000.000	10.000.000.000
Tổng cộng	286.508.205.389	516.698.965.001
Các khoản phải trả		
Các khoản phải trả – xem mục 5.11 & 5.13	85.562.511.554	371.883.646.780
Vay ngắn hạn – xem mục 5.10	200.000.000	-
Tổng cộng	85.762.511.554	371.883.646.780

Bản chất các giao dịch với các bên liên quan và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	1.227.834.008.783	1.128.491.149.198
Mua hàng	197.229.606.309	1.414.117.218.301
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần	-	8.400.000.000

Lương của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị + Ban Kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng Ban Tổng Giám đốc	2.640.746.577	1.748.348.917
Lương, thưởng của cán bộ quản lý	8.897.520.028	7.176.562.375
Thù lao Hội đồng quản trị + Ban kiểm soát	580.000.000	496.000.000
Tổng cộng	12.118.266.605	9.420.911.292

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Các thông tin thuyết minh khác

Trong năm 2010, Tập đoàn thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ từ Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (được áp dụng cho năm 2009) sang áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ được ghi nhận như là thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ thay vì được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu chênh lệch tỷ giá hối đoái) như năm trước.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Tập đoàn đã áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất từ năm 2010 trở đi.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 15 tháng 04 năm 2011.

Bình Dương, ngày 15 tháng 04 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN VĂN HẬU

TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯỜNG THÀNH

Quý Cổ đông và Đối tác cần tham khảo thêm
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN CỦA CÔNG TY MẸ
vui lòng tìm trên www.truongthanh.com/vn1/, mục “Thông tin Cổ đông” vào tiêu mục “Báo cáo Tài chính”

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP KIỂM TOÁN NỘI BỘ & BAN KIỂM SOÁT



1. Kiểm toán độc lập

1.1. Đơn vị kiểm toán độc lập Công ty Kiểm toán DTL

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
ĐT: (08) 3827 5026 Fax: (08) 3827 5027
Email: dtlco@horwathdtl.com.vn

2. Kiểm soát tuân thủ và Kiểm toán nội bộ

1.2. Ý kiến kiểm toán độc lập

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh hợp nhất đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 04 đến trang 36 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Trong năm 2010, Khối Kiểm soát Tuân thủ và Ban Kiểm toán Nội bộ của Công ty đã tiếp tục phối hợp kiểm tra thường xuyên và định kỳ các hoạt động tuân thủ trong các hệ thống quản lý, hệ thống kế toán tài chính được thiết lập tại Công ty.

Đối với Hệ thống Quản lý chuỗi hành trình sản phẩm FSC-COC, hàng năm TTF đã được tổ chức chứng nhận và các tổ chức đại diện cho khách hàng/khách hàng đánh giá là hệ thống mạnh trong ngành chế biến gỗ Việt Nam, **đảm bảo nói “không” với gỗ không hợp pháp** và đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của GFTN về kinh doanh và mua bán lâm sản có trách nhiệm, của Đạo luật Lacey cho sản phẩm từ gỗ vào thị trường Mỹ và cũng như yêu cầu khai báo của Châu Âu thông qua hiệp định FLEGT. Đối với Hệ thống Quản lý chất lượng, Hệ thống Trách nhiệm xã hội và môi trường là các hệ thống luôn hỗ trợ và tương tác nhau giúp cho công ty ổn định nguồn lực làm việc, bảo vệ môi trường **phù hợp với các qui định của Bộ Luật lao động cũng như yêu cầu của công ước quốc tế** do chính phủ Việt Nam thỏa thuận với tổ chức lao động quốc tế (ILO) và Luật bảo vệ môi trường của Việt Nam, gia tăng chất lượng đảm bảo đáp ứng ngày càng cao các yêu cầu khắt khe của khách hàng. Bên cạnh đó hệ thống **quản lý an toàn sử dụng sản phẩm** theo tiêu chuẩn BRC cũng đang được công ty áp dụng nhằm đảm bảo sự tuân thủ luật pháp và cung cấp cho người tiêu dùng những sản phẩm an toàn và hợp pháp. **Trong năm 2010, trung bình mỗi tháng TTF tiếp nhận 2 lần đánh giá các loại nêu trên từ bên thứ ba/ thứ hai do các khách hàng và tổ chức sau chỉ định đến: IKEA, Walmart, Lowe’s, Target, Tesco, SGS, GFTN... và đều không có lỗi nặng hoặc nghiêm trọng.** Đó là chưa kể những kỳ đánh giá nội bộ mỗi Quý ít nhất một lần nữa.

Thông qua kiểm tra thực tế năm 2010, Ban Kiểm toán Nội bộ xác nhận các hoạt động của Công ty luôn được kiểm soát tốt, các đơn vị trong Công ty đều tuân thủ cao những qui trình, qui định của Công ty nói riêng và tuân thủ VAS và luật pháp hiện hành có liên quan nói chung, đặc biệt Công ty rất quan tâm và thường xuyên điều tra tất cả các nguy cơ tiềm ẩn từ các khoản chi phí không hợp lý nhằm phát hiện bất kỳ “rò rỉ” nào làm giảm lợi nhuận của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi tối đa cho các cổ đông của mình.

Các kỳ đánh giá nội bộ và tập huấn của Ban Kiểm toán Nội bộ và Khối Kiểm soát tuân thủ tại Công ty mẹ cũng như tại các Công ty con về các tiêu chuẩn quốc tế, các chuẩn mực kế toán và luật của Việt Nam đã thực sự cải thiện nhiều hoạt động cho các bộ phận, phòng ban chức năng và nhà xưởng của toàn Tập đoàn.

Tuy nhiên, chúng tôi vẫn muốn cảnh báo mức tồn kho và vay ngắn hạn còn quá cao. Điều này làm giảm lợi nhuận của Công ty đáng kể nếu Công ty không bổ sung thêm nguồn vốn chủ sở hữu.

Ngày 26 tháng 3 năm 2010
TM. Ban Kiểm toán Nội bộ và Khối Kiểm soát Tuân Thủ

Đỗ Ngọc Nam



3. Ban Kiểm soát

3.1. Báo cáo tài tình hình tài chính của Công ty
Đồng ý theo kết quả kiểm toán của DTL

3.2. Đánh giá tình hình hoạt động năm 2010 của TTF:

a. Về hoạt động của HĐQT:

+ Hiện tại HĐQT chỉ có 6 thành viên, trong khi khối lượng công việc quản trị Tập đoàn TTF là rất lớn. Trong khi đó, hầu hết các thành viên HĐQT lại đang kiêm nhiệm làm công tác điều hành cho Công ty. Do đó, có một số nghị quyết của HĐQT chưa được thực hiện đúng thời hạn đã thống nhất, Tuy nhiên, chưa có hậu quả nghiêm trọng
+ Chưa thành lập Tiểu ban trong HĐQT mà tất cả cùng thảo luận rồi phân công nhau làm

b. Về hoạt động góp vốn và đầu tư:

+ Trong năm 2010, còn xảy ra việc công ty mẹ và công ty con của TTF cùng đầu tư vào một công ty (trường hợp TTBD1 và TTBD2 cùng đầu tư vào TTBD3). Sau đó, HĐQT của hai công ty đã thảo luận và quyết định chỉ để công ty mẹ góp vốn.
+ Đến thời điểm 31/12/2011 thì TTF chưa sử dụng thâm vào nguồn vốn thu được từ đợt phát hành IPO năm 2007. Các nguồn vốn đầu tư dài hạn được sử dụng từ nguồn vốn góp trước IPO và không có giới hạn đầu tư

c. Về báo cáo hợp nhất:

Trong năm 2010, trước khi bị UBCK phạt và HOSE cảnh cáo trên toàn thị trường chứng khoán về việc TTF chưa hợp nhất đầy đủ tất cả các công ty con, Công ty đã có kế hoạch hợp nhất đầy đủ. Do đó, đến 31/12/2010, Công ty đã sẵn sàng để kiểm toán và hợp nhất các công ty con theo quy định. Và Công ty cũng đã hồi tố kết quả các năm trước vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010.

d. Về nghĩa vụ công bố thông tin:

+ Vụ kiện của Công ty Tân Phát là vụ việc khá nổi cộm về thông tin đối với TTF. Công ty cũng đã có nhiều giải trình cho UBCK, HOSE, các ngân hàng, và đồng thời đăng tải trên website của Công ty khá đầy đủ.
+ Có 1 trường hợp bán 15.000 cổ phiếu TTF vào ngày 25/2/2010 mà không công bố. Đó là trường hợp của cô Tạ Thị Vũ Vân – con của ông Tạ Văn Nam, thành viên HĐQT
+ Ngoài ra, Ban Kiểm soát không phát hiện bất cứ trường hợp tiết lộ thông tin ra bên ngoài từ HĐQT và Ban Điều hành vì mục đích tư lợi riêng

e. Về một số hoạt động khác:

BKS đánh giá cao HĐQT và Ban Điều hành đã tiếp tục duy trì một số hoạt động mà Công ty đã bắt đầu thực hiện từ khi mới bắt đầu có suy thoái kinh tế trong nước và toàn cầu như:

- Phát động phong trào tiết kiệm, chống lãng phí nhằm giảm thiểu chi phí một cách có hiệu quả
- Mở rộng sản xuất, đào tạo nhân viên, cán bộ có năng lực, trình độ cao mang lại sức mạnh cạnh tranh trên thị trường và có hiệu quả cho công ty
- Duy trì và phát triển các năng lực cốt lõi, chuẩn bị cho giai đoạn phát triển theo một chu kỳ mới của kinh tế thế giới

3.3. Đánh giá mức độ tuân thủ của TTF

- Công tác điều hành hoạt động của công ty đã thực hiện theo điều lệ công ty, các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng quản trị,
- Trong năm 2010 Ban Kiểm Soát không phát hiện bất kỳ trường hợp bất thường nào trong hoạt động tài chính của công ty. Các quy trình hoạt động tuân thủ theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ, hệ thống kiểm soát tài chính hoạt động tốt, kịp thời phát hiện các vấn đề, đưa ra các kiến nghị và giải pháp phù hợp,
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều được thông báo đến Ban Kiểm soát,

3.4. Kiến nghị

- ▶ Cần bổ sung thêm ít nhất là 2 thành viên vào HĐQT
- ▶ Cần thành lập Tiểu ban trong HĐQT để thực hiện theo nhóm công việc
- ▶ Không nên tiếp tục góp vốn đầu tư dài hạn nếu Công ty chưa có nguồn vốn chủ sở hữu bổ sung.
- ▶ Nên phát hành thêm cổ phiếu hay trái phiếu trong năm 2011 để gia tăng nguồn vốn
- ▶ Cần duy trì tốt việc hợp nhất hết các công ty con theo đúng quy định của Pháp luật
- ▶ Chú trọng hơn nữa việc sàng lọc khách hàng để có giá bán tốt hơn, giảm giá vốn hàng bán và các định phí nhằm có thể có lợi nhuận cao hơn.
- ▶ Giảm tồn kho và giảm vốn vay là hai việc cần quan tâm thường xuyên và liên tục. Điều này đảm bảo hiệu quả kinh doanh của công ty sẽ cao hơn, và khả năng thanh toán cũng tốt hơn.

Ngày 26 tháng 3 năm 2010
TM. Ban Kiểm Soát


Nguyễn Văn Hân



**PHẦN 9
CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN**

**CÁC CÔNG TY
CÓ LIÊN QUAN**

1. Công ty nắm giữ quyền góp vốn trên 50% vốn cổ phần của các công ty sau tại thời điểm 31/12/2010

Tên công ty	Địa chỉ	Theo giấy ĐKKD			Thực tế chốt theo ngày 31/12/2011		
		Vốn điều lệ	Vốn TTF đăng ký góp	Tỷ lệ góp vốn của TTF	Vốn điều lệ đã góp	Vốn TTF đã góp	Tỷ lệ góp vốn của TTF
1. Công ty Cổ phần Trường Thành (trước đây là Xí nghiệp Tư doanh) (TTDL1)	Km 86, Quốc lộ 14, xã Earal, huyện EaH'Leo, Đăklăk	30 tỷ đồng	21 tỷ đồng	70%	30 tỷ đồng	21 tỷ đồng	70%
2. Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Trường Thành (TTDL2)	Thôn 5, xã Ea Ral, Huyện EaH'Leo, Dak Lak	28 tỷ đồng	19,6 tỷ đồng	70%	28 tỷ đồng	19,6 tỷ đồng	70%
3. Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2)	Thị trấn Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương	135 tỷ đồng	81 tỷ đồng	60%	109 tỷ đồng	81 tỷ đồng	64,16%
4. Công ty Cổ phần Ván Công nghiệp Trường Thành (TTBD3)	Thị trấn Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương	56,47 tỷ đồng	28,8 tỷ đồng	51%	31,25 tỷ đồng	31,20 tỷ đồng	99,8%
5. Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (TTTĐ)	Đào Trinh Nhất, Linh Tây, Thủ Đức, TP.HCM	25 tỷ đồng	11,4 tỷ đồng	45,6%	12,8 tỷ đồng	11,4 tỷ đồng	89,06%
6. Công ty Cổ phần Công nghiệp Gỗ Trường Thành (TTI)	C8, Khu Công nghiệp Hòa Hiệp, Đông Hòa, Phú Yên	100 tỷ đồng	24 tỷ đồng	24%	36,60 tỷ đồng	24 tỷ đồng	65,6%
7. Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành (TTC)	35 Quang Trung, Thống Nhất, Buôn Ma Thuộc, Dak Lak	60 tỷ đồng	59,6 tỷ đồng	99,34%	37,39 tỷ đồng	37,39 tỷ đồng	100%
8. Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh (TTG)	81 Nguyễn Tất Thành, P2, TP. Tuy Hòa, Phú Yên	100 tỷ đồng	60 tỷ đồng	60%	43,4 tỷ đồng	43,4 tỷ đồng	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2010 đã kiểm toán của các công ty nêu trên

2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty khác nắm giữ
Không có

3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

Hầu hết đã hoàn tất góp vốn đầu tư theo tỷ lệ đã đăng ký. Có một số công ty thì mặc dù chưa góp đủ vốn theo đăng ký nhưng lại chiếm tỷ lệ vượt mức đăng ký do các cổ đông còn lại chưa góp đủ vốn. Tham khảo chi tiết trong mục 1 bên trên

4. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan trong năm 2010

Đơn vị tính: tỷ đồng

TTBD3 (Stt 6) là một nhà máy mới thành lập, chuyên sản xuất ván dăm, ván ép kỹ thuật cao, ván lạng cho Tập đoàn TTF, đồng thời cũng cung cấp cho các bạn đồng nghiệp. Trong năm 2010, TTBD3 hầu như chưa hoạt động do chưa hoàn tất lắp đặt máy móc cho đến giai đoạn cuối năm. Vì vậy, doanh số rất nhỏ, chỉ dưới 10 tỷ đồng, làm cho TTBD3 lỗ khoảng 2 tỷ cho thời gian đó.

TTC, TTG và TTP (Stt 7, 8, 9) là 3 công ty trồng rừng. Năm 2010 chưa có khai thác chính nên chưa có doanh thu gì đáng kể. Trong khi đó, có một số chi phí thuộc về giá vốn đã bị hạch toán vào chi phí quản lý trong năm, nên cả 3 công ty này đều thể hiện lỗ khi chưa có nguồn thu chính.

Tên công ty	Doanh thu	Lợi nhuận ròng	Tổng Tài sản	Nợ phải trả	Vốn Chủ sở hữu
1. Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2)	361,63	7,42	400,22	256,99	143,23
2. Công ty Cổ phần Công nghiệp Gỗ Trường Thành (TTI)	61,36	4,17	85,43	45,88	39,55
3. Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Trường Thành (TTDL2)	393,99	2,39	242,02	208,27	33,75
4. Công ty Cổ phần Trường Thành (TTDL1)	363,96	0,55	362,38	327,52	34,86
5. Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (TTTĐ)	2,95	0,51	6,84	0,97	5,87
6. Công ty Cổ phần Ván Công nghiệp Trường Thành (TTBD3)	9,04	- 2,07	55,34	26,16	29,18
7. Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành (TTC)	3,23	- 3,20	42,36	9,62	32,74
8. Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh (TTG)	0	- 2,90	34,89	0,76	34,13
9. Công ty Cổ phần Trồng rừng Trường Thành	0,57	- 1,55	68,48	16,45	52,03

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY

PHẦN 10

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1.1 Thành viên & cơ cấu của HĐQT

Danh sách các thành viên HĐQT vào ngày lập báo cáo thường niên này bao gồm



1 Ông **Võ Trường Thành**
năm sinh: 1958
Chủ Tịch, Kiểm Tổng Giám Đốc



2 Bà **Diệp Thị Thu**
năm sinh: 1954
Thành viên (Không Điều Hành)



3 Ông **Tạ Văn Nam**
năm sinh: 1951
Thành Viên,
Kiêm Phó Tổng Giám Đốc



4 Bà **Ngô Thị Hồng Thu**
năm sinh: 1977
Thành Viên,
Kiêm Phó Tổng Giám Đốc



5 Ông **Nguyễn Đình Nghĩa**
năm sinh: 1965
Thành Viên (Không Điều Hành)



6 Ông **Huỳnh Phú Quốc**
năm sinh: 1969
Thành Viên,
Kiêm Giám Đốc Xuất Nhập Khẩu
(đã được bổ nhiệm PTGD đầu
năm 2011)



1 Ông Nguyễn Văn Hàn
năm sinh: 1978
Trưởng ban



2 Bà Phạm Thị Mỹ Hà
năm sinh: 1973
Thành viên



3 Bà Trương Nữ Bích Vân
năm sinh: 1978
Thành viên

HĐQT sẽ đề xuất bãi nhiệm tại ĐHCĐ TN 2011 vì đã có nhiều bằng chứng cho hành động cố tình gây mâu thuẫn lợi ích với TTF

1.3. Hoạt động của HĐQT (kể cả HĐQT độc lập không điều hành)

Trong năm 2010, HĐQT đã họp 15 phiên tập trung và 10 phiên qua video - conference với các nội dung chính sau:

- Kế hoạch tổ chức và nội dung đại hội cổ đông năm 2010
- Báo cáo tài chính kiểm toán và kết quả hoạt động kinh doanh 2009
- Rà soát – điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2010
- Dự thảo kế hoạch kinh doanh 2011
- Điều chỉnh một số nội dung trong giấy ĐKKD
- Kế hoạch phát hành theo nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2010
- Những vấn đề liên quan vay vốn trong năm 2010
- Nhận định tình hình kinh tế thế giới và các chỉ đạo chiến lược cho phù hợp với thời cuộc
- Nhận định các biến động về tỷ giá USD, lãi suất ngân hàng và các yêu cầu cho Ban Điều hành
- Các dự án đầu tư

1.4. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Tham gia tổ chức, kiểm phiếu đại hội cổ đông thường niên năm 2010;
- Tham gia 100% các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội Cổ đông, trao đổi ý kiến với HĐQT để tìm hiểu kế hoạch hành động của Công ty trước những sự thay đổi tình hình tài chính trong nước và thế giới;
- Xem xét báo cáo kinh doanh, báo cáo tài chính từng Quý và cả năm;
- Xem xét tính minh bạch của quá trình và nội dung công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư

1.5. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

Bổ sung thêm 2 Phó TGD từ nội bộ, tuyển dụng thêm từ bên ngoài từ 1 – 2 Phó TGD

Trong HĐQT, thành lập ra 5 tiểu ban:
+ Tiểu ban phụ trách vốn, tài chính, kế toán
+ Tiểu ban phụ trách cổ đông, công bố thông tin, tổ chức sự kiện
+ Tiểu ban phụ trách quản trị - pháp lý mảng chế biến gỗ
+ Tiểu ban phụ trách quản trị - pháp lý mảng trồng rừng
+ Tiểu ban phụ trách quản trị - pháp lý công ty mẹ và các mảng còn lại

Thường xuyên họp qua hệ thống camera-online và e-conference mà Công ty đã thiết lập với tần suất ít nhất 1 tháng 1 lần giữa Ban Điều hành Công ty mẹ và Ban Giám đốc các công ty con

Tổ chức họp phân tích và quản trị rủi ro trước khi tiến hành sản xuất đối với 100% các đơn hàng có số lượng từ 10 container trở lên

Hoạch định và thực hiện việc chuyển công tác Tổng Giám đốc hiện nay do Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm cho nhân sự khác trong thời gian 1-2 năm tới.

Duy trì và phát huy các cuộc họp xem xét của Lãnh đạo trong Công ty nhằm đưa ra sớm các biện pháp quản trị cải tiến/ khắc phục khi phát hiện các điểm không phù hợp trong hệ thống Phát huy công dụng của hệ thống mạng LAN, WAN và camera để các cấp lãnh đạo vẫn có thể điều hành Công ty khi đi công tác xa

Thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo về Leadership và Management đối với tất cả cán bộ từ phó phòng trở lên

Hoàn thiện và ban hành Quy chế Quản trị mô hình công ty mẹ - con





1.6. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT

Tổng thù lao năm 2010 cho HĐQT (kể cả thư ký HĐQT) là 496.000.000 đồng, tương ứng 0,90% lợi nhuận ròng sau thuế của Công ty, không tăng/giảm so với năm 2009. Chi tiết như sau:

Họ và tên	Vị trí	Thù lao đã nhận (VND)
Võ Trường Thành	Chủ tịch	100.000.000
Tạ Văn Nam	Thành viên	72.000.000
Diệp Thị Thu	Thành viên	72.000.000
Ngô Thị Hồng Thu	Thành viên	72.000.000
Huỳnh Phú Quốc	Thành viên	72.000.000
Nguyễn Đình Nghĩa	Thành viên	72.000.000
Trần Lê Anh Thư	Thư ký HĐQT	36.000.000

Ngoài ra, HĐQT không có khoản lợi ích khác hay chi phí khác có liên quan.

Riêng Tổng Giám đốc thì không có khoản thù lao, lợi ích khác hay chi phí riêng gì thêm ngoài lương và thưởng đã được công bố

1.7. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên Ban Kiểm soát

Tổng thù lao và chi phí cho BKS là 84.000.000 đồng, tương ứng 0,15% lợi nhuận ròng sau thuế của Công ty, và tăng 40% so với năm 2009. Chi tiết như sau

Họ và tên	Vị trí	Thù lao đã nhận (VND)
Nguyễn Văn Hàn	Trưởng ban	36.000.000
Trương Nữ Bích Vân	Thành viên	24.000.000
Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên	24.000.000

Ngoài ra, BKS không có khoản lợi ích khác hay chi phí khác có liên quan.

1.8. Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

100% thành viên HĐQT, BKS và Ban Điều hành đều đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

1.9. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của các thành viên HĐQT

TT	Họ và Tên	Chốt 4/1/2010 (cổ phần)	Chốt 31/12/2010 (cổ phần)	Chốt 8/4/2011 (cổ phần)
1	Võ Trường Thành	3.294.375	5.061.562	5.061.562
2	Diệp Thị Thu	2.064.437	3.096.655	3.096.655
3	Tạ Văn Nam	260.000	288.940	200.000
4	Ngô Thị Hồng Thu	97.659	236.488	236.488
5	Nguyễn Đình Nghĩa	21.333	46.999	46.999
6	Huỳnh Phú Quốc	23.333	34.999	34.999
Tổng cộng		5.761.137	8.765.643	8.676.703
Tỷ lệ trên vốn điều lệ		28.10%	28.51%	28.22%

1.10. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/ chuyển nhượng phần góp vốn của công ty của các thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, và những người liên quan (ba mẹ ruột, anh chị em ruột, con ruột) trong năm 2010:

1.10.1. Đối với HĐQT:

Như đã nêu trong phần 1.9.



1.10.2. Đối với những người liên quan của các thành viên HĐQT

TT	Họ và Tên	Chốt 4/1/2010 (cổ phần)	Chốt 31/12/2010 (cổ phần)	Chốt 8/4/2011 (cổ phần)
Người liên quan của Ông Tạ Văn Nam				
1	Vợ là Võ Thị Năng	7.526	9	9
2	Con là Tạ Thị Vũ Vân	33.633	2.949	2.949
Người liên quan của Bà Ngô Thị Hồng Thu				
1	Anh là Ngô Văn Toàn	14.666	9	9

Còn lại đều không có người có liên quan giao dịch cổ phiếu TTF trong năm 2010

1.10.3. Đối với Ban Kiểm soát:

TT	Họ và Tên	Chốt 4/1/2010 (cổ phần)	Chốt 31/12/2010 (cổ phần)	Chốt 8/4/2011 (cổ phần)
1	Nguyễn Văn Hân	0	0	0
2	Phạm Thị Mỹ Hà	25.333	37.999	37.999
3	Trương Nữ Bích Vân	0	0	0

1.10.4. Đối với những người liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát Không có giao dịch cổ phiếu TTF trong năm 2010

1.10.5. Đối với Ban Điều hành, Giám đốc Tài chính và Kế toán Trưởng

TT	Họ và Tên	Chốt 4/1/2010 (cổ phần)	Chốt 31/12/2010 (cổ phần)	Chốt 8/4/2011 (cổ phần)
1	Võ Trường Thành Tổng Giám đốc	3.294.375	5.061.562	5.061.562
2	Tạ Văn Nam Phó Tổng Giám đốc	260.000	288.940	200.000
3	Ngô Thị Hồng Thu Phó Tổng Giám đốc	97.659	236.488	236.488
4	Võ Diệp Văn Tuấn Giám đốc Tài chính	116.666	174.999	174.999
5	Nguyễn Văn Hậu Kế toán trưởng	0	0	0

1.10.6. Đối với những người liên quan của Ban Điều hành, Giám đốc Tài chính và Kế toán Trưởng Như 1.10.2 nêu trên

1.11. Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã ký kết với công ty của thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát và những người có liên quan:

Trong năm 2010, tất cả các thành viên trong Ban Điều Hành, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng đều có ký kết phụ lục hợp đồng lao động với công ty nhằm ngăn chặn các mâu thuẫn lợi ích và các bên có liên quan với nội dung chính là:

- Thực hiện triệt để các quy định, quy trình, nội quy, quy chế, nguyên tắc đạo đức và thỏa ước lao động tập thể mà Công ty đã ban hành;
- Không được dùng email cá nhân (không phải do Công ty cung cấp) để giao dịch với các đối tác của Công ty. Khi cần thiết phải sử dụng, bắt buộc phải có sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành trước;
- Không làm chủ hoặc góp vốn hoặc tham gia quản lý điều hành hoặc làm việc tại bất kỳ công ty đồng ngành với Công ty trong thời gian đang làm việc cho Công ty nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành



- Không nhận bất cứ đặc ân nào của khách hàng hoặc nhà cung cấp hoặc đối thủ cạnh tranh hoặc đối tác của Công ty dưới bất cứ hình thức nào (chẳng hạn như quà tặng, tiền hoa hồng, tiền bồi dưỡng, giới thiệu một cơ hội làm ăn riêng, mua chứng khoán hoặc hàng hóa với giá ưu đãi, chiêu đãi tiệc tùng) trong thời gian đang làm việc cho Công ty nếu không có sự phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành
- Không được làm việc cho bất kỳ công ty đồng ngành với Công ty trong vòng 2 năm kể từ khi nghỉ việc tại Công ty ngoại trừ có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành.

Phụ lục hợp đồng lao động này còn được Công ty áp dụng cho toàn bộ các cán bộ có vị trí từ trường nhóm trở lên

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

2.1. Cổ đông góp vốn Nhà nước

Không có

2.2. Cổ đông góp vốn sáng lập

2.2.1. Số lượng cổ phần, tỷ lệ sở hữu của các cổ đông sáng lập

TT	Họ và Tên	Chốt 4/1/2010 (cổ phần)	Chốt 31/12/2010 (cổ phần)	Chốt 8/4/2011 (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu trên Vốn Điều lệ (theo 8/4/2011)
1	Võ Trường Thành	3.294.375	5.061.562	5.061.562	16.46%
2	Diệp Thị Thu	2.064.437	3.096.655	3.096.655	10.07%
3	Tạ Văn Nam	260.000	288.940	200.000	0.65%
4	Ngô Thị Hồng Thu	97.659	236.488	236.488	0.77%
5	Huỳnh Phú Quốc	23.333	34.999	34.999	0.11%
6	Diệp Bảo Thành	6	9	9	0%
Tổng cộng		5.739.810	8.718.653	8.676.712	28.07%
Tỷ lệ trên vốn điều lệ		28%	28.36%	28.07%	

2.2.2 Thông tin chi tiết về các cổ đông sáng lập

TT	Họ và Tên	Năm sinh	Địa chỉ	Nghề nghiệp
1	Võ Trường Thành	1958	286A Bùi Đình Túy, F.24, Q.Bình Thạnh, TpHCM	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD TTF
2	Diệp Thị Thu	1954	286A Bùi Đình Túy, F.24, Q.Bình Thạnh, TpHCM	Chủ tịch HĐQT công ty con của TTF
3	Tạ Văn Nam	1951	Nhân Cơ, Đăklấp, Đăklăk	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD TTF
4	Ngô Thị Hồng Thu	1977	70 Đường số 3, Cư xá Chu Văn An, P.26, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD TTF
5	Huỳnh Phú Quốc	1969	589, tổ 25A, KV6, Quang Trung, Tp Quy Nhơn, Bình Định	Thành viên HĐQT kiêm GD XNK TTF
6	Diệp Bảo Thành	1965	Thôn 7, Ea Răi, Đaklak	Giám đốc QLCL của TTF

2.3. Cổ đông góp vốn có tỷ lệ sở hữu trên 5% (cổ đông lớn):

2.3.1. Số lượng cổ phần, tỷ lệ sở hữu của các cổ đông lớn

TT	Tên	Chốt 31/12/2010 (cổ phần)	Chốt 8/4/2011 (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu trên Vốn Điều lệ (theo 8/4/2011)
1	Võ Trường Thành	5.061.562	5.061.562	16.46%
2	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	3.693.320	4.368.320	14.21%
3	Quỹ Đầu tư Việt Nam	4.030.744	4.030.744	13.11%
4	Diệp Thị Thu	3.096.655	3.096.655	10.07%
Tổng cộng chiếm tỷ lệ sở hữu trên Vốn Điều lệ				53.85%



2.3. 2. Thông tin chi tiết về các cổ đông lớn

Thông tin về Ông Võ Trường Thành và Bà Diệp Thị Thu: như đã nêu trong 2.2.2
 Thông tin về hai cổ đông lớn còn lại là:

TT	Tên	Số ĐKSH	Ngày cấp	Địa chỉ liên hệ
1	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	05/UBCK-TLQTV	19/07/2006	Tầng 5 Tòa Nhà Bảo Việt, Số 8 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm Việt Nam
2	Quỹ Đầu tư Việt Nam	03/UBCK-TLQTV	13/03/2006	Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV – VN Partners, Level 12, Tháp A, Vincom City Center, 191 Bà Triệu, Hà Nội, Việt Nam

2.4. Cổ đông góp vốn nước ngoài

Tính đến 31/12/2010, TTF có 56 cổ đông nước ngoài, nắm giữ 3.188.994 cổ phần TTF, chiếm 10.37% trên vốn điều lệ. Chi tiết về một số cổ đông nước ngoài có số cổ phần nắm giữ trên 100.000 cp/ cổ đông như sau:

TT	Tên	Quốc tịch	Số CP nắm giữ	Địa chỉ liên hệ
1	Vietnam Holding Ltd	Cayman Isl	1.239.900	Card Corp. Services, 4th Floor Zephyr House, 122 Mary Street 80 Box 709 Gt, Grand Cayman Cayman Islands
2	Greystanes Limited	Cayman Isl	735.105	Second Floor Zephyr House, 122 Mary Street, Po Box 709, George Town, Grand Cayman Ky 1 - 1107, Cayman Islands
3	Tong Yang Vietnam Privatisation Trust Fund 1	Korea	664.999	6th Floor, FYIB Bldg., #23-8 Yeoido-dong, Yeongdeungpo-gu, Seoul, 150-707, Korea
4	AMCFM Global Opportunities Fund	Liechtenstein	240.000	Suite 202, Petro Vietnam Tower, 1-5 Le Duan Street, District 1, Ho Chi Minh City

Tính đến 8/4/2011, TTF vẫn duy trì 56 cổ đông nước ngoài, nắm giữ 3.412.144 cổ phần TTF, chiếm 11.10% trên vốn điều lệ. Chi tiết về một số cổ đông nước ngoài có số cổ phần nắm giữ trên 100.000 cp/ cổ đông như sau:

TT	Tên	Quốc tịch	Số CP nắm giữ	Địa chỉ liên hệ
1	Vietnam Holding Ltd	Cayman Isl	1.349.900	Card Corp. Services, 4th Floor Zephyr House, 122 Mary Street 80 Box 709 Gt, Grand Cayman Cayman Islands
2	Greystanes Limited	Cayman Isl	735.105	Second Floor Zephyr House, 122 Mary Street, Po Box 709, George Town, Grand Cayman Ky 1 - 1107, Cayman Islands
3	Tong Yang Vietnam Privatisation Trust Fund 1	Korea	664.999	6th Floor, FYIB Bldg., #23-8 Yeoido-dong, Yeongdeungpo-gu, Seoul, 150-707, Korea
4	AMCFM Global Opportunities Fund	Liechtenstein	240.000	Suite 202, Petro Vietnam Tower, 1-5 Le Duan Street, District 1, Ho Chi Minh City
5	KITMC Vietnam Growth Fund 2	Korea	109.449	27-1, Yeoido-Dong, Yeongdeungpo -Gu, Seoul, Korea

Trân trọng./.

Ngày 20 tháng 04 năm 2011
 CHỦ TỊCH HĐQT

NHỮNG CÂU CHUYỆN VU KHỔNG CỦA ÔNG NAM – CÔNG TY TÂN PHÁT



Trong năm 2010, một trong những sự kiện nổi bật của Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (TTF) là việc bị Ông Phạm Hoài Nam cố tình bôi nhọ thanh danh suốt thời gian từ tháng 5 (và kéo dài cho đến gần nay), gây ra rất nhiều khó khăn cho TTF, đặc biệt trong mối quan hệ với các ngân hàng, ảnh hưởng mạnh đến ngân lưu của Công ty, làm lo ngại bao nhiêu cổ đông, làm bận tâm đến UBCKNN và Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

Nhân dịp báo cáo thường niên 2010, HĐQT trình bày lại toàn bộ sự việc cho Quý Cổ đông và Quý Đối tác nắm rõ:

Công ty TNHH XD&TM Tân Phát (sau đây gọi là Tân Phát) có trụ sở tại 41 Lý Thường Kiệt, TP.BMT, Dak Lak, do ông Phạm Hoài Nam làm Giám đốc và là người đại diện trước pháp luật

Công ty CP Trồng rừng Trường Thành (sau đây gọi tắt là TTP) có trụ sở tại 35 Quang Trung, TP.BMT, Dak Lak, do ông **Võ Trường Thành** làm Chủ tịch HĐQT và là người đại diện trước pháp luật. Đây là công ty cổ phần mà Tân Phát và TTF cùng đầu tư vào.

• Giữa Tân Phát và TTP:

Ngày 21 tháng 9 năm 2007, Tân Phát đã vay TTP số tiền 24,5 tỷ đồng được thể hiện tại hợp đồng số 01-2007 ký ngày 21/9/2007 và các giấy nhận nợ số 01/2007/GNN; 02/2007/GNN; 03/2007/GNN, với lãi suất thỏa thuận là 13,2%/năm, lãi suất được tính kể từ ngày 01 đến ngày 25 hàng tháng và phải được thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản một lần vào trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, thời hạn vay là 36 tháng. Đến 31 tháng 12 năm 2007, Tân Phát đã hoàn trả được cho TTP số tiền nợ gốc là 5,32 tỷ đồng và tiền lãi phát sinh là 774.642.213 đồng. Từ 31 tháng 12 năm 2008, Tân Phát đã chính thức vi phạm hợp đồng vay này vì đã không chi trả bất cứ tiền lãi và nợ gốc nào nữa. Việc Tân Phát vi phạm hợp đồng là không thanh toán lãi đúng hạn dẫn đến việc TTP có quyền chấm dứt cho vay và thu nợ trước hạn cả gốc lẫn lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, dù bị yêu cầu nhiều lần nhưng Tân Phát vẫn không chịu thanh toán.

• Giữa TTF và TTP:

Ngày 1 tháng 5 năm 2008, TTF đã cho TTP vay 2,7 tỷ đồng theo hợp đồng 01/08/TTF vì TTP cần vốn để hoạt động trong thời gian TTP chưa vay được từ các nguồn khác.

• Giữa TTF và Tân Phát:

Ngày 13 tháng 3 năm 2009, TTF có ký hợp đồng mua căn nhà 35 Quang Trung, TP.BMT, Dak Lak của Tân Phát với số tiền là 6,5 tỷ đồng. TTF đã chuyển trả tiền mua nhà cho Tân Phát, chỉ còn nợ lại 1.845.402.000 đồng thể hiện tại biên bản đối chiếu công nợ được Tân Phát và TTF ký ngày 30 tháng 3 năm 2009

Do từ **31 tháng 12 năm 2008**, Tân Phát đã không chuyển trả nợ gốc và lãi phát sinh theo như thỏa thuận trong hợp đồng (số tiền phải trả cho năm 2008 là **2.584.428.000 đồng**) nên TTP không có tiền để chuyển trả 2,7 tỷ đồng đã vay của TTF. Vì vậy, ngày 30 tháng 3 năm 2009, TTP đã ký biên bản chuyển giao công nợ với TTF, trong biên bản thể hiện TTP đồng ý chuyển phần nợ TTF đối với Tân Phát là 1.845.402.000 đồng vào cân trừ trong số tiền 2,7 tỷ mà TTP đang nợ TTF, để TTF thu hồi giúp, vì lúc đó Tân Phát đang nợ TTP là 2.584.428.000 đồng

Ngày 31 tháng 3 năm 2009, TTP lập biên bản bù trừ công nợ với Tân Phát cho TTF như đã nêu trên. Ngày 9 tháng 4 năm 2009, TTF đã làm thông báo gửi cho Tân Phát về việc khấu trừ khoản nợ trên, nhưng Tân Phát phản hồi ngày 20 tháng 4 năm 2009 là không chấp nhận và đã khởi kiện đòi TTF phải trả 1.845.402.000 đồng mặc dù hành động vi phạm của Tân Phát (tại 31 tháng 12 năm 2008) là xảy ra trước hành động TTF giữ lại 1.845.402.000 đồng (ngày 30 tháng 3 năm 2009) để tiến hành bù trừ và TTP chuyển giao công nợ đúng theo quy định tại điều 309 Bộ Luật Dân sự hiện hành

Ngày 20 tháng 7 năm 2009, Tòa án Nhân dân TP.BMT – tỉnh Dak Lak đã ra bản án 01/2009/DS-KDTM quyết định buộc TTF trả cho Tân Phát số tiền nợ gốc là 1.845.402.000 đồng và lãi phát sinh là 42.813.200 đồng. Tòa án quyết định tách yêu cầu phản tố ngày 28 tháng 4 năm 2009 của TTF về việc khấu trừ số nợ để giải quyết sau.

Quá bất bình với thái độ không hợp lý của Tân Phát nên TTP đã xem xét lại hợp đồng vay với Tân Phát và theo quy định tại khoản 1 điều 4 của hợp đồng vay thì Tân Phát có nghĩa vụ cung cấp toàn bộ các báo cáo quyết toán năm về tình hình tài chính, kinh doanh của Tân Phát cho TTP. Trong 2 năm 2007 và 2008, Tân Phát đã cung cấp báo cáo tài chính cho TTP và ***sau khi xem xét đối chiếu các báo cáo này TTP nhận thấy Tân Phát có dấu hiệu lừa đảo và dấu hiệu trốn thuế, cố tình báo cáo sai lệch kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể là cùng là kết quả sản xuất kinh doanh năm 2007 nhưng ở bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2007 và 2008 có sự chênh lệch nhau rất lớn***. Nhận thấy sự chênh lệch nhau rất lớn về số liệu doanh thu và lợi nhuận trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tân Phát, TTP đã nhiều lần yêu cầu Tân Phát đến đối chiếu và báo cáo rõ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực sự của doanh nghiệp trong năm 2007 và 2008 nhưng Tân Phát không hợp tác, nên TTP đã lập công văn gửi Chi cục thuế TP Buôn Ma Thuột, và Chi cục thuế TP Buôn Ma Thuột cũng đã xác nhận BCTC năm 2008 của Công ty Tân Phát gửi cho Chi cục thuế TP Buôn Ma Thuột và gửi cho TTP là không đúng sự thật được thể hiện tại công văn số 293/CCT-NV ngày 16 tháng 9 năm 2009.

Ngày 13 tháng 11 năm 2009, nhận thấy Tân Phát đã có hành vi lừa đảo và không có khả năng hoàn trả cho TTP nên TTP đã khởi kiện Tân Phát ra Tòa án Nhân dân Tỉnh Dak Lak

Ngày 14 tháng 5 năm 2010, UBCKNN đã nhận văn bản liên quan đến việc Tân Phát khởi kiện TTF ra tòa để đòi khoản nợ 1.845.402.000 đồng. Trước đó, một số ngân hàng, quỹ đầu tư và cổ đông lớn của TTF cũng nhận được một số tài liệu mà Tân Phát đã gửi đến với nội dung tương tự. Đây là một việc làm có mục đích bôi nhọ danh dự TTF của Ông Phạm Hoài Nam.

Ngày 27 tháng 5 năm 2010, sau 1 lần không tiến hành xét xử được do Tân Phát không đến tham dự, Tòa án Nhân dân tỉnh Dak Lak đã đưa ra bản án số 44/2010/KDTM-ST quyết định buộc Tân Phát phải trả cho TTP số tiền là 28.304.035.467 đồng và lãi suất phát sinh trên số nợ gốc từ ngày 28 tháng 5 năm 2010 đến ngày trả hết nợ theo quy định trong hợp đồng vay số 01-2007. Tài sản thế chấp là 1.968.000 cổ phiếu TTP mà Tân Phát đang đứng tên cổ đông sở hữu. TTP có quyền yêu cầu Thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ số nợ nói trên cho TTP theo quy định của pháp luật.

Ngày 6 tháng 8 năm 2010, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có công văn đến một số ngân hàng mà TTF đang có vay vốn hoặc giao dịch. Nội dung thông báo việc Ngân hàng Nhà nước đã nhận thông tin về việc TTF và một số công ty con, công ty liên doanh mảng trồng rừng của TTF đã lừa đảo, lập dự án không vay vốn ngân hàng. Ngân hàng Nhà nước yêu cầu các ngân hàng có nhận công văn đó phải rà soát, kiểm tra lại dư nợ, tài sản đảm bảo, tiến hành phân tích, đánh giá tình hình hoạt động, tình hình tài chính, khả năng trả nợ, hướng xử lý trong thời gian tới, theo dõi chặt chẽ diễn biến hoạt động kinh doanh, các nguồn thu của TTF và các công ty con của TTF để thu hồi nợ gốc và lãi...Sau khi tìm hiểu, TTF cũng đã nhận ra đây tiếp tục lại là hành động “bôi nhọ” của Tân Phát sau khi bị xử thua kiện ngày 27 tháng 5 nêu trên, làm ảnh hưởng rất mạnh đến ngân lưu của TTF trong giai đoạn này.

Thực tế đến ngày 12 tháng 8 năm 2010, TTF đã đầu tư vào các công ty trồng rừng sau:

- Công ty CP Trường Thành Xanh (Phú Yên) (TTG)
- Công ty CP Trồng rừng Trường Thành (Dak Lak) (TTP)
- Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành (Dak Lak) (TTC). Công ty này

có 1 công ty con là công ty CP Nông Lâm nghiệp Trường An (TTTA) mới hoạt động từ tháng 1 năm 2010.

Tại thời điểm đó, TTG và TTC hoàn toàn không có vay vốn ngân hàng. Chỉ có TTP và TTTA là có vay với chi tiết là:

• **TTP:** vay tổng cộng 14,9 tỷ đồng (trong tổng hạn mức là 15,4 tỷ đồng) tại ngân hàng VCB Dak Lak và ngân hàng NHPT Dak Lak cho mục đích trồng 840ha, và đã thế chấp tài sản là QSDĐ số R613818, AM204464, AM204465, AO189140, AO189091. Tổng chi phí đầu tư xây lắp, trồng rừng và chăm sóc trong 11 năm là 33.324.000.000 đồng. Như vậy, các ngân hàng cũng chỉ cho vay một phần vốn cho dự án này.

• **TTTA:** vay tổng cộng 4,36 tỷ đồng (trong tổng hạn mức 12,2 tỷ đồng) tại ngân hàng NN&PTNT Dak Lak cho hoạt động sản xuất phân bón, xây dựng trung tâm cây giống và vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, và đã thế chấp QSDĐ số AP150588 và trung tâm cây giống.

Như vậy, TTF và các công ty con mảng trồng rừng không hề có bất cứ khoản vay lừa đảo nào hoặc sử dụng nguồn vốn không đúng mục đích sử dụng vốn.

Ngày 21 tháng 9 năm 2010, sau khi nhận đơn yêu cầu phúc thẩm của Tân Phát, Tòa Phúc thẩm của Tòa án Nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng đã ra bản án số 46/2010/KDTM-PT quyết định buộc Tân Phát phải trả cho TTP số tiền nợ cả gốc và lãi tính đến 27 tháng 5 năm 2010 là 25.358.121.000 đồng, nếu Tân Phát không trả hết số nợ thì TTP có quyền yêu cầu thi hành án xử lý tài sản thế chấp là 1.968.000 cổ phiếu của TTP mà Tân Phát đứng tên để thu hồi nợ. (Đính kèm là bản sao Bản án số 46/2010/KDTM-PT)

Sau khi tất cả các vụ kiện đã được xét xử và ra bản án cuối cùng, ông Phạm Hoài Nam vẫn tiếp tục những hành vi “bôi nhọ” TTF bằng cách gửi email đến một số đối tác của TTF, gửi công văn đến một số báo đài, UBCKNN, Cục thuế... tố cáo TTF trốn thuế và cung cấp nhiều thông tin không đúng sự thật về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại tỉnh Bình Dương

Thực tế, từ ngày 3 tháng 3 đến 23 tháng 3 năm 2011 (15 ngày), UBCKNN và HOSE đã đến kiểm tra đột xuất TTF về việc này, và đã có kết luận rằng việc phản ánh giá trị tổng số tiền TTF thực chi (37 tỷ đồng) để thanh toán trước tiền mua đất cho ông Phạm Hoài Nam và Tân Phát vào sổ kế toán là khớp đúng với các chứng từ phát sinh, TTF đã cung cấp các bảng đối chiếu công nợ về các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký giữa TTF và ông Phạm Hoài Nam và Tân Phát năm 2008 và 2009

Cũng song song thời gian kiểm tra của đoàn UBCKNN và HOSE, Cục thuế tỉnh Bình Dương cũng đã cử đoàn thanh tra đến làm việc tại TTF. Kết luận của Thanh tra Thuế đã ra ngày 6 tháng 4 năm 2011 (*Đính kèm là Công văn kết luận của Thanh tra Thuế*)

Chính vì ông Phạm Hoài Nam biết TTF (công ty mẹ của TTP) là một công ty đại chúng và nghiêm yết, nên ông ta đã từng tuyên bố rằng nếu TTP không rút đơn kiện đòi nợ Tân Phát thì ông ta sẽ làm cho TTF mất uy tín, các ngân hàng sẽ không cho vay vốn sản xuất kinh doanh nữa và sẽ làm “rớt giá” cổ phiếu TTP. Do đó, ông Phạm Hoài Nam đã liên tục gửi các đơn tố cáo và vu khống vô căn cứ đối với TTF và Ông Võ Trường Thành – Chủ tịch TTF.

HĐQT của TTF cam kết rằng mọi hoạt động của TTF đều bình thường và tuân thủ pháp luật. HĐQT cương quyết bảo vệ quyền lợi cho cổ đông và sẽ làm đơn khởi kiện đối với bất cứ sự vu khống vô căn cứ nào làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty, nhằm trả lại sự minh bạch cho TTF và bảo vệ quyền lợi tối đa của Cổ đông.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Người được ủy quyền công bố thông tin



NGÔ THỊ HỒNG THU

TOÀ PHỨC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

Bản án số: 46/2010/KDTM-PT
Ngày 21/9/2010

V/v: "Tranh chấp HĐ vay tài sản"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHỨC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Bích.

Các thẩm phán: - Bà Trần Thị Song Nguyệt.

- Ông Vũ Thanh Liêm.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương, cán bộ
Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2010 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2010/KDTM-PT ngày 10/7/2010 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 44/2010/KDTM-ST ngày 27/5/2010 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43A/2010/QĐPT ngày 30 tháng 8 năm 2010 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần trồng rừng Trường Thành. Địa chỉ: 35 Quang Trung, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Có bà Lưu Thị Thu Hiền – đại diện tham gia tố tụng theo uỷ quyền của ông Võ Trường Thành – Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty. Có mặt

* **Bị đơn:** Công ty TNHH xây dựng và thương mại Tân Phát. Địa chỉ: 41 Lý Thường Kiệt, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Có ông Lê Văn Tinh – đại diện tham gia tố tụng theo uỷ quyền của ông Phạm Hoài Nam – Giám đốc Công ty. Có mặt



NHẬN THẤY:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 21/9/2007, Công ty cổ phần trồng rừng Trường Thành ký hợp đồng cho vay số 01/2007 cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại Tân Phát vay số tiền 24.500.000.000đ trong thời gian 36 tháng với lãi suất 13,2%/năm, lãi được thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản một lần vào trước ngày 31 tháng 12 hàng năm. Nếu bên vay vi phạm hợp đồng thì bên cho vay có quyền chấm dứt cho vay và thu nợ trước hạn cả gốc và lãi. Khoản vay trên được bảo đảm bằng 2.450.000 cổ phiếu do Công ty Trường Thành phát hành do Công ty Tân Phát đứng tên.

Thực hiện hợp đồng:

+ Số tiền Công ty Tân Phát vay Công ty Trường Thành 24.500.000.000đ, gồm:

- Ngày 25/9/2007, Công ty Tân Phát nhận 4.000.000.000đ theo giấy nhận nợ số 01/2007/GNN và phiếu chi số 10 ngày 25/9/2007.

- Ngày 27/9/2007, Công ty Trường Thành trả nợ cho Ngân hàng phát triển khu vực Đăk Lăk – Đăk Nông thay cho Công ty Tân Phát số tiền 17.647.810.000đ theo giấy nhận nợ số 02/2007/GNN và giấy uỷ nhiệm chi ngày 27/9/2007.

- Ngày 15/10/2007, Công ty Tân Phát nhận 2.852.190.000đ theo giấy nhận nợ số 03/2007/GNN và phiếu chi số 12 ngày 15/10/2007.

+ Số tiền Công ty Tân Phát đã trả Công ty Trường Thành gồm:

- Ngày 31/12/2007, trả 774.642.213đ lãi suất tính đến ngày 25/12/2007.

- Ngày 23/01/2008, Công ty cổ phần tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành (Bình Dương) chuyển trả cho Công ty Trường Thành số tiền 5.320.000.000đ tiền gốc thay cho Công ty Tân Phát (số tiền này là do chuyển nhượng một phần cổ phiếu thế chấp nói trên, số cổ phiếu thế chấp còn lại là: 1.968.000 cổ phiếu do Công ty Trường Thành phát hành do Công ty Tân Phát đứng tên, mệnh giá: 10.000đ/1CP).

Số nợ gốc còn lại là 19.180.000.000đ.

Do Công ty Tân Phát vi phạm hợp đồng nên Công ty Trường Thành khởi kiện Công ty Tân Phát. Cụ thể ngày 25/12/2008 Công ty Tân Phát phải trả nợ lãi năm 2008 cho Công ty Trường Thành nhưng Công ty Tân Phát đã không thực hiện. Và đến nay Công ty Tân Phát cũng chưa trả thêm cho Công ty Trường Thành một đồng nợ gốc, nợ lãi nào.

Tại phiên toà hôm nay, Công ty cổ phần trồng rừng Trường Thành yêu cầu Công ty TNHH xây dựng và thương mại Tân Phát trả số tiền tổng cộng đến ngày 19/5/2010 là: 28.304.035.467đ, trong đó: + Nợ gốc: 19.180.000.000đ.

+ Nợ lãi năm 2008: 2.584.428.000đ, gồm:

- Lãi trong hạn từ ngày 26/12/2007 đến 22/01/2008: $24.500.000.000đ \times 1,1\% \times 27 \text{ ngày} = 242.550.000đ$.

- Lãi trong hạn từ ngày 23/01/2008 đến 25/12/2008: $19.180.000.000đ \times 1,1\% \times 333 \text{ ngày} = 2.341.878.000đ$.

+ Nợ lãi năm 2009: 4.369.208.921đ, gồm:

- Lãi trong hạn từ ngày 26/12/2008 đến 25/12/2009: $21.764.428.000đ \times 1,1\% \times 365 \text{ ngày} = 2.912.805.947đ$.

- Lãi quá hạn từ ngày 01/01/2009 đến 31/12/2009: $21.764.428.000đ \times 0,55\% \times 365 \text{ ngày} = 1.456.402.974đ$.

+ Nợ lãi năm 2010: 2.170.398.546đ (tính đến ngày 27/5/2010), gồm:

- Lãi trong hạn từ ngày 26/12/2009 đến 27/5/2010: $26.133.636.921đ \times 1,1\% \times 153 \text{ ngày} = 1.466.097.031đ$.

- Lãi quá hạn từ ngày 01/01/2010 đến 27/5/2010: $21.764.428.000đ \times 0,55\% \times 147 \text{ ngày} = 704.301.515đ$.

Và lãi suất phát sinh trên số nợ gốc từ ngày 28/5/2010 đến ngày trả hết nợ theo quy định trong hợp đồng vay số 01-2007.

Trường hợp Công ty Tân Phát không trả hết các khoản nói trên thì đề nghị xử lý số cổ phiếu thế chấp còn lại là: 1.968.000 cổ phiếu do Công ty Trường Thành phát hành do Công ty Tân Phát đứng tên, mệnh giá: 10.000đ/1CP để thu hồi nợ cho Công ty Trường Thành theo quy định của pháp luật.

Đại diện bị đơn trình bày: Tôi (Phạm Hoài Nam) xác nhận Công ty TNHH xây dựng và thương mại Tân Phát có ký hợp đồng số 01-2007 ngày 21/9/2007 với Công ty cổ phần trồng rừng Trường Thành. Theo hợp đồng này, Công ty Tân Phát đã vay của Công ty Trường Thành số tiền tổng cộng là 24.500.000.000 *

Khoản vay nói trên được bảo đảm bởi 2.450.000 cổ phiếu. Sau khi vay số tiền nói trên, chúng tôi đã trả số tiền gồm: 774.642.213đ lãi suất tính đến ngày 25/12/2007 (trả ngày 31/12/2007) và 5.320.000.000đ tiền gốc (trả ngày 23/01/2008).

Số nợ gốc còn lại: 19.180.000.000đ.

Tuy nhiên, Công ty Tân Phát không chấp nhận trả nợ gốc và nợ lãi còn lại vì:

- Trong quá trình hợp tác kinh doanh ông Võ Trường Thành có những việc làm không đúng gây thiệt hại cho chúng tôi.

- Rừng và cổ phiếu giá trị lên từ 30.000đ đến 60.000đ/cổ phiếu mà ông Thành vẫn để cổ phiếu giá 10.000đ/cổ phiếu.

- Công ty Tân Phát không nợ Công ty Trường Thành mà đây là thoả thuận làm ăn nội bộ giữa ông Phạm Hoài Nam và ông Võ Trường Thành.

Công ty Tân Phát đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án số 44/2010/KDTM-ST ngày 27/5/2010, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 29; điểm a khoản 1 Điều 34; Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 321, 355, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 27/02/2009 và Điều 1, Điều 3, Điều 4 hợp đồng số 01-2007 ngày 21/9/2007.

1/ Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty cổ phần trồng rừng Trường Thành.

Buộc Công ty TNHH xây dựng và thương mại Tân Phát phải trả cho Công ty cổ phần trồng rừng Trường Thành số tiền: 28.304.035.467đ, trong đó:

+ Nợ gốc:	19.180.000.000đ
+ Nợ lãi năm 2008:	2.584.428.000đ
+ Nợ lãi năm 2009:	4.369.208.921đ

+ Nợ lãi năm 2010: 2.170.398.546đ (tính đến ngày 27/5/2010).

Và lãi suất phát sinh trên số nợ gốc từ ngày 28/5/2010 đến ngày trả hết nợ theo quy định trong hợp đồng vay số 01-2007.

2/ Trường hợp Công ty TNHH xây dựng và thương mại Tân Phát không trả hết số nợ ghi tại mục 1 trong phần Quyết định của bản án này thì Công ty cổ phần trồng rừng Trường Thành có quyền yêu cầu thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ số nợ nói trên cho Công ty cổ phần trồng rừng Trường Thành theo quy định của pháp luật.

Tài sản thế chấp là: 1.968.000 cổ phiếu do Công ty Trường Thành phát hành do Công ty Tân Phát đứng tên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 09/6/2010, ông Phạm Hoài Nam – Giám đốc Công ty TNHH xây dựng và thương mại Tân Phát kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

XÉT THẤY:

Việc Công ty TNHH xây dựng và thương mại Tân Phát vay tiền của Công ty cổ phần trồng rừng Trường Thành có trả lãi, có hợp đồng vay mượn giữa hai doanh nghiệp đều có mục đích lợi nhuận nên cấp sơ thẩm xác định đây là loại án kinh doanh thương mại là đúng.

Xét tại hợp đồng số 01 ngày 21/9/2007 giữa Công ty Trường Thành với Công ty Tân Phát đã ký cũng như các chứng cứ có tại hồ sơ đã xác định Công ty Tân Phát có vay của Công ty Trường Thành với tổng số tiền 24.500.000.000đ với lãi suất 13,2%/năm, lãi quá hạn là 150% so với lãi trong hạn và thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện Công ty Tân Phát đã trả 5.320.000.000đ nợ gốc và trả đủ nợ lãi của năm 2007, từ đó Công ty Tân Phát không trả lãi cho những năm tiếp theo, hiện Công ty Tân Phát còn nợ Công ty Trường Thành 19.180.000.000đ nợ gốc. Khoản nợ này tại phiên toà đại diện bị đơn cũng đã thừa nhận và công nhận là Công ty Tân Phát đã vi phạm hợp đồng.

Xét mặc dù khoản nợ vay chưa đến hạn, nhưng do Công ty Tân Phát có vi phạm hợp đồng về khoản trả lãi nên Công ty Trường Thành được quyền khởi kiện để thu nợ gốc và lãi trước hạn như các bên đã cam kết tại hợp đồng là đúng. Tuy nhiên khi Công ty Trường Thành khởi kiện thì hợp đồng vẫn chưa hết thời hạn, nhưng án sơ thẩm buộc Công ty Tân Phát phải chịu lãi nợ quá hạn từ ngày 01/01/2009 là không đúng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Tân Phát để sửa án sơ thẩm, cụ thể như sau:

Buộc Công ty Tân Phát phải trả cho Công ty Trường Thành số tiền nợ gốc: 19.180.000.000đ và khoản nợ lãi theo hợp đồng tính đến ngày 27/5/2010 là:

* $24.500.000.000đ \times 1,1\% \times 27$ ngày (từ 26/12/2007 đến ngày 22/01/2008) = 242.550.000đ.

* $19.180.000.000đ \times 1,1\% \times 28$ tháng 4 ngày (từ 23/01/2008 đến 27/5/2010) = 5.935.571.000đ.

Tổng cộng cả lãi và gốc là: 25.358.121.000đ.

Xét do hợp đồng bị vi phạm và án sơ thẩm buộc Công ty Tân Phát phải trả nợ cho Công ty Trường Thành nhưng không tuyên huỷ hợp đồng là thiếu sót, vấn đề này cấp phúc thẩm bổ sung cho đúng quy định của pháp luật.

Do sửa án sơ thẩm nên phần án phí sơ thẩm phải điều chỉnh lại cho phù hợp.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ khoản 2 Điều 275 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

- Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 321, 355, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự. Xử:

+ Buộc Công ty TNHH xây dựng và thương mại Tân Phát phải trả cho Công ty cổ phần trồng rừng Trường Thành số tiền nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 27/5/2010 là: 25.358.121.000đ (Hai lăm tỷ ba trăm năm mươi tám triệu một trăm hai mươi một nghìn).

Trường hợp Công ty TNHH xây dựng và thương mại Tân Phát không trả hết số nợ trên thì Công ty cổ phần trồng rừng Trường Thành có quyền yêu cầu

thi hành án xử lý tài sản thế chấp là 1.968.000 cổ phiếu do Công ty Trường Thành phát hành, Công ty Tân Phát đứng tên để thu hồi nợ.

+ Huỷ hợp đồng số 01-2007 giữa Công ty cổ phần trồng rừng Trường Thành với Công ty TNHH xây dựng và thương mại Tân Phát đã ký ngày 21/9/2007.

+ Án phí:

Công ty TNHH xây dựng và thương mại Tân Phát phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 133.358.121đ.

Trả lại cho Công ty cổ phần trồng rừng Trường Thành 25.136.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 007603 ngày 08/5/2009 tại Thị hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột – Đắk Lắk.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại Tân Phát 200.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 001818 ngày 11/6/2010 Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.



Số: 2405/KL - CT

Bình Dương, ngày 06 tháng 4 năm 2011

KẾT LUẬN THANH TRA THUẾ

Tại: Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành
(Đ/c: khu phố 7, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương)

Căn cứ báo cáo kết quả thanh tra ngày 01 tháng 04 năm 2011 của trưởng đoàn thanh tra được thành lập theo Quyết định số 1000/QĐ-CT ngày 07/03/2011 của Cục thuế tỉnh Bình Dương, v/v Thanh tra thuế đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành - MST: 3700530696, Cục thuế tỉnh Bình Dương kết luận như sau:

A/ ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành, được hoạt động theo giấy chứng nhận ĐKKD Công ty Cổ phần số 4603000078 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 8 năm 2003 đăng ký thay đổi lần đầu ngày 18/8/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 21/6/2010, đăng ký lại lần thứ nhất ngày 16/11/2007, do sơ Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp:

Vốn điều lệ: 312.498.390.000 đồng;

Người đại diện pháp luật của doanh nghiệp là Ông: Võ Trường Thành; Sinh ngày 16/6/1958; quốc tịch Việt Nam; chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty.

Ngành nghề: Sản xuất đồ mộc; Sản xuất gỗ dán, ván mỏng, lạng, ván ép, ván sàn nội thất. Sản xuất bao bì; Mua bán sản phẩm mộc, phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ. Đại lý ký gửi hàng hóa. Mua bán thủy hải sản, sản phẩm nông lâm sản, phân bón; Vận tải hàng hóa đường bộ; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng.

Hình thức kế toán: Nhật ký chứng từ.

Đăng ký kê khai nộp thuế tại: Cục thuế tỉnh Bình Dương

Hình thức kê khai nộp thuế GTGT: kê khai khấu trừ thuế.

Điện thoại: 06503.642004 ; Fax : 06503.642006.

B/ KẾT QUẢ THANH TRA :

1/ Thực hiện ký kết hợp đồng, tình hình thanh toán và xác nhận công nợ:

- Ngày 19/10/2007 Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành có ký Hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Phạm Hoài Nam thường trú tại 123 đường Trần Phú, phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuộc, tỉnh ĐắkLak. Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là cây công nghiệp thuộc thửa đất số 77, 78,79,80. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: 226488, số vào sổ 3096/QSDĐ/CN/TĐH do UBND huyện Dĩ An cấp ngày 19/04/2001 tọa lạc trên diện

tích 10.320 m2 thuộc tờ bản đồ số 11 xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương với giá thỏa thuận là 25.000.000.000 đồng chưa qua công chứng nhà nước và được coi là hợp đồng nguyên tắc giữa hai bên.

- Do tình hình giá thị trường của lô đất ngày càng tăng, nên ngày 07/01/2008 ông Phạm Hoài Nam và Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành thống nhất chính thức điều chỉnh hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất kê trên với giá trị tăng lên là 33.500.000.000 đồng và hợp đồng này chính thức đã được công chứng tại UBND xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương (kèm hợp đồng và bản chứng thực của UBND xã Tân Đông Hiệp).

- Ngày 20/3/2008 Ông Phạm Hoài Nam và Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành có thiết lập bản xác nhận công nợ là Công ty Cổ phần Kỹ nghệ gỗ Trường Thành còn phải thanh toán cho ông Phạm Hoài Nam số tiền còn lại 1.000.000.000 đồng (đã thanh toán 32.500.000.000 đồng) đối với việc chuyển nhượng thửa đất kê trên.

- Tiếp theo, ngày 09/01/2009 Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành và Công ty TNHH XD & TM Tân Phát, do ông Phạm Hoài Nam chức vụ giám đốc làm đại diện, hai bên đồng ý và thiết lập biên bản thỏa thuận như sau:

Công ty TNHH XD & TM Tân Phát đồng ý chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành căn nhà tại số 35 Quang Trung, thành phố Buôn Ma Thuộc, tỉnh ĐắkLak theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V053798 do UBND tỉnh ĐắkLak cấp ngày 09/6/2004 và thửa đất số 77, 78,79,80 tại xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương với tổng giá trị là 40.000.000.000 đồng (gồm: Đất Dĩ An 33.500.000.000 đồng, Nhà ĐakLak 6.500.000.000 đồng) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành đã thanh toán cho ông Phạm Hoài Nam giám đốc Công ty TNHH XD & TM Tân Phát với tổng số tiền là 37.000.000.000 đồng gồm các chứng từ thanh toán:

1- Ủy nhiệm chi ngày 31/10/2007 (Ngân hàng Vietcombank Bình Dương) số tiền chuyển trả 2.527.708.333 đồng.

2- Ủy nhiệm chi ngày 31/10/2007 (Ngân hàng Vietcombank Bình Dương) số tiền chuyển trả 6.547.365.000 đồng.

3- Ủy nhiệm chi lập ngày 01/11/2007 (Ngân hàng Vietcombank Bình Dương) số tiền chuyển trả 9.924.926.667 đồng.

4- Phiếu chi số PC7/11/243 ngày 23/11/2007, số tiền thanh toán 1.172.934.500đ

5- Phiếu chi số PC7/11/139 ngày 13/11/2007, số tiền thanh toán 3.040.250.000đ

6- Phiếu chi số PC7/12/001 ngày 01/12/2007, số tiền thanh toán 13.786.815.500đ

Sau khi hoàn thành các thủ tục sang tên sở hữu căn nhà và thửa đất cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành, thì Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành sẽ thanh toán dứt điểm số tiền 3.000.000.000 đồng còn lại (gồm: Đất Dĩ An 1.000.000.000 đồng, Nhà ĐakLak 2.000.000.000 đồng).

Biên bản này được coi là bản xác nhận công nợ giữa 02 bên trong việc mua nhà tại TP Buôn Ma Thuộc, ĐắkLak và đất tại Dĩ An, Bình Dương.

2/ Tình hình thực hiện phản ánh trên sổ kế toán và kê khai thuế:

- Đến thời điểm thanh tra (theo đơn tố cáo của ông Phạm Hoài Nam) việc chuyển nhượng quyền SDD đối với thửa đất số 77, 78,79,80 tại xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương Ông Phạm Hoài Nam vẫn chưa làm thủ tục sang tên

CẢNH CÁO TRÊN TOÀN THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI TTF

VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Trong năm 2009 và 2010 vừa qua, với nhận thức chưa đúng về một số chuẩn mực kế toán liên quan đến hợp nhất, TTF đã chưa thực hiện báo cáo hợp nhất đầy đủ cho năm tài chính 2008 và 2009, và đã giải trình trong quá khứ như sau:

Đối với các công ty mà TTF đã đầu tư và có quyền góp vốn trên 50%, ngoại trừ TTDL1 và TTDL2, ngay từ đầu, chúng tôi đã thống nhất trong HĐQT cũng như thỏa thuận với từng công ty này là TTF giao quyền kiểm soát cho họ đến khi TTF ban hành Quy chế Quản trị Tập đoàn theo mô hình công ty mẹ - con. Hiện tại, nghiệp vụ kế toán tài chính của các công ty này chưa phù hợp để làm báo cáo tài chính kịp thời cho TTF để làm báo cáo hợp nhất trong hạn định bởi Luật Chứng khoán dành cho công ty niêm yết. Do đó, TTF đang tiến hành nhiều buổi huấn luyện và hội thảo với đội ngũ kế toán – tài chính của các công ty này nhằm áp dụng thuần thực chung 1 phần mềm kế toán để tạo thuận lợi cho TTF trong vấn đề báo cáo hợp nhất sau này.

Vì vậy, theo Thông tư số 161/2007/TT-BTC ra ngày 31/12/2007, mục V “Hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán số 7: kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”, điều 1.1 có phần “Trường hợp nhà đầu tư nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư nhưng có thỏa thuận giữa bên nhận đầu tư và nhà đầu tư về việc nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể hoặc trường hợp nhà đầu tư giữ trên 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư nhưng có thỏa thuận về việc nhà đầu tư đó không nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư thì vẫn được kế toán khoản đầu tư đó là khoản đầu tư vào công ty liên kết” nên việc chúng tôi chỉ tiến hành hợp nhất với 2 công ty con là TTDL1 và TTDL2 theo Báo cáo Tài chính đã được DTL kiểm toán là hoàn toàn hợp lệ theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính như đã nêu.

Từ giữa năm 2010, HĐQT của TTF đã quyết định hợp nhất đầy đủ các công ty mà TTF góp vốn trên 50% do các công ty con đã đáp ứng được yêu cầu về thời gian và chất lượng của báo cáo tài chính. Và chúng tôi cũng đã đồng ý thực hiện các hồi tố cho các năm trước vào luôn báo cáo tài chính năm 2010.

Tuy nhiên, trong quý 4 năm 2010, UBCKNN đã lập biên bản **xử phạt TTF số tiền là 70 triệu đồng** vì TTF đã vi phạm quy định tại điểm 1.3 mục II Thông tư 38/2007/TT-BTC về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM cũng ra quyết định về việc **cảnh cáo trên toàn thị trường đối với TTF**. Đính kèm là những quyết định liên quan đã ban hành.

HĐQT TTF chân thành nhận lỗi với toàn thể Quý Cổ đông và các đối tác, và cũng thông báo rằng TTF đã thực hiện đúng theo yêu cầu hợp nhất báo cáo tài chính năm 2010 đính kèm trong Báo cáo Thường niên này.

Trân trọng

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Người được ủy quyền công bố thông tin

NGÔ THỊ HỒNG THU

quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành do đó việc phản ánh trên sổ kế toán và báo cáo tài chính qua các năm 2007-2008-2009-2010 Công ty vẫn còn theo dõi trên tài khoản 241(chi phí đầu tư XDCB) chưa kết chuyển vào tài khoản 213 để theo dõi và phân bổ chi phí. Do vậy, việc nhận chuyển nhượng quyền SDD tại thửa đất số 77, 78,79,80 nói trên, không liên quan ảnh hưởng đến việc kê khai quyết toán thuế và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế TNDN qua các năm 2007-2008-2009-2010.

C/ CÁC YÊU CẦU :

1/ Về phía công ty:

Yêu cầu Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành sớm liên hệ với ông Phạm Hoài Nam để hoàn tất các thủ tục kê khai việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương và chấp hành kê khai nộp các khoản thuế phát sinh trong việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa 2 bên, theo đúng quy định của pháp luật.

2/ Về phía cơ quan Thuế:

Phòng Thanh tra thuế số 2, Phòng kê khai & kế toán thuế, Phòng kiểm tra thuế số 2, hướng dẫn Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành và ông Phạm Hoài Nam thực hiện kết luận này./.

Nơi nhận :

- Công ty CP TD Trường Thành;
- Ông Phạm Hoài Nam
- Phòng Kiểm tra số 2;
- Phòng Kê khai & kế toán thuế;
- Lưu Văn thư, TTr2.

KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



HUYNH ĐÌNH TRÍ

Số: 412C/UBCK-TT
V/v vi phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của CTCP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: Công ty cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

Căn cứ hồ sơ và quá trình giám sát công ty niêm yết đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (TTFC), Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) có ý kiến như sau:

Theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 25, “tất cả các công ty mẹ phải lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (BCTCHN), công ty mẹ khi lập BCTCHN phải hợp nhất các báo cáo tài chính (BCTC) của tất cả các công ty con ở trong và ngoài nước, công ty mẹ không được loại trừ ra khỏi BCTCHN các BCTC của công ty con có hoạt động kinh doanh khác biệt với hoạt động của tất cả các công ty con khác trong tập đoàn”. Năm 2008 TTFC có tất cả 08 công ty con nhưng trên BCTCHN chỉ tiến hành hợp nhất công ty mẹ và 02 công ty con. Năm 2009 TTFC có tất cả 09 công ty con nhưng trên BCTCHN chỉ tiến hành hợp nhất công ty mẹ và 02 công ty con. Như vậy, việc TTFC lập và trình bày BCTCHN năm 2008 và 2009 mà không hợp nhất toàn bộ BCTC của các công ty con là vi phạm quy định về pháp luật kế toán nêu trên.

Theo quy định tại điểm 1.3 Mục II Thông tư 38/2007/TT-BTC ban hành ngày 18/04/2010 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (nay là điểm 1.2.2 Mục II Thông tư 09/2010/TT-BTC): “Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ của một tổ chức khác thì nội dung công bố thông tin về báo cáo tài chính năm bao gồm Báo cáo tài chính của công ty đại chúng (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật kế toán”. Như vậy, việc TTFC công bố thông tin BCTCHN năm 2008, 2009 mà không hợp nhất toàn bộ các công ty con theo quy định là vi phạm quy định tại điểm 1.3 Mục II Thông tư 38/2007/TT-BTC.

Xét tính chất và mức độ vi phạm, UBCKNN xử phạt TTFC như sau:

Phạt tiền 70 triệu đồng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 Nghị định 85/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 08 năm 2010 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

UBCKNN gửi kèm Biên bản vi phạm hành chính, đề nghị công ty ký biên bản, gửi một bản và văn bản giải trình (nếu có) về UBCKNN (Thanh tra)

trước ngày 24 / 12 / 2010 để bổ sung hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TT.

TL. CHỦ TỊCH
PHÓ CHÁNH THANH TRA PHỤ TRÁCH



Vũ Thị Chân Phương

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cảnh cáo trên toàn thị trường
TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, Khóa XI, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/06/2006;

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 599/QĐ-TTg ngày 11/05/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thành Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-SGDHCM ngày 07/12/2007 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 37/QĐ-SGDHCM ngày 03/10/2008 về việc sửa đổi Điều 11 Quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 04/QĐ-SGDHCM ngày 17/04/2009 về việc sửa đổi, bổ sung nội dung tại Điều 19 và mục II Phụ lục 2 Quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý và Thẩm định niêm yết.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cảnh cáo trên toàn thị trường đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

Lý do: Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008 và 2009 mà không hợp nhất toàn bộ Báo cáo tài chính của các công ty con. Điều này đã vi phạm quy định về pháp luật kế toán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán căn cứ theo kết luận tại công văn số 4125/UBCK-TT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 15/12/2010.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Hành chính Tổng hợp, Giám đốc Giám sát giao dịch, Giám đốc Thông tin thị trường, Giám đốc Quản lý và Thẩm định niêm yết và Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TTLKCK;
- Lưu: P. QL&TDNY, P. HCTH.


TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Đức Sinh

Phụ lục 3

TÓM TẮT TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG ĐỒ GỖ & TRIỂN VỌNG NĂM 2011

PHẦN 1 - HIỆN TRẠNG RỪNG

1.1. Tại Việt Nam

Theo Bộ NN&PTNT, năm 2009, tổng diện tích rừng của Việt Nam đạt 13,25 triệu ha, trong đó diện tích rừng trồng là 2,91 triệu ha, chiếm 22%

Nhìn chung diện tích rừng bị chặt phá và đốt đã giảm mạnh trong những năm qua. Điều này cho thấy hoạt động quản lý rừng tại Việt Nam đã có nhiều cải thiện

Giai đoạn 2000 – 2009, mức tăng trưởng bình quân sản lượng gỗ khai thác của Việt Nam đạt 4,72%. Trong 11 tháng đầu năm 2010, Việt Nam đã khai thác khoảng 3,56 triệu m³ gỗ, tăng 7,4% so với cùng kỳ 2009

1.2. Trên thế giới

Theo báo cáo của FRA 2010 của FAO, tổng diện tích rừng của thế giới đạt hơn 4 tỷ ha, chiếm 31% diện tích đất toàn cầu, trong đó khoảng 1,2 tỷ ha rừng được quản lý nhằm mục đích sản xuất các sản phẩm từ gỗ và các sản phẩm từ tài nguyên rừng khác.

5 quốc gia có tài nguyên rừng lớn nhất thế giới gồm Nga (809 triệu ha), Brazil (520 triệu ha), Canada (310 triệu ha), Mỹ (304 triệu ha) và Trung Quốc (207 triệu ha). Tổng cộng diện tích rừng của 5 quốc gia này đã chiếm đến 53% diện tích rừng trên toàn thế giới

Theo tính toán của FAO, tốc độ suy giảm diện tích rừng đã giảm trong thời kỳ 2000-2010 (5,2 triệu ha) so với thập niên 90 của thế kỷ trước (8,3 triệu ha)

Châu Á là khu vực có mức tăng diện tích rừng đáng kể nhất trong thập kỷ qua, với tốc độ tăng 2,2 triệu ha/năm trong giai đoạn 2000-2010, trong khi Châu Âu chỉ đạt mức tăng khoảng 0,7 triệu ha/năm

7% diện tích rừng trên thế giới hiện nay là rừng trồng, tương đương khoảng 264 triệu ha. Khu vực Đông Á, châu Âu và Bắc Mỹ có diện tích rừng trồng lớn nhất thế giới



Diện tích rừng trồng trong thập kỷ qua tăng với tốc độ 5 triệu ha/năm, chủ yếu do hoạt động phủ xanh đất trống, đặc biệt là tại Trung Quốc. Cùng với sự tăng diện tích rừng trồng, tài nguyên gỗ từ rừng trồng ngày càng chiếm vị trí quan trọng trong nguồn cung gỗ thế giới

5 quốc gia có diện tích rừng trồng lớn nhất thế giới là Trung Quốc (77 triệu ha), Mỹ (25,4 triệu ha), Nga (17 triệu ha), Nhật (10,3 triệu ha) và Ấn độ (10,2 triệu ha)

Năm 2010, trữ lượng gỗ trong tài nguyên rừng thế giới đạt trên 527,2 tỷ m³, trong đó các chủng loại gỗ thương mại chiếm khoảng 61,2%. Khu vực Nam Mỹ và Châu Âu sở hữu trữ lượng gỗ lớn nhất thế giới, chiếm tỷ trọng lần lượt là 33,6% và 21,2% trong cơ cấu trữ lượng gỗ toàn cầu.

Mặc dù Châu Á có diện tích rừng trồng tăng cao nhất thế giới, trữ lượng gỗ trên mỗi ha của Châu Á lại thấp nhất trong các khu vực trên thế giới

Sản lượng gỗ khai thác trên thế giới chiếm khoảng 0,7% trữ lượng gỗ toàn cầu. Về dài hạn, khai thác gỗ sẽ tiếp tục tăng trên phạm vi toàn cầu do dân số thế giới và thu nhập gia tăng, kéo theo nhu cầu các sản phẩm từ gỗ tăng lên



PHẦN 2 SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ VÀ GỖ

2.1. Sản xuất và xuất khẩu từ Việt Nam

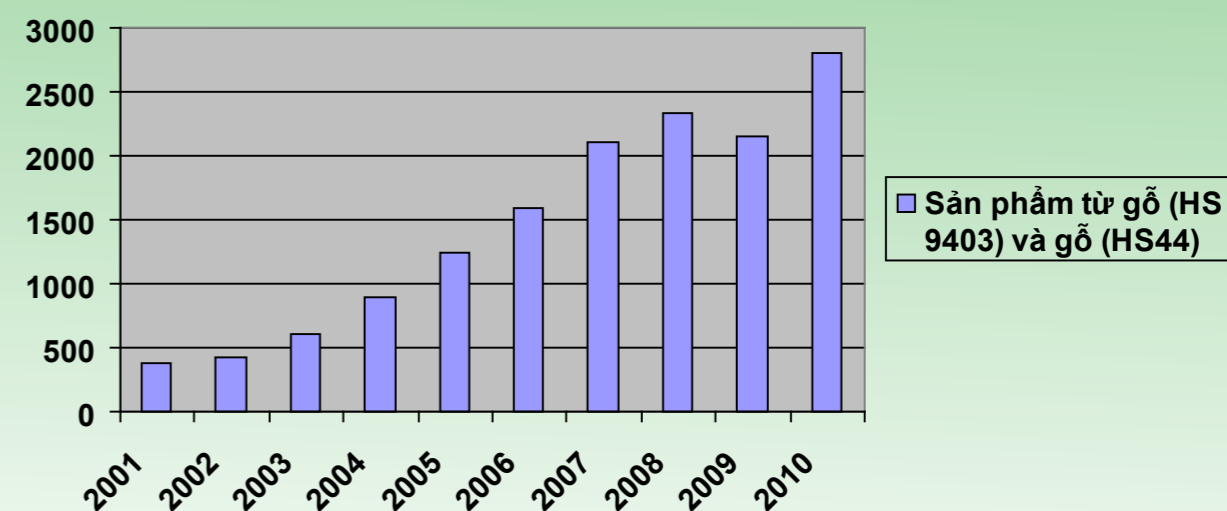
Việt Nam có khoảng 2526 doanh nghiệp chế biến gỗ, trong đó chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ

Trong thập kỷ vừa qua, tầm quan trọng của thương mại các sản phẩm từ gỗ và gỗ liên tục được nâng cao trong tổng kim ngạch thương mại của Việt Nam, đặc biệt là đồ gỗ nội ngoại thất

Tỷ trọng xuất khẩu các sản phẩm từ gỗ và gỗ trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam cũng tăng từ 2,3% lên 3,8% trong giai đoạn 2001-2009

Thị phần các sản phẩm đồ gỗ nội ngoại thất của Việt Nam chỉ đạt khoảng 2,3% trên thị trường thế giới, tuy nhiên dấu hiệu tích cực là thị phần này đang tăng lên

Trong 10 tháng đầu năm 2010, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm từ gỗ và gỗ (hàng hóa thuộc mã HS44 và 9403) của Việt Nam đạt 2,34 tỷ USD, tăng 37% so với cùng kỳ năm 2009. Do đó dự kiến kim ngạch của cả năm 2010 sẽ đạt khoảng 2,8 tỷ USD.



Biểu đồ kim ngạch xuất khẩu sản phẩm từ gỗ và gỗ Việt Nam, 2001-2010 (triệu USD)
Nguồn: ITC (từ 2001 đến 2009), và dự đoán theo TTF (2010)

Chu kỳ xuất khẩu hàng năm các sản phẩm từ gỗ và gỗ của Việt Nam đặc trưng bởi mức thấp vào tháng 2 và tháng 3, bắt đầu tăng tốc từ tháng 5, và thường đạt mức cao nhất từ tháng 11 đến tháng 12

Kim ngạch thương mại gỗ trên thế giới giảm đến 20% trong năm 2009 thì kim ngạch thương mại gỗ của Việt Nam chỉ giảm khoảng 11,1%

Các thị trường bất động sản lớn như Mỹ, EU thoát suy thoái trên phạm vi toàn cầu từ quý 3/2009, hoạt động xây dựng phục hồi tại một số nước ít chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế là những yếu tố tích cực ảnh hưởng lên hoạt động xuất khẩu sản phẩm gỗ nội ngoại thất của Việt Nam. Đơn hàng bắt đầu tăng từ đầu năm 2010 đã giúp kim ngạch xuất khẩu cuối năm tăng nhanh

Trong những sản phẩm từ gỗ và gỗ xuất khẩu từ Việt Nam, mặt hàng đồ gỗ nội ngoại thất chiếm khoảng 72% và có mức tăng trưởng bình quân là 27%/năm trong giai đoạn 2001 – 2009.

Việt Nam xuất khẩu các sản phẩm từ gỗ và gỗ đến hơn 150 quốc gia trên thế giới. Mỹ hiện vẫn là thị trường lớn nhất của đồ gỗ Việt Nam, chiếm trên 40%. Nhật bản và Trung Quốc lần lượt đứng ở vị trí sau Mỹ, cùng chiếm trên 13%. Sau đó là Anh và Hàn Quốc. Tuy nhiên, phần lớn xuất khẩu sang Trung Quốc là những sản phẩm gỗ trong nhóm sơ chế (dăm và gỗ thanh), còn các sản phẩm đồ gỗ nội ngoại thất thì chủ yếu được xuất khẩu sang Bắc Mỹ (60%) và Tây Âu (14%)

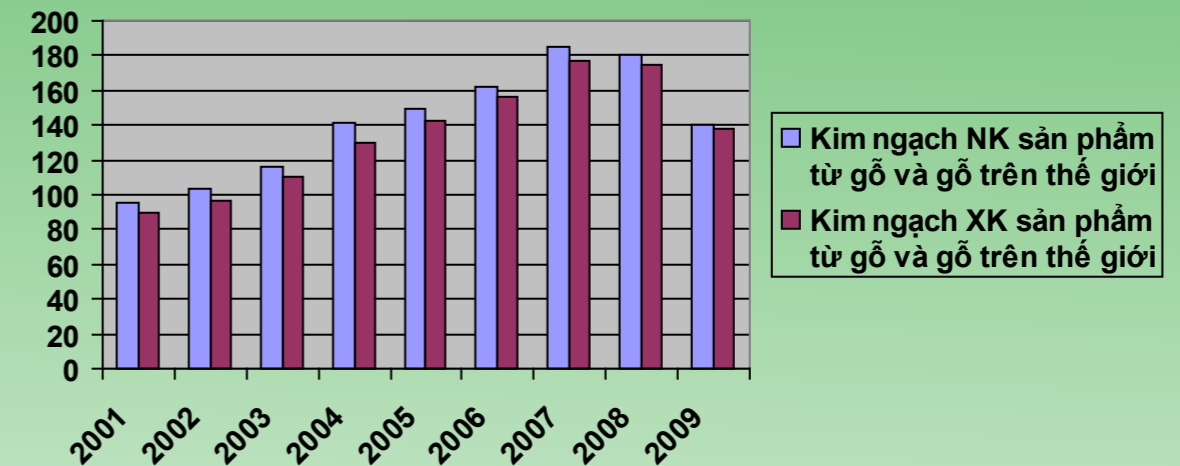


2.2. Thương mại trên thế giới

Hàng năm, tổng kim ngạch thương mại các sản phẩm từ gỗ và gỗ khoảng hơn 300 tỷ USD, với mức cao nhất đạt trong thập kỷ qua vào năm 2007 là 363 tỷ USD

Ngành gỗ là ngành chịu ảnh hưởng sớm của cuộc khủng hoảng kinh tế. Sau khi đạt mức kỷ lục năm 2007, thương mại ngành gỗ đã co nhẹ vào năm 2008 với mức giảm 2% và giảm mạnh vào năm 2009 với mức giảm 22%

Trong giai đoạn 2001 – 2009, tăng trưởng bình quân năm thương mại ngành gỗ đạt 4,5%, trong khi đó, mức tăng trưởng bình quân thương mại thế giới là 8,17%



Biểu đồ kim ngạch xuất nhập khẩu sản phẩm từ gỗ và gỗ trên thị trường thế giới, 2001-2009 (triệu USD)

Nguồn: ITC

Giai đoạn 2001 – 2008 là thời kỳ thương mại sản phẩm gỗ nội ngoại thất tăng trưởng liên tục, với tốc độ tăng trưởng bình quân là 10,1%/năm. Nhưng sau đó, năm 2009 đã bị giảm hơn 18%.

Khách hàng chủ chốt trên thị trường nhóm sản phẩm gỗ nội ngoại thất này là các nước phát triển, bao gồm Mỹ, Nhật và một số nước EU (Đức, Pháp, Anh). Ý, Đức, Ba Lan, Trung Quốc và gần đây là Việt Nam là những nước đóng vai trò nhà cung cấp lớn trên thị trường

Tỷ trọng kim ngạch nhập khẩu của Mỹ đối với sản phẩm gỗ nội ngoại thất trong cơ cấu tổng giá trị nhập khẩu thế giới nổi bật hơn hẳn, chiếm khoảng 24%. Sau đó lần lượt đến Đức, Pháp, Anh và Nhật bản. Trong thập kỷ qua, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm gỗ nội ngoại thất của Mỹ từ Việt Nam liên tục tăng. Trong 10 tháng đầu năm 2010, kim ngạch này đạt hơn 1,1 tỷ USD, tăng 33,7% so với cùng kỳ năm 2009. Do đó có thể kết thúc năm 2010, Việt Nam sẽ vươn lên trở thành nhà cung cấp lớn thứ 2 của Mỹ, sau Trung Quốc và vượt qua Canada

Mặc dù Mỹ là thị trường riêng lẻ lớn nhất thế giới, nhưng nếu tính tổng cộng kim ngạch nhập khẩu các nước thành viên, EU là thị trường đồ gỗ nội ngoại thất lớn nhất thế giới, chiếm khoảng 44% trong cơ cấu thương mại nhập khẩu thế giới

Top 10 nước xuất khẩu sản phẩm gỗ nội ngoại thất hàng đầu thế giới chiếm xấp xỉ 70% tổng giá trị xuất khẩu nhóm hàng này của thế giới, trong đó Trung Quốc hiện là nước đứng đầu với kim ngạch xuất khẩu hơn 13,6 tỷ USD năm 2009. Sau Trung Quốc là Ý, Đức, Ba Lan, Việt Nam...



PHẦN 3 - TRIỂN VỌNG

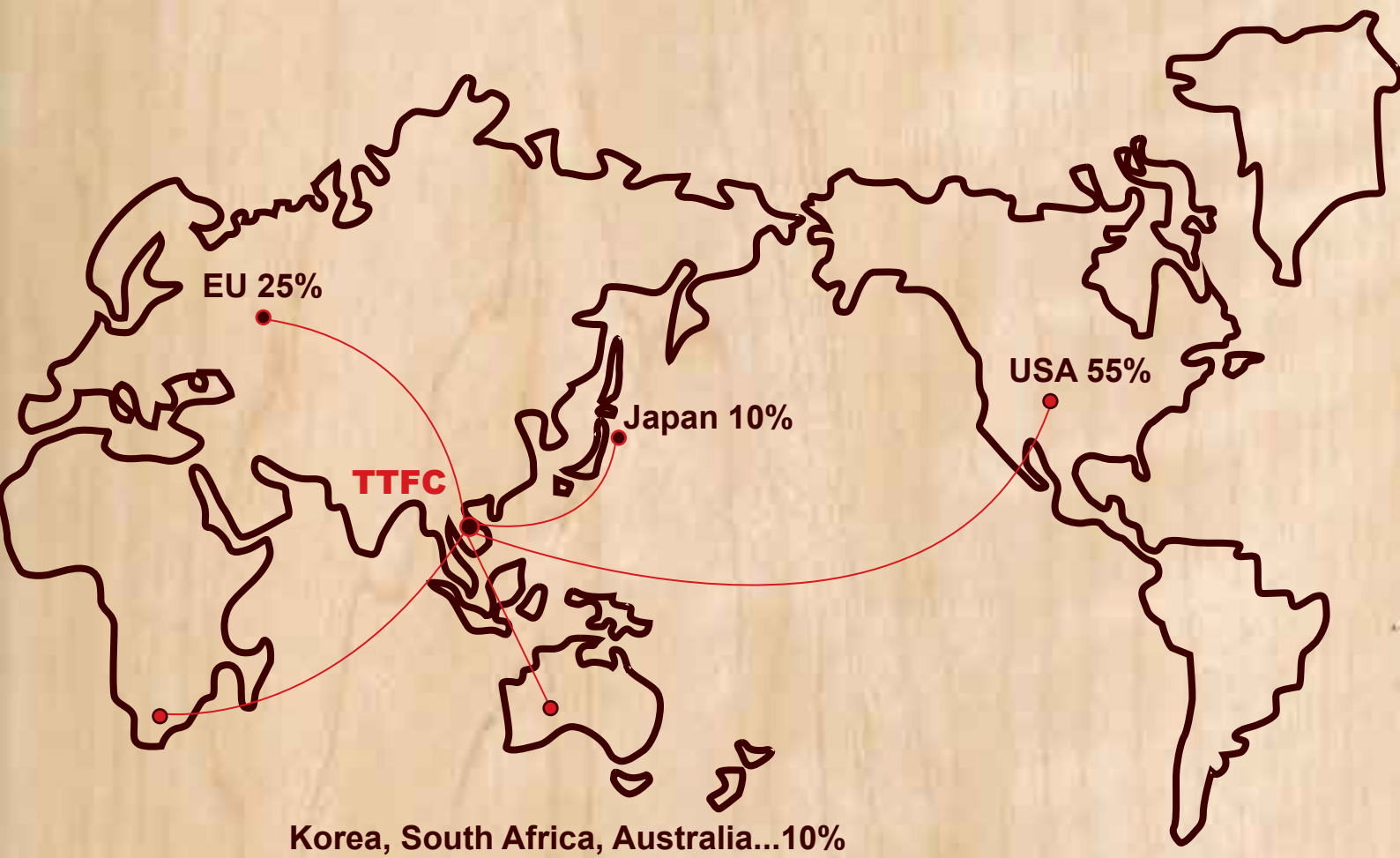
Diễn biến kinh tế Mỹ, Nhật và EU khá tương đồng nhau sau khi co nhẹ vào năm 2011, và được dự đoán sẽ tăng trở lại vào năm 2012. Tại Châu Âu thì Anh có khả năng phục hồi vững chắc nhất, và ngược lại Ý thì sẽ hết sức chậm chạp

Nhu cầu các loại ván nhân tạo dự kiến sẽ tăng mạnh trong năm 2011 do đây là những nguyên liệu phù hợp với những thiết kế phẳng hiện đại mà chi phí thấp

Với mặt hàng đồ gỗ nội ngoại thất, trong những tháng cuối năm 2010, tín hiệu tích cực là chỉ số mua nội thất của người dân Mỹ (được thu thập từ phỏng vấn 5000-8000 người tiêu dùng khắp đất nước) đã lên mức cao nhất vào tháng 12/2010. Đồng thời, những dự đoán về sự cải thiện tình hình nhà xây mới tại Mỹ vào năm 2011 là những nhân tố kích thích tiêu dùng đồ gỗ nội ngoại thất trong năm này. Bên cạnh đó việc Đức và Nga tăng cường đầu tư xây dựng công để thúc đẩy kinh tế, việc Nhật Bản tái thiết nhiều khu vực của đất nước sau thảm họa động đất và sóng thần đầu năm 2011 cũng hứa hẹn một sự tăng trưởng trong thương mại đồ gỗ thế giới.

Ngô Thị Hồng Thu

(Tổng hợp từ Báo cáo Thường niên Ngành hàng Việt Nam năm 2010 của Trung tâm Thông tin PTNNNT – Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT, Bộ Nông nghiệp và PTNT)



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

Đường DT747, Khu phố 7, Thị trấn Yên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương

Điện thoại: (0650) 3642 004 Fax: (0650) 3642 006

Email: contact@truongthanh.com Website: www.truongthanh.com